

Văn nghệ GIA LAI

TẠP CHÍ CỦA HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TỈNH GIA LAI

<https://vannghegialai.vn/>

TRONG SỐ NÀY



Số 13
Tháng 10.2026

- ★ Tổng Biên tập:
TRẦN QUANG KHANH
- ★ Tòa soạn:
103 Phan Bội Châu
Phường Quy Nhơn - Gia Lai
- ★ ĐT: (0256) 3822167
(0256) 3822187
- ★ Email:
vannghegialai@gmail.com
- ★ Tạp chí điện tử:
<https://vannghegialai.vn>
Email: vannghegialaientu@gmail.com

Thời đàm

- | | |
|---|---|
| DƯƠNG HIẾU * Cơ hội mới, thách thức mới | 3 |
| P.V * Hội tụ nguồn lực, mở rộng không gian sáng tạo | 5 |

Ghi chép

- | | |
|----------------------------|---|
| GIA BÌNH * Qua miền di sản | 9 |
|----------------------------|---|

Thơ

PHẠM ĐƯƠNG, TRANG THANH, NGUYỄN TIẾN LẬP, TRƯƠNG TRỌNG NGHĨA,
HOÀNG THUY ANH, NGUYỄN HÙNG, NGUYỄN THANH TUẤN, TRẦN BẠCH DIỆP,
TRẦN HỒNG VÂN

Truyện ngắn

- | | |
|----------------------------------|----|
| VŨ NGỌC GIAO * Sau cánh đồng ngô | 40 |
| MAI HOÀNG * Gò đất không tên | 47 |
| MAI THỊ TRÚC * Mùa hoa trà | 51 |

Nghiên cứu - Phê bình

- | | |
|---|----|
| HOÀNG THANH HƯƠNG * <i>Trang phục, đạo cụ trong nghệ thuật múa dân gian của người Bahnar và Jrai: Bảo tồn nguyên gốc ở mức nào?</i> | 55 |
| VÕ MINH HẢI * <i>Cung kỷ Song Trung sự tích - Một trang ký ức ở Thành Hoàng Đế</i> | 58 |

Độc sách

- | | |
|--|----|
| LÊ HOÀI LƯƠNG * <i>Từ miền man tâm tưởng, đã có...</i> | 61 |
|--|----|

Chân dung văn nghệ sĩ

DUY KHANG * *Nhạc sĩ Lê Khắc Hùng*: Neo tình quê vào giai điệu 65

Văn học trong nhà trường

NGUYỄN THỊ MỸ TIỀN * Khát vọng mang hình ngọn lửa 69

Văn học nước ngoài

Anne Carson - Người thấp lùn cổ thoại giữa ngút ngàn đương đại *
TRẦN NHƯ LƯỢNG (*tổng hợp và dịch*) 74

Văn trẻ

NGUYỄN ANH NHẬT * Những mùa qua mùa 80

Thơ DUY NGUYỄN, TRƯƠNG THỊ DIỄM PHÚC 86

Văn học thiếu nhi

Thơ TRẦN LAN, TRẦN NHẬT HẠ 88

Đất và người Gia Lai

LÊ NHẬT KÝ * Phạm Hồ - Có bao giờ tôi xa Quy Nhơn 91

Tản văn

CỎ THI * Gia Lai, mùa dã quỳ gọi nắng 95

Âm nhạc - Mỹ thuật - Nhiếp ảnh

LÊ KHẮC HÙNG, ĐÀO MINH TÂM, HÙNG PHAN - TRẦN ĐỨC THỨC, BÙI THANH TÙNG, NGUYỄN NAM,
NGÔ THIÊN THẠCH, TRẦN ĐÌNH TẤN, LÊ THỊ XUÂN HỒNG

Ảnh bìa 1: *Hồn Tây Nguyên*. NSNA PHẠM DUY C

Bìa: Họa sĩ **Lê Duy Khanh**

Trình bày: **Kim Sơn**

*Giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử số 17/GP-BTTTT
của Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 13.01.2023
In 500 quyển, khổ 16x24cm, 108 trang tại Công ty In Nhân Dân Bình Định,
339-341 Trần Hưng Đạo. ĐT: 02563822810
In xong và nộp lưu chiểu tháng 10.2026
Giá bán: 20.000 đồng*

Cơ hội mới, thách thức mới

DƯƠNG HIẾU

Hai ngày 22 và 23.10.2026 trở thành dấu mốc quan trọng của anh chị em văn nghệ sĩ tỉnh Gia Lai. Đại hội đại biểu Hội VHNT tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2026-2031 được tổ chức và thành công tốt đẹp. Chỉ sau hơn một năm hợp nhất tỉnh và hợp nhất Hội mọi thứ đã ổn định và vận hành trơn tru, tốt đẹp. Văn nghệ sĩ từ hai tỉnh cũ được quy về một mối, sinh hoạt chung dưới một mái nhà ấm áp là Hội VHNT tỉnh Gia Lai có địa chỉ trụ sở tại số 103 - Phan Bội Châu, phường Quy Nhơn.

Trên tinh thần vì một nền văn học nghệ thuật phát triển xứng tầm với truyền thống và những lợi thế mới từ sự đa dạng của trầm tích lịch sử văn hóa và địa chính trị “đại ngàn chạm biển xanh”, văn nghệ sĩ trong tỉnh đã nhất trí, đồng lòng, gạt bỏ mọi toan tính cá nhân hòa vào dòng chảy mới trong veo và tinh khôi, tất cả vì một tổ chức Hội ổn định và vững mạnh. Các chi hội chuyên ngành lần lượt được củng cố, hoàn thiện về mặt tổ chức, mở ra các hoạt động sôi nổi với khí thế mới, sinh lực mới. Văn nghệ sĩ ở phía Đông cũng như phía Tây tỉnh coi việc hợp nhất là cơ hội để hội tụ thêm những nguồn năng lượng mới và để truyền lửa cho nhau cùng nhau thi đua sáng tạo.

Một năm khởi đầu với khá nhiều khó khăn, thách thức song sự nỗ lực từ các chi hội và từng hội viên, sự cố gắng của tập thể lãnh đạo và Thường trực Văn phòng Hội bên cạnh sự chỉ đạo và những hỗ trợ tích cực từ lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các sở, ngành liên quan, Hội VHNT tỉnh Gia Lai đã vượt qua khó khăn đạt nhiều thành tựu lớn được báo công tại Đại hội.

Đại hội đại biểu Hội VHNT tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2026-2031 thành công tạo ra một sức sống mới với đội ngũ lãnh đạo Hội trẻ trung, nhiệt huyết để bắt đầu một chương mới vì sự phát triển của một nền văn học, nghệ thuật đa dạng, giàu tiềm năng với một lực lượng sáng tác hùng hậu gồm gần 600 hội viên của 8 chuyên ngành hoạt động trải dài từ miền đại ngàn xuống biển xanh. Phương hướng, chỉ tiêu nhiệm vụ, giải pháp thực hiện đã được công khai bàn bạc và thống nhất tại Đại hội. Tuy nhiên đó cũng chỉ mới là những văn bản cô đọng được trình bày súc tích nhất tại Đại hội.

Vấn đề sau Đại hội đại biểu Hội VHNT tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2026-2031 là việc Hội VHNT tỉnh Gia Lai sẽ thực hiện Nghị quyết của Đại hội như thế nào?

Ngày 07.01.2026, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam. Điểm mới quan trọng của Nghị quyết là đề cao vai trò của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ như lực lượng quan trọng trong sự nghiệp phát triển văn hóa. Nghị quyết 80 lần đầu đặt yêu cầu phát triển văn học nghệ thuật xứng tầm với lịch sử văn hóa dân tộc và tầm vóc đất nước trong kỷ nguyên mới đồng thời cũng nhấn mạnh việc đổi mới tư duy và tạo động lực đột phá cho văn học nghệ thuật. Nghị quyết đã khẳng định vai trò của văn học nghệ thuật trong xây dựng “sức đề kháng” văn hóa và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng... Trong tổng thể đó, văn học nghệ thuật có vai trò trực tiếp tạo dựng các giá trị chân - thiện - mỹ, nâng đỡ tâm hồn dân tộc, bồi đắp niềm tin, lý tưởng và khát vọng phát triển.

Một số nội dung của Nghị quyết 80 cần được văn nghệ sĩ nói chung và hội viên của Hội VHNT tỉnh Gia Lai quán triệt. Một là, việc xây dựng cơ chế đặt hàng sáng tạo đối với các công trình, tác phẩm văn hóa và văn học nghệ thuật có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao; Hai là, lan tỏa các giá trị văn hóa - nghệ thuật sâu rộng đến vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và các nhóm công chúng yếu thế; Ba là, chuyển đổi số trong nghệ thuật cung cấp miễn phí hoặc chi phí thấp các dịch vụ nghệ thuật biểu diễn trực tuyến, bảo tàng số và thư viện số; Bốn là, tạo môi trường tự do sáng tạo, khuyến khích tài năng, khơi dậy khát vọng cống hiến và phát triển văn học nghệ thuật tương xứng với yêu cầu trong kỷ nguyên mới. Như vậy Nghị quyết 80 chính là cơ hội lớn để văn học nghệ thuật tỉnh nhà phát huy vai trò, sứ mệnh sáng tạo của mình, là thời cơ để văn nghệ sĩ phát huy tốt nhất năng lực sáng tác.

Nghị quyết 80 sẽ là cơ sở để Hội VHNT tỉnh nhà xây dựng kế hoạch dài hơi, mang tính chiến lược, nhằm phát huy tốt nhất vai trò của văn nghệ sĩ trong việc sáng tác, giữ gìn và quảng bá bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ mới và đó mới chính là cơ sở để thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội đại biểu Hội VHNT tỉnh Gia Lai lần thứ I.

Giờ đây trong hoạt động của mình Hội VHNT Gia Lai sẽ cần chú ý hơn đến việc lan tỏa giá trị văn hóa - nghệ thuật đến những vùng sâu, vùng xa, đến những nhóm công chúng vốn ít có cơ hội tiếp cận văn học nghệ thuật; việc đưa văn học nghệ thuật vào nhà trường giờ không chỉ dừng ở mức truyền đạt kiến thức mà phải trở thành công cụ giáo dục thẩm mỹ, tư tưởng, lòng yêu nước cho thế hệ trẻ; vấn đề hỗ trợ sáng tác không còn đơn thuần hỗ trợ các chuyến đi thực tế hay hỗ trợ theo phân loại công trình, tác phẩm mà nâng lên mức “đặt hàng” cho các tác giả uy tín với những yêu cầu cao về chất lượng tác phẩm đồng thời tiếp sức cho những tác giả trẻ giàu năng lượng sáng tạo...

Văn học nghệ thuật Gia Lai đang bước vào một giai đoạn mới với khí thế mới trong những điều kiện thuận lợi mới song cũng đầy thách thức trước những yêu cầu phải thay đổi phương thức để các hoạt động đạt tới đủ bề rộng và giàu chiều sâu!

D.H

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TỈNH GIA LAI
LẦN THỨ I, NHIỆM KỲ 2026 - 2031

Hội tụ nguồn lực, mở rộng không gian sáng tạo

Trong hai ngày 22 và 23.10.2026, tại Trung tâm Hội nghị tỉnh Gia Lai (phường Quy Nhơn), đã diễn ra Đại hội đại biểu Hội Văn học Nghệ thuật (VHNT) tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2026 - 2031. Đại hội đánh dấu bước phát triển mới của tổ chức Hội sau khi hai tỉnh Gia Lai và Bình Định hợp nhất, mở ra không gian sáng tạo rộng lớn, đa dạng bản sắc cho đội ngũ văn nghệ sĩ tỉnh nhà.

Dự Đại hội, về phía Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam có PGS, TS, Nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, Phó Chủ tịch không chuyên trách Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, Chủ tịch Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam. Về phía lãnh đạo tỉnh Gia Lai có các đồng chí: Nguyễn Thị Phong Vũ - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Huỳnh Thúy Vân - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh; Nguyễn Thị Thanh Lịch - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Siu Trung - Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; cùng đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành, hội đoàn thể, lực lượng vũ trang tỉnh. Về dự đại hội còn có đại diện lãnh đạo Hội VHNT các tỉnh, thành phố: Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Lâm Đồng. Phía Hội VHNT tỉnh Gia Lai, có NSUT Đặng Công Hưng, Chủ tịch Hội; các đồng chí nguyên lãnh đạo Hội VHNT tỉnh Bình Định, nguyên lãnh đạo Hội VHNT tỉnh Gia Lai qua các thời kỳ, các đồng chí trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Hội. Đại hội có sự tham dự của 353 đại biểu chính thức, đại diện cho 598 hội viên Hội VHNT tỉnh Gia Lai.

Phát biểu khai mạc Đại hội, NSUT Đặng Công Hưng, Chủ tịch Hội VHNT tỉnh Gia Lai, nhấn mạnh ý nghĩa đặc biệt của việc hợp nhất hai tỉnh Gia Lai và Bình Định, sự hội tụ của đội ngũ văn nghệ sĩ hai địa phương trong một tổ chức Hội thống nhất từ ngày 01.7.2025. Đây không chỉ là sự kiện về tổ chức mà còn mở ra cơ hội kết nối, bổ sung nguồn lực sáng tạo, phát huy những giá trị văn hóa đặc sắc của vùng đất Gia Lai mới. Từ không gian văn hóa công điền Tây Nguyên

đến nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ được UNESCO ghi danh; từ nghệ thuật Tuồng, di sản văn hóa Tây Sơn, di sản Chăm đến văn hóa biển đảo và kho tàng văn hóa dân gian của các dân tộc Bahnar, Jrai, H're..., sự giao thoa giữa các dòng chảy văn hóa đã tạo nên nguồn chất liệu phong phú cho sáng tác, nghiên cứu và quảng bá văn học nghệ thuật.

Nhìn lại nhiệm kỳ qua, dù đối mặt với nhiều khó khăn do đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu, tác động của cơ chế thị trường và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, hoạt động Hội vẫn đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận. Sau hợp nhất, Ban Chấp hành lâm thời đã tập trung ổn định tổ chức, kiện toàn các chi hội chuyên ngành, từng bước thống nhất quy chế và phương thức hoạt động. Đến nay, Hội có 598 hội viên thuộc 8 chuyên ngành: Văn học, Văn nghệ dân gian, Âm nhạc, Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Sân khấu, Múa và Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số.

Hoạt động sáng tác, quảng bá tác phẩm và nghiên cứu lý luận phê bình có nhiều chuyển biến tích cực. Các chuyên ngành Văn học, Văn nghệ dân gian, Âm nhạc, Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Sân khấu, Múa và VHNT các dân tộc thiểu số đều duy trì các hoạt động chuyên môn, có nhiều tác phẩm phản ánh sinh động đời sống xã hội, công cuộc đổi mới, xây dựng nông thôn mới, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; nhiều hội viên đoạt giải thưởng cao tại các liên hoan, triển lãm khu vực và toàn quốc, các cuộc thi sáng tác do các hội chuyên ngành, bộ, ngành Trung ương tổ chức. Các hoạt động triển lãm, hội thảo, tọa đàm, Ngày Thơ Việt Nam, trại sáng tác, giao lưu văn học nghệ thuật được tổ chức thường xuyên, góp phần quảng bá hình ảnh quê hương, đất nước, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân và tạo môi trường thuận lợi cho đội ngũ văn nghệ sĩ sáng tạo.

Cùng với hoạt động sáng tác, Tạp chí Văn nghệ Gia Lai, chính thức mang tên mới từ ngày 01.10.2025, tiếp tục phát huy vai trò cơ quan ngôn luận của Hội, phản ánh đời sống văn hóa, văn học nghệ thuật và những chuyển động của tỉnh sau hợp nhất. Việc phát triển tạp chí điện tử cũng góp phần mở rộng khả năng tiếp cận độc giả, từng bước đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong hoạt động báo chí, văn nghệ.

Đặc biệt, việc hợp nhất hai Hội VHNT Bình Định và Gia Lai đã được triển khai đúng chủ trương, bảo đảm ổn định tổ chức, phát huy sức mạnh tổng hợp của đội ngũ văn nghệ sĩ hai vùng văn hóa; từng bước hình thành diện mạo mới của văn học nghệ thuật tỉnh Gia Lai trong không gian phát triển mới.

Tại đại hội, các đại biểu đã trình bày nhiều tham luận, tập trung đề xuất giải pháp phát triển lực lượng sáng tác trẻ, nâng cao chất lượng lý luận phê bình, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và khai thác hiệu quả chất liệu văn hóa truyền thống trong sáng tạo nghệ thuật.

Phát biểu chỉ đạo đại hội, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân - Chủ tịch Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, và đồng chí Siu Trung - Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai đã ghi nhận, biểu dương những nỗ lực, đóng góp của đội

ngũ văn nghệ sĩ tỉnh nhà trong thời gian qua. Các ý kiến chỉ đạo nhấn mạnh yêu cầu Hội tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, gắn bó với thực tiễn đời sống, khơi dậy trách nhiệm xã hội và khát vọng sáng tạo của văn nghệ sĩ. Trong nhiệm kỳ mới, Hội quan tâm, động viên văn nghệ sĩ sáng tác những tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, phản ánh sinh động công cuộc phát triển của tỉnh Gia Lai; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng lực lượng sáng tác trẻ, nghệ nhân và văn nghệ sĩ là người dân tộc thiểu số; phát huy bản sắc văn hóa địa phương, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc...

Nhân dịp này, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai trao tặng Đại hội bức trướng mang dòng chữ: “Đoàn kết - Sáng tạo - Đổi mới - Phát triển”, thể hiện sự kỳ vọng đối với đội ngũ văn nghệ sĩ trong chặng đường mới. Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, đồng chí Nguyễn Thị Thanh Lịch - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh trao Huân chương Lao động hạng Nhì cho nhạc sĩ Lê Xuân Hoan, nguyên Chủ tịch Hội VHNT tỉnh Gia Lai. Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam trao Cờ thi đua xuất sắc năm 2025 cho tập thể Hội VHNT tỉnh Gia Lai, đồng thời trao Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp VHNT Việt Nam” và Bằng khen cho các cá nhân tiêu biểu. UBND tỉnh Gia Lai trao Bằng khen cho một tập thể và 9 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào văn học nghệ thuật giai đoạn 2021 - 2025.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Hội VHNT tỉnh Gia Lai khóa I, nhiệm kỳ 2026 - 2031 gồm 15 ủy viên. Tại phiên họp lần thứ nhất Ban Chấp hành khóa I đã bầu Ban Thường vụ Hội gồm 5 ủy viên; NSUT Đặng Công Hưng được tín nhiệm bầu giữ chức Chủ tịch Hội; nhà văn Phạm Kim Sơn và nhà thơ Khổng Vĩnh An Vi được bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội. Đại hội đồng thời tri ân những đóng góp của các ủy viên Ban Chấp hành khóa trước không tiếp tục tham gia khóa mới.

Với sự đồng thuận cao, Đại hội thông qua Nghị quyết nhiệm kỳ 2026 - 2031, xác định các mục tiêu trọng tâm nhằm củng cố tổ chức Hội, nâng cao chất lượng sáng tác và mở rộng hoạt động quảng bá. Theo đó, Hội phấn đấu kết nạp từ 40 - 60 hội viên mới, chú trọng lực lượng trẻ và hội viên là người dân tộc thiểu số; giới thiệu từ 20 - 40 hội viên gia nhập các hội chuyên ngành Trung ương. Trong nhiệm kỳ, Hội dự kiến tổ chức từ 15 - 20 trại sáng tác, chuyển đi thực tế, hội thảo và tọa đàm chuyên môn; xây dựng cơ sở dữ liệu số về Văn học nghệ thuật Gia Lai, nâng cao chất lượng Tạp chí Văn nghệ Gia Lai điện tử theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.

Đại hội đại biểu Hội VHNT tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2026 - 2031 thành công tốt đẹp, mở ra chặng đường mới cho hoạt động văn học nghệ thuật của tỉnh. Trên nền tảng truyền thống và nguồn lực được hội tụ sau hợp nhất, đội ngũ văn nghệ sĩ Gia Lai được kỳ vọng tiếp tục sáng tạo những tác phẩm có giá trị, vừa gìn giữ bản sắc văn hóa, vừa phản ánh hơi thở cuộc sống đương đại, góp phần xây dựng quê hương ngày càng phát triển.

**BAN CHẤP HÀNH HỘI VHNT GIA LAI KHÓA I,
NHIỆM KỲ 2026 - 2031 (xếp theo A,B,C)**

1. Nhạc sĩ NGUYỄN NGỌC ÁNH
2. NSNA ĐÀO PHAN MINH CẦN
3. NSƯT HUỲNH THỊ KIM CHÂU
4. NNƯT YANG DANH
5. Nhạc sĩ HOÀNG NGỌC DŨNG
6. NSƯT ĐẶNG CÔNG HƯNG
7. Nhà thơ TRẦN QUANG KHANH
8. Nhà nghiên cứu VŨ THỊ HUYỀN LY
9. Nhà điêu khắc LÊ TRỌNG NGHĨA
10. Nghệ sĩ NGUYỄN TRỌNG QUỲNH
11. Nhà văn PHẠM KIM SƠN
12. Nhà thơ LÊ VI THỦY
13. Biên đạo múa ĐỖ THỊ KIM TIẾN
14. Nhà nghiên cứu HÀ CÔNG TRƯỜNG
15. Nhà thơ KHỔNG VĨNH AN VI.

BAN THƯỜNG VỤ HỘI

1. NSƯT ĐẶNG CÔNG HƯNG - Chủ tịch
2. Nhà văn PHẠM KIM SƠN - Phó Chủ tịch
3. Nhà thơ KHỔNG VĨNH AN VI - Phó Chủ tịch
4. Nghệ sĩ NGUYỄN TRỌNG QUỲNH - Ủy viên
5. Nhà thơ LÊ VI THỦY - Ủy viên.

BAN KIỂM TRA

1. Nghệ sĩ NGUYỄN TRỌNG QUỲNH - Trưởng ban
2. NSNA NGÔ HUY TỊNH - Phó Trưởng ban
3. Họa sĩ NGUYỄN VĂN CẦN - Ủy viên
4. NSNA PHAN ĐÌNH TRUNG - Ủy viên
5. Nhà thơ LÊ VI THỦY - Ủy viên.

Nhóm P.V

Qua miền di sản

GIA BÌNH

Nổi biển khơi mặn mòi với ngàn xanh tĩnh lặng, Hoài Nhơn Bắc mang dáng vóc của một miền di sản đang cựa mình. Ở đó, quá khứ không ngủ yên trong phế tích, mà đang hiện hữu sinh động trong nhịp sống, nếp nghề và khát vọng của người dân xứ Hoài hôm nay.

Vị biển hồn quê

Nằm ở phía Bắc tỉnh Gia Lai, Hoài Nhơn Bắc hôm nay được hình thành trên cơ sở hợp nhất các địa phương Hoài Châu Bắc, Hoài Sơn và Tam Quan Bắc. Đầu tháng Mười, trong chuyến đi thực tế do Hội Nhà báo tỉnh Gia Lai tổ chức, chúng tôi trở lại vùng đất này. Hành trình đưa những người làm báo đến với các điểm sản xuất, kinh doanh, những mô hình sinh kế và các tiềm năng du lịch đang hiện hữu trong đời sống địa phương. Qua mỗi điểm dừng chân, phía sau một sản phẩm hay một cơ sở làm ăn lại mở ra một câu chuyện về cách người dân tận dụng lợi thế quê nhà, giữ nghề cũ và tìm hướng đi mới.

Muốn hiểu nhịp đập kinh tế biển Hoài Nhơn Bắc, có lẽ phải bắt đầu từ cảng cá Tam Quan. Biển đã ở đó từ lâu, trong đời sống, nếp nghĩ và cả tính cách của những con người bao đời gắn bó với sóng nước. Với họ, biển là sinh kế, là cơ áo, là những chuyến đi xa và niềm mong ngóng của người ở lại. Từ biển, cá tôm theo tàu vào bến. Từ bến, sản vật lại tỏa đi những nẻo đường, qua các khâu thu mua, sơ chế, chế biến, tạo thành một chuỗi sinh kế nuôi sống biết bao gia đình. Cảng cá Tam Quan là nơi những dòng chảy ấy gặp nhau.

Theo thông tin địa phương, cảng hiện có hơn 2.000 tàu lớn, nhỏ thường xuyên neo đậu, với sản lượng hải sản nhập cảng bình quân hơn 20.000 tấn mỗi năm. Những con số cho thấy quy mô hoạt động của một đầu mối kinh tế biển quan trọng ở phía Bắc tỉnh. Địa phương cũng đang đẩy mạnh quy hoạch mở rộng cảng trên diện tích 95 ha, với tổng vốn đầu tư 2.865 tỷ đồng, hướng đến khả năng đáp ứng khoảng 2.400 tàu neo đậu và thúc đẩy chuyển đổi số

trong quản lý, khai thác. Từ nguồn nguyên liệu ấy, nghề làm nước mắm truyền thống ở nơi đây tiếp tục tạo nên dấu ấn riêng. Anh Nguyễn Xuân Huệ, chuyên viên Phòng Văn hóa - Xã hội phường Hoài Nhơn Bắc, giới thiệu với chúng tôi về những cơ sở nước mắm đang giữ nghề, đưa sản vật của biển vào đời sống hôm nay. Chúng tôi ghé thăm cơ sở sản xuất nước mắm Như Hoa, thương hiệu được bà Trần Thị Như Hoa gây dựng từ năm 1999. Ở đây, cá cơm và muối là hai nguyên liệu chính, nhưng để làm nên một mẻ nước mắm ngon, chừng ấy vẫn chưa đủ. Bà Hoa cho biết, cơ sở sử dụng hoàn toàn cá cơm, đặc biệt là cá cơm đỏ dạn, phối trộn với muối theo tỷ lệ 3,5 phần cá, một phần muối rồi ủ trong bể suốt 12 tháng. Với người làm nước mắm, đó là thời gian để nguyên liệu chuyển hóa, để vị mặn trở nên đậm sâu, để từng giọt nước mắm mang lấy hương vị riêng của biển.

Được công nhận OCOP 4 sao, nước mắm Như Hoa đang từng bước đưa sản phẩm truyền thống đến với thị trường rộng hơn. Hiện cơ sở cung cấp ba dòng nước mắm với độ đậm và mức giá khác nhau cho khoảng 20 đại lý trên toàn quốc. Giữa thị trường ngày càng đa dạng, theo bà Hoa, việc duy trì chất lượng ổn định, bảo đảm an toàn thực phẩm, xây dựng thương hiệu và giữ niềm tin của người tiêu dùng là những yêu cầu không thể xem nhẹ. Đặc biệt, sự cạnh tranh từ các sản phẩm không nhãn mác vẫn là một thách thức đối với những cơ sở làm ăn nghiêm túc. Điều khiến câu chuyện nước mắm Như Hoa có thêm chiều sâu là phía sau hoạt động sản xuất còn có một tấm lòng với cộng đồng. Là cựu chiến binh, bà Hoa tích cực tham gia công tác xã hội ở địa phương. Cơ sở của bà tạo việc làm cho hàng chục lao động, phần lớn là phụ nữ nghèo, lớn tuổi, với thu nhập ổn định hơn 5 triệu đồng mỗi tháng.



Bà Trần Thị Như Hoa - chủ cơ sở sản xuất nước mắm Như Hoa (giữa) giới thiệu quy trình sản xuất nước mắm truyền thống. Ảnh: M.N



Đoàn nhà báo tìm hiểu quy trình ủ rượu tại hầm rượu Ông Ngoại 77. Ảnh: P.N



Phóng viên Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai tìm hiểu nghề làm chiếu cói tại làng nghề Chương Hòa. Ảnh: P.N

thùng inox ở công đoạn đóng chai cuối cùng.

Nghe anh Hoàng kể về quy trình làm rượu, tôi nghĩ đến một hướng kinh doanh vừa dựa vào kinh nghiệm thủ công, vừa tìm cách hoàn thiện sản phẩm theo yêu cầu của thị trường. Từ nguyên liệu chính là gạo, cơ sở phát triển thêm những dòng rượu ngâm trái cây rừng “đặc sản” của địa phương Hoài Nhơn Bắc như sim, mâm xôi, trám, đồng thời chế biến siro trái cây tự nhiên và một số sản phẩm kết hợp với yến sào. Mỗi nguyên liệu mở ra một hướng khai thác khác nhau, giúp danh mục sản phẩm thêm phong phú. Trong đó, đáng chú ý là rượu nếp non, được làm từ đồng nếp thu hoạch vào thời điểm nếp đang ngậm sữa, hạt còn non. Phần nếp được ngâm trực tiếp với rượu gạo, sau khoảng sáu tháng, nguyên liệu được vớt ra, phần rượu lỏng tiếp tục được đưa vào quy trình hạ thổ, ngâm ủ. Cách làm ấy cho thấy nỗ lực tìm kiếm hương vị riêng từ những nguyên liệu gần gũi với đời sống nông nghiệp địa phương. Trò chuyện với anh Nguyễn Xuân Huệ và một số cán bộ địa phương đi cùng đoàn, chúng tôi đều đồng quan điểm, rằng, nếu được tổ chức phù hợp, các cơ sở truyền thống, những điểm sản xuất sản phẩm mang dấu ấn địa phương có thể trở thành điểm đến cho những hành trình trải nghiệm.

Rời cơ sở nước mắm Như Hoa, chúng tôi tìm đến cơ sở rượu Ông Ngoại 77 của gia đình anh Đỗ Minh Hoàng. Điều gây ấn tượng trước tiên là hàng chục chiếc chum lớn được bố trí trong khu vực lưu trữ. Những chiếc chum có dung tích khoảng 150 - 250 lít, lặn lề nằm trong lòng đất, gợi cảm giác về một thế giới riêng, nơi mọi thứ dường như diễn ra chậm hơn nhịp sống bên ngoài. Rượu được nấu từ gạo, qua công đoạn xử lý theo quy trình của cơ sở trước khi đưa vào chum hạ thổ ít nhất 12 tháng. Sau thời gian ngâm ủ, rượu được chuyển sang các chum chứa trong phòng chế biến, để lắng tự nhiên khoảng một tuần, rồi mới chiết rót vào chai thủy tinh dung tích 500 ml hoặc 700 ml. Cơ sở cho biết không sử dụng can nhựa hay

Ở Hoài Nhơn Bắc, những mô hình chăn nuôi mới cũng đang góp phần làm phong phú thêm bức tranh sinh kế địa phương. Trong đó, nuôi chồn hương thương phẩm và chồn giống đã trở thành hướng đi của một số hộ gia đình, nhất là những người trẻ muốn tìm kiếm cơ hội làm ăn ngay trên quê hương. Theo thông tin địa phương, có hộ đạt thu nhập hàng trăm triệu đồng mỗi năm từ mô hình này.

Nhìn từ chuyển đi thực tế, từ cảng cá đến cơ sở nước mắm, từ những chum rượu hạ thổ đến mô hình chăn nuôi, có thể nhận ra sự đa dạng trong cách người dân Hoài Nhơn Bắc khai thác nguồn lực tại chỗ. Biến đem lại nguyên liệu, các cơ sở sản xuất nâng giá trị sản vật, những mô hình mới mở thêm hướng sinh kế. Và ở giữa dòng chuyển động ấy, những nghề truyền thống vẫn giữ vai trò như sợi dây nối đời sống hôm nay với kinh nghiệm, tập quán của nhiều thế hệ trước.

Miền xanh di sản

Hoài Nhơn Bắc là nơi được thiên nhiên ban tặng nhiều ưu đãi, và cũng là nơi chứa bao trầm tích văn hóa lịch sử. Ở đó có miền cao nguyên La Vương lộng gió, những dòng suối len qua triền núi, những dấu tích Trường Lũy trầm mặc, những ngôi chùa nép mình dưới chân non và những làng nghề vẫn giữ nhịp lao động qua bao mùa nắng mưa. Mỗi nơi một vẻ, mỗi nơi lưu giữ một phần ký ức của xứ Hoài.

Trong bức tranh ấy, La Vương đang được địa phương quan tâm đầu tư, hướng đến trở thành điểm đến hấp dẫn của khu vực. Khác với không gian mận mòi, rậm rạp nơi cửa biển, La Vương mang đến một vùng trời xanh mát, khoáng đạt, có những khoảng không gian đủ rộng để con người tạm rời nhịp sống thường nhật, trở về gần hơn với thiên nhiên. Chị Nguyễn Thị Xuân Thùy, Tổ trưởng tổ dân phố Hoài Sơn Bắc, cho biết du khách từ nhiều nơi đến La Vương thường thích thú



Một điểm check-in tại La Vương. Ảnh: P.N

trước cảnh sắc vùng cao nguyên này. Những địa danh như Đồng Vương, Núi Chúa, thung lũng Cầu Lầy, suối Cô Tiên... gợi mở nhiều khả năng khám phá, từ thưởng ngoạn cảnh quan đến trải nghiệm sinh thái, nghỉ ngơi giữa không gian núi rừng.

Tôi hình dung La Vương vào những ngày trời trong, khi màu xanh trải rộng qua những triền đồi, khi con người có thể thông thả bước đi giữa thiên nhiên mà không bị thúc giục bởi những âm thanh quen thuộc của phố thị. Một vùng cao nguyên như thế không cần phô bày quá nhiều để tạo sức hấp dẫn. Đôi khi, chỉ một khoảng trời thoáng đãng, một dòng suối trong veo hay một lối mòn dẫn vào miền cây lá nơi nhiều huyền thoại Núi Chúa cũng đủ níu chân người muốn tìm chút bình yên. Nhưng thiên nhiên chỉ thực sự trở thành tài sản lâu dài khi được khai thác bằng sự hiểu biết và lòng trân trọng. Đầu tư cho du lịch không hẳn là phải hăm hở mở đường, dựng thêm công trình hay tạo ra những điểm check-in. Điều quan trọng hơn là giữ được cảnh quan vốn có, bảo vệ môi trường sinh thái và tìm ra cách để du khách trải nghiệm vẻ đẹp của vùng đất mà không làm tổn thương chính vẻ đẹp ấy...

Trong chuyến đi của đoàn, chùa Mười Liễu, còn gọi là chùa Tịnh Viên, là nơi để lại trong chúng tôi nhiều cảm xúc. Ngôi chùa nằm dưới chân núi, gần hồ Tuy An, giữa không gian xanh mát, có dòng suối tự nhiên chảy qua và cảnh quan yên tĩnh. Hôm ấy, chúng tôi được sư Thích Quảng Chiếu, trụ trì chùa, đón tiếp và kể chuyện về buổi đầu hình thành ngôi chùa. Người khai sơn là ông Nguyễn Liễu, người con thứ mười trong gia đình nên thường được gọi là ông Mười Liễu. Vốn giỏi chữ Nho, biết làm thuốc Bắc và có nhiều tài năng, ông cùng vợ chọn vùng đất này dựng chòi sinh sống, rồi dần tạo lập nơi tu tập. Hai vợ chồng không có con, nhưng dấu ấn của họ vẫn còn trong câu chuyện khai sơn và những gì được lưu giữ tại ngôi chùa.

Cuối năm 2013, sư Thích Quảng Chiếu về trụ trì, tiếp tục gìn giữ những dấu tích kiến trúc do ông bà Mười Liễu để lại, đồng thời khôi phục cảnh quan và môi trường sinh thái quanh chùa. Khu vực quanh chùa có địa hình nhiều đá, lớp đất mỏng, khiến không phải loài cây nào cũng có thể sinh trưởng tốt khi trưởng thành. Từ thực tế ấy, thầy Thích Quảng Chiếu hướng đến việc trồng và nhân rộng những loài cây bản địa thích nghi với điều kiện tự nhiên, trong đó có cây lim. Quan niệm của thầy là hạn chế sự can thiệp thô bạo vào hệ sinh thái, không chặt phá hay khai thác khu vực nhằm mục đích kinh tế, để cây cối, nguồn nước và cảnh quan được phát triển theo quy luật tự nhiên. Nhà báo Phương Duyên, người cùng đoàn, chia sẻ rằng chùa Mười Liễu là điểm đến chị ấn tượng hơn cả trong chuyến đi bởi cảm giác bình yên, thư thái. Giữa lịch trình khảo sát các mô hình kinh tế và tiềm năng du lịch, khoảng lặng dưới chân núi dường như giúp mỗi người có dịp lắng lại, cảm nhận thấy những "di sản" quý giá của xứ Hoài. Anh Võ Tiến Dũng, Tổ trưởng tổ dân phố Hoài Sơn Nam, cho hay, khu vực này có cảnh quan tự nhiên đặc sắc, với hệ thống suối, thác nước và các vũng nước tự nhiên, là nơi lui tới của nhiều người dân địa phương và khách du lịch xa gần.

Cùng với những điểm đến tự nhiên, các làng nghề truyền thống là nguồn lực

văn hóa quan trọng của Hoài Nhơn Bắc. Có thể kể đến làng nghề truyền thống sản xuất bánh tráng, bún số 8 Tầng Long 1, Làng nghề trồng hoa Gia An Nam... Trong đó, làng nghề dệt chiếu cói ở Chương Hòa đã tồn tại qua nhiều thế hệ với hơn 200 năm. Theo số liệu địa phương, hiện Hoài Nhơn Bắc có 155 hộ với hơn 300 lao động tham gia sản xuất chiếu cói. Những sản phẩm như chiếu trắng, chiếu hoa râm, chiếu gấm, chiếu vảy ốc được tiêu thụ ở nhiều địa phương thuộc khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Đặc biệt, chiếu cổ lồi với hoa văn nổi độc đáo từng đạt giải thưởng tại Hội chợ toàn quốc năm 1986. Một sản phẩm tưởng chừng bình dị, gắn với sinh hoạt thường ngày, đã có lúc vượt khỏi phạm vi làng quê để khẳng định dấu ấn của nghề thủ công địa phương. Anh Nguyễn Xuân Huệ chia sẻ niềm vui: “Cách đây vài tháng, chính xác là ngày 10.3.2026, UBND tỉnh đã xếp hạng Đền thờ Ông tổ nghề dệt chiếu cói Chương Hòa là Di tích lịch sử cấp tỉnh”.

Giữ nghề giữa thời buổi sản phẩm công nghiệp ngày càng đa dạng chưa bao giờ là việc dễ dàng. Người thợ phải tính toán năng suất, giá thành, đầu ra, đồng thời tìm cách cải tiến mẫu mã và nâng cao chất lượng để đáp ứng thị hiếu. Nghề truyền thống muốn tiếp tục sống thì cần tạo ra thu nhập đủ để người làm nghề có thể gắn bó với nghề. Bà Lư Thị Hải, 58 tuổi, đã có hơn mười năm làm công việc dệt chiếu ở Chương Hòa. Nhờ máy móc hỗ trợ, mỗi ngày bà có thể dệt khoảng 14 - 15 chiếc chiếu. Với tiền công 15.000 đồng cho mỗi sản phẩm hoàn thành, thu nhập của bà đạt hơn 150.000 đồng/ngày. Số tiền không lớn, nhưng với bà Hải và nhiều lao động khác, nghề còn người dân còn việc làm, còn những đỡ đần cuộc sống, và những kỹ thuật truyền thống còn được thực hành. Tên làng chiếu cói vẫn được nhắc đến qua những tấm chiếu đi xa...

Từ làng chiếu cói Chương Hòa, nhìn sang làng hoa Gia An Nam, rồi nối đến cơ sở nước mắm Như Hoa, hầm rượu, cảng cá Tam Quan và những điểm đến như La Vuông, Suối Đá Vàng, Trường Lũy, chùa Mười Liễu..., có thể hình dung một tuyến du lịch mang nhiều lớp trải nghiệm. Khi chúng tôi chia sẻ điều ấy với anh Phạm Ngọc Hoan, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy phường Hoài Nhơn Bắc, anh cho biết địa phương cũng đang tập trung khai thác các lợi thế tự nhiên, giá trị văn hóa truyền thống và tín ngưỡng dân gian, từng bước xây dựng tour du lịch riêng mang tên “Tinh biển - xứ Dừa - Cao nguyên xanh”, nỗ lực tạo dựng một hành trình có bản sắc, nơi biển cả, làng quê, núi rừng và đời sống văn hóa cùng kể câu chuyện về vùng đất này.

Tôi nghĩ đến những con tàu nối nhau về cảng cá Tam Quan, giọt nước mắm đượm vị biển, những chum rượu lặng lẽ hạ thổ; nghĩ đến sắc xanh La Vuông, dòng suối bên chùa Mười Liễu và đôi tay người thợ dệt chiếu Chương Hòa... Mỗi nơi một vẻ, mỗi nghề một câu chuyện, cùng làm nên hồn cốt xứ Hoài. Khi được kết nối thành một hành trình trải nghiệm giàu bản sắc, những giá trị ấy sẽ mở lối cho du lịch, tạo thêm động lực để Hoài Nhơn Bắc phát triển từ chính tiềm năng và căn cốt quê nhà.

G.B

PHẠM ĐƯƠNG

Bức ảnh

Tặng Phan Tấn Tu và Nguyễn Như Ngọc

Ta ướp thanh xuân trắng đen ồm đỏi
trong hũ muối thời gian
đến 30 năm
giờ giờ ra gặp ba ông lão cười màu mè
cổ che mấy chiếc răng giả

Thuở đỏi kém sao hồn nhiên
giờ no đủ mà lòng nghe nặng nề?

Ngũ thập tri thiên mệnh
thôi cạm ly thời gian
đừng mơ 30 năm nữa.

Nhớ một khuya nào

Nhớ một khuya nào em tặng anh cơn mộng du
mình dắt nhau qua cây cầu có ngôi chùa cổ
nơi hai con chó đá
đứng chôn chân suốt mấy trăm năm

Nhớ một khuya nào
em tặng anh tiếng khóa nước sông Hoài
người đàn bà một tay chèo thuyền
còn tay kia gieo những chiếc hoa đăng
lập lờ sông nước
gợi cảnh trăm năm thương hồ ngang dọc
thuyền đỗ nơi đâu chỗ ấy là quê
đèn sáng nơi mô chỗ nớ là nhà

Một khuya nào anh nhớ
mình dắt nhau qua
mộng寐 trăm năm
phả vào ta ngai ngái mùi bùn
Hội An ngày lặng gió
giọng bài chòi nghe trĩu lòng quá khứ
sông nước mơ hồ tơ nhện giăng giăng

Nhớ một khuya nào dưới đáy sông trăng
người đàn ông trầm mình vớt những mảnh vỡ tình yêu
thuở em thiếu nữ
nghe sông Hoài thở than điệu vợi
những thất lỡ hôm qua
những muộn phiền đang tới
trót mang tên Hoài nên em luôn nhớ
người của trăm năm lang bạt phương nào
có người đàn bà gửi trong câu ca dao
mối tình ngang trái
cố giấu trong lớp ngói buồn buồn rêu phủ
một tiếng thở dài

Nhớ một khuya nào
nước ở cuối sông chợt thắm xanh đêm
em nói với anh đó là hy vọng
dù là đêm hay giữa ban ngày
nước không xanh là tắt mọi niềm mơ

Nhớ một khuya nào
em dẫn anh về với tuổi thơ
nơi có con đường làng đưa em đến trường mỗi sớm
phố xá giờ xóa đi bao kỷ niệm
biết có còn lưu một dấu chân xưa?

Nhớ một khuya nào mình đi trong mưa
quất vào mặt ta bao bọt bề lo nghĩ
những cơn mưa chập chờn
những cơn mưa mộng mị
nghe nước sông Hoài thao thiết miên man...

P.Đ

TRANG THANH

Người đàn bà phù phiếm và cây bàng

Trước cơn đông cuối thu
người ta đã chặt những cành bàng
phổ chỉ có cây bàng duy nhất
nhắc cho những người đàn bà vụng về nhận biết mùa đông

Ở chỗ cây bàng đã kiêu hãnh ngày xưa
người ta lát nền đá xám
cửa nhà mới mở toang, ánh đèn hắt sáng

Ngày nào nàng cũng qua đây
gót giày nhọn và cao chọc mù ký ức
và nàng mù cảm xúc
tay nàng không còn run
trái tim không nhịp rung

Người đàn bà phù phiếm trong nàng
luôn muốn mình đẹp hơn bằng phấn son và quần áo

Nỗi buồn thì mang màu gì
nàng nghĩ màu xám

Cần chặt hết những cây bàng mùa đông.

Trong ban mai

Heo may vươn vai
rời cọng sen khô
bay khỏi xác xơ ngày cũ

Cánh chim run rẩy cuối thu
nghe tim khẽ khàng
phủ dụ

Tự ôm lấy vết thương
mây ẩm
ùa vào hơi thở

Giấc mơ đêm qua
không còn chạm đau
những miền nứt nẻ

Trong ban mai
mây cọng hoa dứa nháy mắt
cười ta buồn đã quá thừa.

T.T

NGUYỄN TIẾN LẬP

Thăm một sắc yêu

(Thăm Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng)

Anh đưa tôi đến bạt ngàn xanh ảo mộng
mây ngừng trôi trong nắng... cánh mây trôi
vách núi dựng nếp sau làn sương mỏng
tiếng thác gào... chuyện rất thật đó thôi

Cả em nữa cũng là điều rất thật
cánh phong lan vờn gió vẫy mây trời
đến với rừng ngỡ lạc vào cổ tích
được gặp rừng cũng cổ tích em ơi

H'rơi Kon Dơi^(*) màu xanh tràn sắc biếc
nắng hoàng hôn... hôn chân thác lao xao
ngồi tựa tảng đá già tôi viết
chẳng là thơ chút cảm xúc dâng trào

Kon Chư Răng đến rồi tôi thấy
núi rừng vây. Cận cảnh bức tranh làng
cứ thăm thẳm một miền xanh cổ tích
chẳng bạc với rừng rừng chẳng bạc... thể thôi

Rồi có thể một ngày trở lại
rừng xanh thêm, con thác trẻ lại nhiều
dù chẳng thể ở cùng rừng mãi mãi
nỗi lòng này thắm mãi một sắc yêu.

() Thác Kon Dơi, một tên gọi của người bản địa nói về thác K50.*

Về làng

Gặp lũ trẻ lấm lem hơi thở mùa màng
gặp cánh đồng râm ran tiếng châu chấu hát
tôi đưa em về làng
vết chân em lồm chiều chập bếp
rón rén Polang chớm nụ...
tàn xuân

Gặp những nhánh đường suốt tuổi ấu thơ
gặp cành đa treo hồn thiêng cổ tích
đêm rón rảng tiếng gầu khua mặt nước
vỡ mảnh trăng cong
vực cạn ao làng

Những nếp sần bạc thếp thời gian
rong rêu bọt màu son trẻ
tiếng ve rền vệt chiều nắng hạ
khuôn mặt làng vẫn thế ngàn năm

Sẻ kết đàn xây tổ cấp mùa lên
giai điệu ngập đồng
lầu rầu chùm chiêng lẫn tràn mặt đất
tiếng T'rưng giọng Krôngput
đàn chập trời âm thanh

Áp ngược chiều tìm lại ngày xanh
núi dang tay ôm trọn đời ngô lúa
rẫy nương xanh tới đâu làng vườn ra tới đó
những nếp sàl cùm lại thành quê

Tiếng chiêng ngân nổi nhớ
kéo ta về
lăng đẵng làng...
lăng mạn vòm đa muôn thuở
làng vẫn làng trải bao đời khôn khó
chén rượu đầy vơi
men dậy
tình làng.

N.T.L

TRƯƠNG TRỌNG NGHĨA

Chạm ngày nắng lên

Thả trôi
những mối mệt xuống triền sông
nơi phù sa oằn mình
ôm lấy đôi bờ lở bồi, câm lặng
có những ngày
mồ hôi đọng thành vệt buồn cay đắng
có những đêm
nổi buồn tạc vào lòng sông đặc quánh
sự tồn tại mỏng tanh
như bọt nước mạn thuyền...

Đã bao lần
ta chất vắn bóng tối chênh vênh
miệt mài xuôi chèo
đi về đâu giữa trần gian quán trọ?
ký ức mờ côی ùa về
cào xé từng nhịp thở
nghe văng vẳng điệu ầu ơ của mẹ
rụng bậu cửa chiều
lưng chừng thanh xuân,
vai sồn mưa nắng...

Đôi lúc thấy mình
là hạt bụi rớt mông lung
bờ bãi trăm năm,
dòng sông chòng chành nước ròng nước lớn
tựa cửa nghe tiếng đồn kìm lý loi
giữa đêm miệt vườn tĩnh lặng
dây oán nỉ non
khóc thương bao phận người xuôi ngược
tiếng tơ đồng lỗ nhịp buồn tênh...

Và sáng nay,
nắng rải lụa mềm qua những dải cù lao
phủ nọ cười óng ả thanh xuân
lên dòng nước hiền hòa bao dung quá đỗi
khúc sông menh mông
chở bọt ngàn phù sa trôi đi lặng lẽ
và sông biết gột rửa đôn đầu
để ru lòng phẳng lặng
tựa mặt gương khổng lồ
thu cả vòm trời xanh ngát nắng lên...

Viết cho con gái năm 12 tuổi

Con ơi, hãy nghe...
từng hạt nắng đang rớt vào sớm mai
tiếng chim gọi từ những hàng cổ thụ
và tiếng thì thầm của tình mơ đang tìm về

Con ơi, hãy tin...
bóng tối chỉ ngủ trên mi mắt
rồi sẽ qua đi,
rồi ngày mới đến
như thể đêm đen nhường chỗ cho ánh mặt trời

Con ơi, hãy cười...
mỗi giọt nước mắt sẽ là một hạt sương
mỗi giọt sương lại nở thành những bông hoa
đóa hoa trắng mang tên hy vọng

Con ơi, hãy bước...
đầu đường xa còn dài
vẫn còn dài thăm thẳm...
mỗi bước chân là một ngọn đèn
thắp lên những mùa nắng vàng rực rỡ

Con ơi
thế giới rộng như một cánh đồng lấp lánh
mà đôi mắt con như hai hạt mầm còn khép chặt
đang khao khát vỡ bung để gọi nắng về
Đừng sợ!
bóng tối cũng chỉ là chiếc khăn choàng của đêm
một ngày khi ta vén lên
bình minh vẫn mở cửa bằng tiếng chim đầu ngõ

Con ơi, hãy hát...
ngày mai nắng sẽ gọi tên con
ngày mai rồi sẽ đến
như cánh cửa mở ra khu vườn xanh biếc
như bàn tay con khẽ chạm cầu vồng
sau cơn mưa đầu hạ...

T.T.N

HOÀNG THỤY ANH

Tự nhiên

Những hạt giống ánh sáng
theo mẹ ra đồng
ấu thơ từng con đường

Đóa quỳnh nằm chờ pháo nổ
bàn tay và nụ môi
ấp ủ những chồi lửa

Con cún sữa trắng
đánh dấu ngắn thời gian
mùa về bên hiên nhà

Bầu trời nhàn rồi
chẳng biết làm gì ngoài mênh mông
những đám mây thông dong
chẳng biết làm gì ngoài tĩnh khôi

Từ đó thảng dần mọc lên
từ đó những ánh nhìn xanh non
từ đó những ý nghĩ ngọt lừng.

Vẻ đẹp khởi đầu

Gieo một giọt sương
con sóng hót lời nhẹ tênh
thêm một chớp mắt
bình minh phì nhiêu di-ngũ-cỏ

Thời gian nằm ngoài lời nói
nổi niềm câu thúc tận cùng yên ắng
chỉ còn lại vô thường

Sự hiện diện của thiếu vắng
hắt lên những khôi nguyên
ngọn cỏ nhắc chân khỏi đường mòn
bay

Ước một lần rộng không
ẩn theo con gió chướng
mịn êm tiếng cười

Tình yêu
như dòng sông vỗ cánh.

H.T.A

NGUYỄN HÙNG

Nương vào nhau giữa biển Đông

Từ Cửa Hội Cửa Lò quê mẹ
Tôi lớn lên cùng vị mặn phù sa
Biết tiếng sóng không chỉ là sóng bể
Và cánh buồm không chỉ hương khơi xa

Những con thuyền đi lúc trời chưa rạng
Mang theo trăng, mang cả gió theo mùa
Mang câu ví giặm neo đầu sóng
Và dáng mẹ ngồi đan lưới trước sân trưa

Ra Trường Sa bỗng thấy như quen thuộc
Giữa biển xa vẫn có những làng chài
Đèn tàu cá kết nhau thành xóm nhỏ
Nương vào nhau qua sóng cả đêm dài

Có chuyến biển quên ngày quên tháng
Bạn thuyền quen ăn nắng ngủ mưa
Con cá lớn kéo cong cần giữa sóng
Mừng như vừa náu được mùa xưa

Có tàu mẹ lệnh đèn làm “chợ biển”
Giữa trùng khơi tiếp sức những con tàu
Đá lạnh, xăng dầu, mì tôm, nước ngọt...
Giúp bạn nghề bám biển dài lâu

Tôi từng gặp những ngư dân xứ Quảng
Đứng bên lính trẻ kể chuyện nhà
Một bên canh đảo, tay ôm súng
Một bên giữ biển, giữa phong ba

Họ không quen những lời khuôn sáo
Chỉ quen nhìn con nước để ra khơi
Mỗi chuyến biển ra đảo xa máu thịt
Đều âm thầm trấn giữ một khoảng trời

Giữa ngư trường muôn trùng giông bão
Họ đến đây làm cột mốc không tên
Dấu biển động, người không rời biển
Chủ quyền neo giữa những con thuyền

Đêm Trường Sa, đèn tàu thức trắng
Cuối chân trời chim biển vịn nhau bay
Giữa bão giông, con người thâm lặng
Nương vào nhau giữ biển đến mai này.

Tàu mẹ giữa ngư trường

Giữa ngàn sóng gió, nắng mưa
Có con tàu tựa thoi đưa thảng ngày
Không neo bến nước vơi đầy
Lại theo những chuyển vòng quay ngư trường

Tàu con tấm nắng gọi sương
Lần theo con nước dò luồng cá đi
Biển xa đâu dễ đi về
Cá ước, dầu cạn... bốn bề gọi ai?

Mẹ tàu chở cả nắng mai
Hiện lên như một khoảng trời tan mây
Dầu thêm, đá lạnh chuyển tay
Gạo mì, nước ngọt nối dài tình thân

Nghề đi biển thâu nghĩa nhân
Không ai bỏ bạn giữa ngàn sóng vây
Vậy nên tàu mẹ ở đây
Sẵn lòng trợ giúp những ai khi cần

Đêm buông đèn sáng thành làng
Ngư trường bỗng hóa đồng vàng quê ta
Biển trời mây nước bao la
Ngư dân ủ lửa Trường Sa trong lòng.

6.2026

N.H

NGUYỄN THANH TUẤN

Xin đa tạ

Mùa vẫn vậy

Cứ lặng thầm trôi đi những chiều đông đã qua

Lòng vẫn phơi xanh, hiên ngày úa nắng

Tiếng gió vờn trên tàn cây như ảo ảnh

Mà chênh vênh cứ quăng quật trong lòng

Có một khế khàng như ngày vừa rơi

Phạc phờ dòng sông trôi lằm lũi

Bỗng thấy mình như viên cuội xuôi ngược dòng chảy

Hỏi cuộc đời có mấy đổi thay

Con thuyền cùng ai giải bày để ngày thôi tẻ nhạt

Nhìn trời cao núi rộng sông dài, lay lắt suy tư

Ngoảnh nhìn lại mình từ phía hôm qua

Miền thương võ vàng rụng đầy xác lá

Mùa đông cần cỗi của tuổi già ăn vạ

Chỉ xin đa tạ một sớm nắng mùa xuân.

Phố mùa đông

Đông mở mắt tàn thu theo gió
Rỗng một miền phố cũ
Ly cà phê tí tách
Chiều rót cơn say

Ngày đông mỏng tang
Giọt hoàng hôn vỡ vụn
Mưa giăng tràn lối nhỏ
Gánh gió đầy hai vai

Ôm trái tim đầy nhớ
Phố cũ đợi em về hạnh ngộ
Lá vàng rơi trước ngõ
Hần lên nỗi nhớ xanh rêu.

N.T.T

TRẦN BẠCH DIỆP

Trôi dạt dưới bầu trời mùa thu

Trong chiếc tổ rơm vàng óng
Nắng vớt tôi bên rìa những ngọn đồi
Như hơi thở tình nhân dưới vòm cây
Như bức phác họa gạt bớt những hình tượng
Cho niềm âu yếm của mùi hương những ngọn gió

Trôi qua đồng xanh tiếng chim cúc cu
Khói lam gọi bữa cơm chiều
Đứa bé nấp sau gốc cây chơi trò cút bắt
Những người đàn bà tôi gặp
Cho tôi biết nhiều hơn về sự chịu đựng và niềm trầm ẩn
Cuộn trong những chiếc kén vàng
Nở ra sợi nước mắt lấp lánh

Tôi dạt vào con ngõ với những bức tường rêu
Đã dừng lại bên xa lộ vun vút ánh đèn
Một chiếc vali nặng trĩu bồn chồn
Chúng ta chẳng thể nào biết trước
Điều gì đó bất ngờ như một cơn dông
Một cuộc hẹn

Đường ray kể những câu chuyện những hành trình
Tôi đã cười như sóng đuổi nhau qua bờ cát
Biển chiều là một bài thơ
Đã khóc khi người đàn ông cuối cùng nâng phím vĩ cầm
Với những sợi dây không thể nổi

Trên bầu trời mùa thu
Những đám mây hoang vu trôi dạt
Đôi khi tôi nhớ mình
Từng reo vui nơi đó
Như một cái cây!

Tôi vừa đi qua đồng cỏ xạ hương

Như một hành khách mùa đông
Tôi theo chuyến tàu hướng về phía nam
Nơi những quầng mây đợi cơn mưa vỡ
Tiếng còi dội ngược nguồn suối đá
Qua kẽ tay rười rượi mắt trời

Tôi đi ngược hướng đàn bò về làng vang vang lục lạc
 Những khuôn mặt nhiều nếp nhăn
 trong chiếc áo mưa nhàu cũ
 Trong suốt chớp mạ liu xiu
 Chào tôi ngọn khói nâu trầm
 Vội biến mất sau tàng cây sẫm tối

Những con đường những dòng sông những cánh rừng tiếp nối
Người đi như qua cơn mơ
Gò đồi mưa màu trắng cánh cò
Góc nhỏ cối xay, chiếc võng đu vườn hồ tiêu xanh ngọc

Tôi không kịp nhớ ra điều gì nữa
 Phố kia rồi
 Cao ốc tầng tầng như cây như sóng
 Đã đầy áp nén chặt
 Mùi hương ấy bỗng dội lên trong ngực

Tôi vừa rời xa đồng cỏ xạ hương...

T.B.D

Hát cho người ở lại

TRẦN HỒNG VÂN

Có đàn chim nhỏ
Nhảy trên cánh đồng
Đang thì con gái
Gió vờn mênh mông.

Này tia nắng mới
Gọi ngày vừa lên
Lòng thung chột thức
Núi già ngủ quên?

Hát lời khe khẽ
Cho người đi xa
Cho người nằm lại
Bazan trở hoa.

Một thân cò trắng
Lặng lẽ gánh gồng
Mai sau sau nữa
Hồn người núi sông.

Sau cánh đồng ngô

Truyện ngắn **VŨ NGỌC GIAO**

Con đường uốn khúc xuyên qua đồng cỏ rồi dần dần thu hẹp lại cho đến khi chỉ còn là một lối mòn khúc khuỷu len lỏi giữa những cánh đồng ngô đang trổ cờ. Hai bàn chân đen nhẻm không chạm gót, thằng bé thoăn thoắt chạy trên đám lá khô lép bép, chốc chốc nó dừng lại ngó nghiêng vào bụi cỏ. Tiếng bầy châu chấu rì rào một điệu ca trầm trầm, lan ra khắp vùng đồng trống mênh mông. Thằng bé quơ chiếc vợt, một con châu chấu xanh lè nằm gọn trong tấm lưới lòng búng. Nó vật càng cho vào lon sữa bò đục lỗ đeo lưng lẳng bên hông.

Qua hết cánh đồng ngô, thằng bé rẽ vào lối mòn hẹp đến mức nó phải nghiêng vai len lỏi để tránh những nhánh cây cọ vào má nhồn nhột. Lon sữa bò chốc chốc lại rung lên tiếng bầy châu chấu lạch phạch đá nhau. Lối mòn quanh co dẫn về phía nền nhà nứt nẻ, trên đó những mảng

tường vôi nham nhở còn sót lại từ một ngôi nhà xưa cũ. Vài tấm ván ép được dựng tạm bợ, bên trên mái lợp lá cọ rũ xuống. Thằng bé dừng lại thở hồng hộc trước cánh cửa khép im ỉm.

“Ông ơi!”, nó gọi to.

Không có tiếng trả lời. Trên hàng rào, một chú vẹt màu xanh lá khật khừ đứng ngó nghiêng. Thằng bé mở nắp lon sữa bò nhón tay lấy ra một con châu chấu.

“Nào Chíp! Xuống đây!”, nó xòe bàn tay, con châu chấu cứng đờ nằm gọn lớn.

Có vẻ như đã quen, chú vẹt đập cánh lao vụt xuống quắp con châu chấu, ngửa cổ nuốt, rồi nghiêng đầu nhìn thằng bé, chờ đợi.

“Ăn vậy đủ rồi! Còn để dành!”, thằng bé treo lon sữa bò lên vách rồi chu miệng huýt sáo, giai điệu rộn rã khiến chú vẹt thích chí đập cánh phành phạch.

“Nào! Đi tìm ông thôi, Chíp!”. Từ

trên cây sào phơi, chú vệt nhanh nhẹn đáp xuống vai thằng bé.

Vén hàng rào chui qua đám đất lông chông phân dê và cỏ khô, thằng bé băng qua một cái đầm lau sậy cao ngang ngực, nó xắn quần lội. Đầm nước cạn xộc lên mùi bùn tanh ngái. Nó vệt vài tấm lá sen rách cho dễ lội. Đám muối vo ve dưới đầm được dịp tuôn ra như trấu. Chú vệt trên vai thằng bé nhấp nhomm há mồm chực đớp muối, mấy lần suýt rơi xuống đầm.

Từ nơi này nhìn về phía đồng cỏ cháy, thằng bé nhận ra bóng cụ Chạng ngồi vắt vẻo trên mô đất cao như tổ mối, cây gậy trúc bóng lưỡng tựa trên vai. Cách chỗ cụ Chạng ngồi không xa, ba chú dê đang lúp xúp ăn cỏ.

Không ai biết cụ Chạng từ đâu tới. Người làng Trà Khê chỉ nhớ, vào một buổi sáng mùa hạ năm nào đó xa lắc xa lơ, trên cái nền nhà hoang cuối cánh đồng ngô bông mọc lên một căn nhà vách ván. Người làng để ý, thấy chỉ có một ông cụ chậm chạp vào ra với niêu cơm và ấm nước nhỏ xíu. Rồi họ cũng thôi tò mò. Mỗi khi có dịp đi qua cánh đồng, thỉnh thoảng người ta lại thấy cụ soạn giấy điều, ngồi mài mực viết những dòng chữ loằng ngoằng. Có người còn kể, có đêm qua đây, họ nghe cụ hát, tiếng hát rề rề như tâm sự, kể lể. Hết hát cụ lại cười, cười xong lại khóc hức hức như đứa con nít bị đòn oan.

Đều đặn mỗi sáng, cụ Chạng thức dậy lui cui đun ấm nước sôi pha trà rồi vác bồ cào ra dọn cỏ vườn, xới đi xới lại đám đất. Gặp mùa, cụ giâm thêm

luống rau, mắc lại cái giàn cho mấy cây cà chua còi cọc.

“Tôi có sống một mình đâu? Ba đứa con tôi chạy ngoài kia kìa!”.

Lần nào nghe ai hỏi người thân cụ cũng hồn hậu cười chỉ ba chú dê đang nhung nhặng chạy ngoài đồng cỏ. Mỗi đứa cụ đặt cho một cái tên dễ thương: Tuyền - Mốc - Cụt. Tuyền là chú dê đen xinh đẹp, gần gũi cụ nhất. Mốc là chú dê cái xám, tính tình hiền lành, nhút nhát, lặc đàn tí lại *be be*. Cụt là chú dê đốm nghịch ngợm, suốt ngày chạy nhảy, có lần mãi chơi đi lạc, báo hại cụ Chạng đêm xuống phải chong cây đèn bão đi tìm.

Người làng nói, cụ Chạng trông vậy mà ngày ngày đại đại, ai hỏi gì cũng cứ lơ lơ. Tụi trẻ con thì chẳng hề quan tâm chuyện người lớn, có cơ hội, chúng lại rủ nhau mon men đến ngôi nhà sau cánh đồng ngô để chiêm ngưỡng chú vệt xinh đẹp màu xanh lá, để nghe nó hát bằng cái giọng khàn khàn của cụ Chạng *Ơ... dê về... trời sắp tối...* Cũng có khi chú vệt không hát mà đằng hắng lẩm bẩm *Đất trời sao lạ kỳ... mới nắng đã mưa...* Có hai câu đó thôi, mà tụi trẻ con nghe đi nghe lại vẫn ngả nghiêng cười khoái chí.

Thằng bé rón rén đi tới, trên vai nó, chú vệt cà cồng cà cưỡng gật gù như ngủ. Đến bên gốc muồng già, nó lom khom chui vào trong hốc, tùm tùm cười vẻ bí mật. Nhặt hai trái muồng già nó gõ vào nhau, tiếng lách cách khô khốc vang lên. Nhận ra ám hiệu, chú dê Mốc đang lựa mấy chiếc lá non nhấm nháp liền nghênh cổ nghe ngóng rồi chạy tới. Tuyền và Cụt lim

dim nằm nhai mấy chiếc lá mít non, hàm dưới đưa qua đưa lại khiến mấy sợi râu lơ thơ rung rung. Nhác thấy Mốc chạy đi, Tuyền và Cụt cũng bật dậy chạy theo.

Tiếng *be be* ran lên khắp vùng đồng trống lẫn vào tiếng cười khanh khách. Thăng bé chui ra khỏi hốc cây, chạy về phía ông cụ đang phe phẩy nhành lá héo đuổi muỗi.

“Chui ở đâu ra mà mặt mũi nhem nhuốc vậy?”, cụ Chạng hấp háy nhìn thằng bé kéo vạt áo lau vết bùn trên trán. “Nay ở đây ăn cơm với ông, có cá trê kho tương, món này thích đấy!”.

Thằng bé nghiêng đầu cười khoe hàm răng xiết đen thui. Nó cúi xuống gỡ chùm cỏ may dính trên vai áo rồi quay lại búng ngón tay tanh tách. Hiểu ý, con vẹt lao xuống đậu lên vai cụ Chạng. Thằng bé ngồi xếp bằng trên thảm lá, ngược nhìn ông cụ, chờ đợi. Ba chú dê cũng nằm phủ phục. Đã đến giờ kể chuyện cho tụi nhỏ nghe. Cụ Chạng biết, chỉ có cách này mới giữ chân thằng bé ở lại lâu hơn.

Cụ nâng cây gậy trúc lên ngấm nghĩa, khê ho một tiếng hắng giọng.

“Ngày xưa, có một chú dê đốm cụt đuôi sống cùng với bà lão nghèo ngãng. Ngày ngày chú ra đồng gặm cỏ, nằm nghe gió hát... Một ngày nọ, bà lão già yếu rồi qua đời. Chú dê buồn rầu bỏ đi lang lang. Hôm đó trời nổi cơn giông, chú lạc vào một cái đầm, khóc lóc thảm thiết, tiếng kêu khóc lúc này chỉ là những tiếng *be be* đáng thương...”. Kể đến đó cụ cúi xuống kéo cái điều cày lại gần, châm mỗi đóm, rít một hơi sòng sọc. Mùi thuốc lào nồng nồng ngai ngái. Trên

mô đất rắn lại như đá, thằng bé ngoay về sốt ruột “Rồi sao hả ông?”.

Cụ Chạng ém một hơi thuốc, ngửa cổ phả lên trời, gà gât kể tiếp. “Tình cờ, có một cậu bé đi qua. Cậu thấy vậy liền ngồi xuống bên chú dê, ngắt vài cọng cỏ, vu vơ nói chuyện. Trời chiều nhá nhem, chú dê đang run rẩy chợt thấy bóng cậu bé bên cạnh mình, nó thoi khóc...”.

“Rồi cậu bé có mang chú dê về nuôi không hả ông?”, thằng bé hỏi hột.

Ông cụ lắc đầu. “Cậu bé đã đưa chú dê về lại căn nhà cũ của nó. Qua hôm sau, chú vẫn ở đó vì tin rằng sẽ có người quay lại đón”. Kể đến đó, cụ Chạng quay qua thằng bé hỏi “Cháu biết vì sao chú dê vẫn ở đó không?”.

Thằng bé lắc đầu.

“Vi lúc nó bất an, cậu bé đã đến. Và nó tin rằng, nó sẽ không bị bỏ rơi, nên nó vẫn ở đó chờ đợi”.

“Rồi sau đó?”, thằng bé khịt mũi “Nhẽ ra cậu bé phải mang chú dê về nuôi chứ?”.

Ông cụ lại lắc đầu. “Chú dê được đưa về đúng chỗ của nó, bên đồng loại, để ngày ngày nó lại vui vẻ ra đồng cỏ”.

Trên vai cụ Chạng, con vẹt xoay tròn tròn, khàn giọng bắt chước “Ra... đồng... ra đồng”.

Thằng bé bật cười, nhớ lần đầu gặp cụ Chạng. Đó là một ngày nắng dậy sau những trận mưa dài lê thê và ảm đạm. Mẹ ra đồng, dặn nó ở nhà trông chừng ấm thuốc đang sắc trên bếp. Mải chơi, nó để ấm thuốc cạn khô. Mẹ trở về thì cái ấm đã cháy đen, khói xông lên mù mịt. Mẹ không



Minh họa: Lê Duy Khanh

mắng nó, nhưng nhìn đôi vai mẹ xụi xuống bất lực, nước mắt nó ứa ra. Nó lao về phía cánh đồng ngô, rồi chẳng biết bằng cách nào đó, đôi chân đưa nó đi về phía cái nền nhà bỏ hoang. Trượt chân, nó ngã dúi vào bãi cỏ đầy phân dê. Lúc ngẩng lên nó bắt gặp bóng một ông cụ đang ngồi trầm ngâm bên bếp lửa. Nhìn nó nước mắt tèm lem đứng chơ vơ giữa cánh đồng, ông cụ không gọi, cũng không vẫy lại gần, mà lẳng lặng vào nhà lấy ra cây sáo se sẽ nâng lên môi. Khúc dạo đầu vừa ngân rung, từ đồng cỏ bên kia, ba chú dê đã te tái chạy về be be ầm ĩ. Từ ngày biết cụ Chạng, thằng bé lại có thêm ba người bạn mới.

“Về thôi!”, cụ Chạng đứng lên phẩy nhành lá héo, tay cặp cây gậy trúc đi trước. Con vẹt đang gà gặt ngủ trên vai cụ choàng tỉnh rít lên khó chịu. Thằng bé nhảy chân sáo theo sau, tay ôm cái điều cày đã ngả màu xám mốc.

Trong khi cụ Chạng nhóm bếp, thằng bé chạy quanh nhà, thấy cái gì nó cũng sờ vào, cầm lên ngắm nghía. Một chiếc mũ cao bồi bạc màu, một bộ cung tên bằng gỗ mun, một sợi dây nịt màu da bò... Tất cả đều nhuộm màu thời gian. Thấy nó háo hức ngắm từng món đồ, cụ Chạng rung rung cười: “Thời trai trẻ qua rồi”. Trên chiếc giường xếp, cạnh gối có một chiếc áo thun trẻ con đã ố vàng, dưới giường là đôi dép nhựa màu xanh cũng đã bạc. Thằng bé cầm lên, ngơ ngác. “Ông ơi... đây là...”.

Cụ Chạng quay lại, mắt chạm vào chiếc áo trên tay thằng bé. Cụ run run “Để vào... chỗ cũ... cho ông”.

Thằng bé không hiểu chuyện gì nhưng nhìn cụ lặng đi, khóe mắt ngấn nước, nó vội vàng xếp chiếc áo vào chỗ cũ, se sẽ ra hiên.

Thời gian như ngưng đọng. Không một tiếng động nào ngoài đám tàn lửa bay lên lép lép, liếm vào cái ấm nhôm móp méo đang sôi bật nắp.

“Ông ơi...”, thằng bé khẽ gọi.

Cụ Chạng sực tỉnh, vội rót nước ra hai cái ly sút quai. Thằng bé nâng ly thổi phù phù nhấp môi khà lên một tiếng đã đời. Trà nóng khiến cổ nó ầm ran. Nó ngồi xếp bằng trên tấm chiếu, lấy ra chùm đủ dẻ, vừa nhứ nhứ nó vừa dạy cho con vẹt nói. Con vẹt vẫn búống bình nhai đi nhai lại cái câu cũ rích Ờ ơ... dẻ về...

Cụ Chạng đang cúi xuống khêu mấy hòn than. Ngọn lửa hắt lên gương mặt nhăn nheo đầy bóng tối. Ngoài sân nắng chiều đã nhạt. Trên cây sào, chú vẹt khật khưỡng lại cất giọng khàn khàn Ờ ơ... trời tối...

Thấy thằng bé đứng lên tính chuyện ra về, cụ Chạng lấy đôi dưa khêu củ khoai vui dưới đồng tro, gói vào miếng lá đưa cho thằng bé. Ra đến cái cọc rào, nó còn nghe tiếng cụ ào ào gọi với theo: “Mai qua không?”.

Vẫn là câu hỏi ấy, lần nào cũng vậy.

Thằng bé nhìn cái điều cày dựng bên bếp, tự nhiên thấy cổ họng nghèn nghẹn.

Bố mẹ thằng bé quyết định chuyển nhà lên thành phố. Nhìn người ta buôn bán ngày càng phát

đặt, mẹ nó chẳng cam lòng ở lại cái làng Trà Khê heo hút này. Lên thành phố, mẹ dự định sẽ mở một cửa hàng tạp hóa, bố chở hàng, còn nó cũng sẽ được chuyển đến một ngôi trường khang trang. Thằng bé ngơ ngác nhìn ra đồng đất phía sau nhà, nơi có mấy cái tổ chim lủng lẳng trên ngọn cây trấu, nó bắn thần vào ra, đếm ngược từng ngày. Sáu... năm... bốn... ba... hai...

Ngày cuối cùng trước khi rời làng, bố mẹ nó làm vài mâm cơm mời bà con gọi là có lời chào. Thằng bé ngồi thừ trước cỗ bàn ê hề, không buồn đụng đũa. Trong khi bố mẹ bận tiếp các cụ già, nó se sẽ lui ra, vén hàng rào chạy bằng băng qua cánh đồng ngô cuối mùa lá cháy. Từ xa nó đã thấy cụ Chạng loay hoay bên nồi cơm vừa dọn ra trên nền đất ẩm. Trên cây sào phơi, chú vệt vẫn khật khà khật khưỡng. Cái sân gạch trơn trúa cỏ lên quá gối, ba chú dê túm tụm vào nhau lim dim nhai cỏ. Thằng bé đứng sững nhìn cảnh tượng quá đỗi quen thuộc, không dưng nước mắt nó ứa ra. Nó biết, ngày mai đây để gì nó được gặp lại cụ, được bắt cho Chíp những con châu chấu béo múp, được ôm ba chú dê kia vào lòng. Chuyện gia đình nó phải rời xa quê, nó vẫn chưa đủ can đảm để nói với cụ. Ngày mai, nó phải đi rồi...

Chú vệt thoáng thấy bóng thằng bé, nó khàn khàn cất tiếng Ờ ơ... *dé về... trời sập tối...* Thằng bé chạy đến sau lưng cụ Chạng, nó chỉ kịp thốt lên: "Ông ơi... ngày mai... con...", rồi nghẹn lại.

Cụ Chạng giương đôi mắt mờ đục

nhìn nó, hai bên thái dương giật giật, hình ảnh nó vẫn thường thấy mỗi khi cụ xúc động. Cụ cúi gầm, chòm râu lơ thơ khê rung. Nó ngồi bên cho đến khi cụ chống gối đứng lên, chậm chậm vào nhà lấy từ trên vách xuống cây sáo trúc đã ngả màu mật ong.

"Cầm đi!".

"Cháu có biết thổi đâu".

"Cứ giữ lấy".

"Giữ làm gì hả ông?".

Cụ Chạng nhìn ra cánh đồng chiều mờ khói tỏa. "Biết đâu... có ngày cháu cần đến nó".

Nặng chiều rút về phía chân đồi, để lại một màu nước xám xám nhạt nhòa. Thằng bé buồn bã trở về, qua hết một cánh đồng, nó ngoái lại nhìn căn nhà nhỏ, nó muốn thu hết vào tầm mắt mình cảnh vật nơi đây thêm một lần nữa. Bên hiên, bóng cụ Chạng lững thững chống gậy ra vườn, hấp háy nhìn quanh như tìm kiếm một điều gì vừa đánh mất, tấm lưng cụ cong vòng như dấu hỏi. Bên chân cụ, ba chú dê quây tròn như ba dấu chấm mờ nhạt...

Năm tháng trôi nhanh đến mức có lúc anh quên mất mình từng có một tuổi thơ nằm đâu đó sau cánh đồng ngô ấy. Thành phố cuốn anh đi như một cơn gió. Những con đường nhựa thênh thang, những đêm thành phố sáng đèn, tiếng còi xe ồn ã... Có lúc, giữa dòng người vội vã, anh chợt ngửi thấy mùi khói rơm ai đó vừa đốt lên, len qua mũi. Anh nghe văng vẳng đâu đây tiếng chú vệt khàn khàn, tiếng dê *be be* lạc lõng giữa trời

chiều. Hình ảnh tấm lưng cong vòng của cụ Chạng lại hiện lên, mơ hồ như khói bếp. Bao nhiêu lần anh muốn bắt xe về thăm quê cũ. Vài lần như thế, hết mùa này sang mùa khác, lời hẹn cứ lùi xa, cho đến một ngày anh biết mình không thể chần chừ thêm nữa. Gói ghém vài bộ quần áo cho vào chiếc ba lô, anh bắt chuyến xe sớm nhất, trở về.

Anh lần theo con đường đất cũ. Cỏ hoang đã mọc thành rừng. Cánh đồng ngô vẫn trở cờ trắng xóa. Đứng trước ngôi nhà chỉ còn là cái nền đất rần đanh, mảng tường vôi vữa cũng sụm xuống vỡ vụn. Anh lặng lẽ ngồi xuống phiến đá, nơi mới ngày nào cụ Chạng vẫn ngồi đun ấm nước sôi pha trà. Trên nền nhà còn lại chút tàn tích xưa. Một cái lon thiếc đựng tàn tro, anh bỗng nhớ cái lon sữa bò ngày xưa lủng lẳng bên hông mình, lạch phạch tiếng châu chấu đá nhau. Trong góc nhà, cái ấm nhôm móp méo còn vương đầy nhọ nổi.

Một bác nông đánh trâu ra đồng dừng lại kể. Những ngày cuối đời, cụ Chạng yếu dần. Cụ thôi đưa ba chú dê ra đồng xa, chỉ quanh quẩn bên hiên nhà. Sáng nào cụ cũng nhóm bếp đun ấm nước, đặt lên phiến đá hai chén trà, một cho mình, một để trống. Có hôm cụ ngồi rất lâu, mắt dôi về cánh đồng ngô, miệng lẩm nhẩm độc thoại. Rồi một dạo, không thấy cụ đặt chén trà thứ hai nữa. Cụ

đã lặng lẽ cất nó đi.

Một buổi chiều, nắng trên cánh đồng lịm dần, cụ chống gậy ra thêm nhưng không bước thêm được một bước nào. Cụ tựa vào vách. Giấc ngủ sau cùng lặng lẽ đến nỗi không ai hay biết. Sáng hôm sau, người làng Trà Khê ra đồng chợt nghe tiếng *be be* ầm ĩ, lẫn trong đó là tiếng chú vẹt rít lên từng hồi thảm thiết.

Trên cái nền nhà cũ giờ đã sụm xuống sau một cơn bão mùa. Chú vẹt vẫn đứng đó, lặng lẽ như một cái bóng. Từ ngày cụ Chạng mất, chú vẹt ít nói hẳn. Có hôm chú cất tiếng hát *Ờ ơ... dê về...* rồi im bật, như quên mất đoạn sau. Từ bao giờ, bài ca của chú cũng rơi rụng dần.

Trọn vẹn một buổi chiều, anh ngồi đó, trên mảnh vườn xưa hoang tàn cỏ dại. Hoàng hôn sập xuống, anh đứng lên phui mấy cọng cỏ khô bám đầy gấu quần, lững thững quay về. Qua đầm sậy chừng mười bước, anh ngoái lại, đầu đó bỗng vang lên tiếng vẹt khàn đục.

“Mai... qua không... con?”.

Gió từ đầm lau sậy thổi về ràn rạt. Anh đứng chết lặng, nó nhìn về khoảng sân ngày xưa, nơi có cái bếp lò luôn đỏ lửa. Chẳng còn gì ngoài một khoảng không trống hoác. Anh thầm thì: “Con về... rồi đây”.

Sau cánh đồng ngô, một tiếng sáo chợt vút lên. Chơi vui...

V.N.G

Gò đất không tên

Truyện ngắn MAI HOÀNG

Đồng hồ điện tử trên tường phòng trực nhảy sang 01:15. Tiếng quạt tản nhiệt dàn máy chủ rì rì đều đều, nghe cũng na ná tiếng gió lùa qua khe núi cái đận tôi đi công tác dọc Trường Sơn hồi năm ngoái. Trên màn hình, dữ liệu cứ nhấp nháy: tọa độ mờ, tên khuyết, phiên hiệu đơn vị đã mòn theo năm tháng như chữ khắc trên bia đá lâu ngày bị rêu ăn. “Chiến dịch 500 ngày đêm đẩy mạnh thực hiện tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ” phát động chưa lâu mà anh em trong tổ đã quất hết cả người, thức đêm nhiều hơn ngủ, mắt ai cũng trũng xuống như hai cái hố bom con con.

Tôi đang định đứng lên pha bình trà đặc thì tai nghe rung lên. Đèn xanh nhấp nháy.

- Tổng đài Chiến dịch 500 ngày đêm xin nghe! Tôi là sĩ quan tiếp nhận mã số 408, xin nghe ạ!

Đầu dây im re, chỉ nghe tiếng gió rít với tiếng côn trùng rả rích, như có ai đang thở dồn mà chưa dám cất lời. Rồi

cái giọng già khụ, run bần bật, cất lên:

- Ở... ơ cái sổ này có phải chỗ tìm mấy ông hy sinh hồi đánh Mỹ hông chú?

- Dạ đúng rồi bác ơi! Bác cứ nói, cháu ghi liền đây ạ.

- Tui tên Tám Bưởi. Ở tuốt Ngõ Quyền, Cà Mau lận. Cái đài rẻ tiền của tui nó rề rề cả tháng nay cứ nói hoài về cái chiến dịch chi đó. Đêm nào tui cũng trần trọc, giờ chịu hết nổi mới biểu thằng cháu xóm bên bấm số giúp. Chuyện xưa hơn năm chục năm rồi chú ơi, có khi kể ra chú cười tui già lắm cảm...

- Bác cứ kể từ từ, cháu nghe đây.

Ông Tám hắng giọng, cái giọng nghe như có sạn trong cổ:

- Cái hồi đó... khoảng năm bảy tư, mùa nước nổi. Đêm đó mưa như trút, gió giạt bay cả mái lá. Có chú biệt động bị thương nặng, máu me tùm lum, bò lết vô được gầm sàn nhà tui. Má tui với tui hết hồn, kéo đại chú lên trên trần nhà giấu. Chú đó trẻ măng, chắc mười chín, hai mươi là cùng, da trắng bóc, nói giọng ngoài Bắc nghe lạ hoắc,

kể nhà có cây nhãn lồngburylắm trước sân. Được ba bữa thì chú đi. Định tuần dữ quá, má con tui hồng dăm đưa đi xa, đành đào cái huyết nhỏ xíu sau hè, bọc miếng tã ni-lông rồi lấp lại, coi như gửi chú ở đó luôn.

Tôi ngưng gõ phím. Ông Tám hơi khực khặc, cười mà như mếu:

- Chú biết hông, cái đận đó tui còn con nít, sợ ma thấy ông nội, đêm nào cũng nằm co như con tôm. Vậy mà lạ, từ hồi chôn chú ấy, tui hay chiêm bao thấy chú đứng đầu gò, dáng cao cao, hay đứng day lưng ra sông, tay ôm cây súng gãy báng. Có bận tui hỏi trống “chú tên gì vậy chú ơi”, chú quay lại cười, cái miệng móm xòm hà, cười mà hồng nói. Má tui biểu đừng hỏi nhiều, hổng người ta còn vướng thì mình cứ thấp nhang cho ấm, hỏi riết chú buồn chú đi luôn hồng về nữa. Vậy là tui nín, chỉ dăm lâu lâu ra gò nói vọng vô “chú ơi ngủ ngon nghen chú”. Trước khi mất, chú ấy có đưa má tui cái huy hiệu Măng non nhỏ xíu, dặn hể năm nào hòa bình có ai kiếm thì đưa cái đó ra làm tin. Vậy mà cái năm tám mươi nhà tui cháy rụi, huy hiệu cũng thành tro theo. Má tui hồi hấp hối còn nắm tay tui trối: “Giữ cái gò đó nghen con, người ta đổ máu vì đất này, mình hồng được quên”. Tui nghe lời má, năm nào cũng cúng, cũng nhỏ cỏ quét lá. Mà giờ tui sáu lăm rồi, tay chân bắt đầu lấy bẩy, cây chổi cầm hồng vững nữa. Tui sợ, sợ cái ngày tui nhắm mắt là cái gò thành vô danh, người ngoài Bắc có kiếm cũng hồng biết đường nào mà lần...

- Dạ...

- Ba bữa đó tui nhớ dai lắm chú ơi, quên sao được. Đêm đầu chú còn tỉnh,

rên khe khẽ, biểu má tui đừng thấp đèn sợ định thấy ánh sáng lọt khe vách. Má tui lấy nước muối rửa vết thương cho chú, tay run cầm cập mà miệng cứ dõ “ráng chịu con, ráng chịu nghen con”, kêu chú bằng con luôn, dù chú lớn hơn tui có mấy tuổi. Đêm thứ hai chú đỡ hơn chút, còn cười cười kể chuyện cây nhãn lồng nhà chú, kể mẹ chú hay đợi tới rằm tháng Bảy mới cho ăn, ăn sớm sâu nó cắn. Tui nghe mà thấy là lạ, ở đây tui đào củ co mà ăn cầm hơi, ngoài người ta còn có nhãn lồng để dành theo mùa. Đêm thứ ba thì chú lịm dần, tay nắm tay má tui, miệng ú ớ kêu má, hồng biết kêu má chú hay kêu má tui nữa. Tới gần sáng thì chú đi, nhẹ hều, như ngọn đèn dầu cạn tim mà tắt.

Giọng ông nghen lại, tôi nghe rõ cả tiếng nấc bên kia đầu dây. Tôi hỏi thêm chi tiết: ấp Tân Lập, khoảng tháng Sáu, Bảy âm năm Bảy tư, người cao chừng một thước sáu lăm, có cái răng khểnh bên trái. Ông Tám kể vanh vách như chuyện mới hôm qua, lâu lâu lại chen câu “trời đất ơi hồi đó khổ dữ lắm chú ơi” nghe muốn đứt từng khúc ruột.

Tôi nhập hết vào hệ thống, máy quét rà soát qua hàng ngàn hồ sơ. Một dòng nhảy ra làm tim tôi khựng lại: *Liệt sĩ Nguyễn Văn Nam, sinh 1954, quê Tân Yên, tỉnh Bắc Giang cũ. Mũi biệt động 3, Tiểu đoàn 1, Quân khu 9. Hy sinh tháng 7.1974 tại Cà Mau. Thân nhân đăng ký: Nguyễn Văn Hùng, em trai.*

Nguyễn Văn Hùng. Cái tên nghe quen muốn chết. Tôi lục trí nhớ một hồi mới sức ra - thầy Hùng, ông thầy dạy Văn hồi cấp ba của tôi, người hay ngồi lặng bên cửa sổ lớp mỗi lần giảng tới mấy bài thơ về người lính, mắt dăm



Minh hoạ: Nguyễn Chơn Hiên

đăm nhìn đầu đầu. Thấy từng kể, giọng buồn hiu: “Anh thấy đi B từ hồi hai mươi tuổi, biệt tăm luôn tới giờ. Mẹ thấy nhắm mắt cũng chưa được gặp lại con, cứ dặn đi dặn lại phải tìm cho ra. Biết tìm đâu giữa cái đất nước dài như đòn gánh này!”.

Tôi run tay, gọi báo cáo cấp trên, rồi lật đặt bấm số cho thấy Hùng dù đã gần hai giờ sáng. Đầu dây im bật một hồi lâu khi nghe tôi đọc tên đơn vị, năm sinh, quê quán. Rồi giọng thầy khàn đặc, nghẹn như có ai bóp cổ:

- Đúng... đúng anh Nam của thầy rồi trò ơi.

Ba bữa sau, đội quy tập K93 cùng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh có mặt tại gò đất sau nhà ông Tám. Ông đứng từ tờ mờ sáng, tay vẫn cầm cây chổi lá quen thuộc, đứng khòm khòm nhìn, miệng lẩm bầm gì đó - sau này ông kể lại là ông đang “xin phép chú Nam cho người ta búng chú đi, đừng về nằm gần má, gần quê”.

Đất phù sa ngập mặn, đào sâu hơn thước mới thấy. Tầm bạt ni-lông mục hết trơn, nhưng bộ hài cốt vẫn nằm yên, kèm cái ca nhôm quân y móp một góc với mấy cái nút áo đã ố màu thời gian. Mẫu ADN đưa lên Viện Pháp y đối chứng, hai tuần sau khớp gần trăm phần trăm.

Hôm truy điệu, tôi được đi cùng đoàn vô Cà Mau. Trời sau mưa nắng gắt, sân nhà ông Tám nhỏ xíu mà đông nghẹt người. Thầy Hùng tóc bạc phơ, vừa bước xuống xe đã chạy lại nắm chặt tay ông Tám, hai ông già một Bắc một Nam đứng khóc rung rức như trẻ con lạc mẹ giờ tìm lại được nhau. Ông Tám Bưởi vừa quệt nước mắt vừa cười

móm xòm:

- Trời, cái mặt chú giống anh Nam ghê, giống cái miệng cười á! Hồi đó ảnh cũng cười vậy nè, cười mà hàm răng khểnh bên trong, y chang.

Lá cờ đỏ sao vàng phủ lên tiểu quách. Tôi đứng nghiêm, giơ tay chào theo điều lệnh. Tầm ảnh thờ đặt trên bàn: mái tóc xanh tuổi mười chín, cái răng khểnh bên trái, y hệt lời ông Tám tả năm mươi năm về trước qua đường dây điện thoại lúc nửa đêm.

Trở ra Hà Nội, tôi lại vô ca trực. Đồng hồ chỉ hai giờ sáng, máy chủ vẫn rì rầm như cũ. Trên bàn có ai để lại tấm hình ông Tám Bưởi mới gửi ra - cái gò đất giờ san phẳng, chỉ còn cây chổi lá dựng chơ vơ một góc, chẳng còn nắm mộ nào nữa.

Chuông lại reo. Đèn xanh lại nhấp nháy.

Tôi đeo tai nghe, hít một hơi:

- Tổng đài Chiến dịch 500 ngày đêm xin nghe! Tôi là sĩ quan tiếp nhận mã số 408, xin nghe ạ!

Đầu dây là giọng một cựu chiến binh Đường 9, Quảng Trị, kể về một cái tên giữ trong bụng suốt nửa đời người. Tôi vừa ghi vừa liếc sang tấm hình cái gò đất trống, lòng thầm nghĩ: Đất nước mình rộng vậy mà hóa ra chỗ nào cũng có một gò, một huyết, một người già còn thức đợi tới phiên mình được gọi tên. Cái ánh đèn xanh trên bàn cứ nhấp nha nhấp nháy, giống hệt cái đốm sáng ông Tám Bưởi hay thấy nơi đầu gò những đêm mưa gió chập chờn mà không tắt, cứ đợi, cứ đợi, cho tới khi có người tìm ra tới nơi.

M.H

Mùa hoa trà

Truyện ngắn MAI THỊ TRÚC

Trước căn nhà gỗ nằm chênh vênh trên sườn đồi của mẹ con tôi có một hàng trà cổ thụ trồng từ thời ông nội. Những gốc trà xù xì, thân bám đầy rêu mốc, cành lá sum sê quanh năm hứng trọn sương núi. Mùa thu, hoa trà nở bung những cánh trắng muốt, nhị vàng tươi, tỏa mùi hương dịu nhẹ mà chỉ người đi trong sương sớm mới cảm nhận được. Tôi từng đọc ở đâu đó, người ta bảo trà cổ thụ là thứ cây của sự níu giữ, rễ bám sâu vào đất bao nhiêu thì người trồng càng khó rời đi bấy nhiêu. Vậy mà tôi đã tin một cách ngon lành. Tôi có trọn năm năm ở lại mảnh đất này, kể từ ngày anh trai tôi nằm lại dưới gốc mộc miên đỏ sau một tai nạn đèo dốc chiều mưa phùn.

Cha tôi mất từ khi tôi còn bé bỏng. Căn nhà gỗ ba gian quanh năm sức mùi trà sao dở chỉ còn lại mẹ và tôi. Mẹ tôi - bà Cẩn - sau biến cố của anh tôi thì đổ bệnh tai biến, một bên

chân khập khiễng, bàn tay trái run rẩy không còn cầm nổi bát cơm nhỏ. Bà sống lẩm lủi trong góc nhà, cả ngày nhìn ra đồi trà, dáng người teo tóp như một gốc trà cằn cỗi qua mùa đông giá rét. Có những buổi chiều, tôi bắt gặp mẹ ngồi rất lâu trước tấm ảnh cũ của tôi hồi vẽ tranh được giải cấp huyện, ngón tay gầy guộc miết nhẹ lên mặt kính, rồi vội cất đi khi thấy tôi bước vào.

Linh tìm đến tôi vào một chiều tháng Mười, khi sương núi tràn qua cửa sổ. Tôi nhận ra cô ngay dù đã nhiều năm không gặp. Linh là mảnh ký ức đẹp đẽ nhất của một thời tuổi trẻ hồn nhiên mà tôi tưởng đã lãng quên dưới gánh nặng cơm áo và đồi trà gia truyền. Cô là con gái ông thợ kim hoàn phố huyện, từng cùng tôi đi qua những năm cấp ba dưới mái trường phủ đầy hoa phượng đỏ với những buổi chiều tan học đạp xe qua

con dốc ngợp gió, những bức tranh vẽ vội tôi giấu trong cặp tặng cô.

Rồi tôi gác lại ước mơ vào trường Mỹ thuật để về quê gánh vác gia đình khi anh trai qua đời, còn Linh đi du học xa. Cô chọn giữ khoảng cách, lùi lại để tôi trọn vẹn với trách nhiệm của đứa con trai duy nhất còn lại, đi biển biệt từ những thành phố hoa lệ châu Âu đến các phòng triển lãm lung linh ánh đèn, mang theo lời hứa dở dang. Nghe tin đổi trà nhà tôi sa sút, Linh đã quay về. Cô kể có đêm ở xứ người, đứng trước một bức tranh lạ trong triển lãm mà cứ ngỡ là nét cọ của tôi, rồi tự trách đã chọn im lặng quá lâu. Cô đứng từ xa nhìn vào căn nhà gỗ suốt nhiều bận mưa sang, nhìn mùa hoa trà nở rồi rụng trắng gốc, nhìn tôi gầy đi trong chiếc áo nâu sẫm màu thời gian, mà không dám bước qua bờ rào đá.

Chúng tôi ngồi hiên nhà, uống chén trà nguội ngắt. Linh kể cô đã tìm hiểu các chương trình triển lãm kết hợp văn hóa trà đương đại ở thành phố, muốn đưa tranh tôi và hương vị trà cổ của gia đình ra khỏi thung lũng sương mù này. Tôi ngồi nghe, hai bàn tay đan chặt, ngón còn dính vệt nhựa trà đen sẫm, không nói gì. Nhưng lòng tôi vốn tưởng đã đóng băng như mặt hồ mùa đông bắt đầu có những gợn sóng lăn tăn.

Mẹ tôi ngồi trong nhà, cách một khung cửa sổ, nghe hết. Bà không quát tôi như mọi khi lỡ làm cháy mẻ trà, chỉ lặng lẽ đứng dậy, khép khiêng vào buồng trong, khép cửa lại. Đêm đó tôi nghe tiếng bà trở mình rất lâu, tiếng gậy gỗ chạm khẽ xuống

nền đất, không giống nhịp thở quen thuộc mọi bận.

Linh đến thăm thêm vài lần. Mỗi lần cô về, mẹ lại đứng nơi ngưỡng cửa lâu hơn, ánh mắt dõi theo bóng Linh khuất sau rặng trà với một vẻ gì tôi không gọi tên được: không hẳn ghét, mà như đang cân đo một điều trong lòng. Rồi một buổi chiều, Linh nói thẳng: “Em muốn đưa anh đi. Thành phố có không gian cho anh vẽ, có người biết trân trọng tài năng của anh. Anh cứ suy nghĩ kỹ, chỉ cần anh gật đầu, em sẽ đợi”. Tôi nhìn ra đồi trà, nơi những cánh hoa trắng cuối mùa lặng lẽ rơi xuống lớp cỏ ẩm ướt, nghĩ đến mẹ - người đàn bà cả đời chịu nhiều mất mát mà tôi đã chăm sóc suốt năm năm chưa từng một lời than thở. “Con không biết nữa”, tôi đáp. Đó là câu trả lời thật nhất lúc đó.

Từ hôm ấy, cuộc sống lặng lẽ thường ngày bắt đầu bị xáo trộn. Mẹ không còn nhìn tôi bằng ánh mắt hiền từ nữa. Những sự phiền hà, gắt gỏng xuất hiện, mỗi ngày một dày thêm, như thể bà đang tự ép mình quen dần với việc trở nên khó ưa. Có lần tôi đun nước pha trà hơi quá lửa, mẹ hất đổ cả chén trà nóng xuống sàn gỗ, mắng sa sả: “Nước sôi cũng không biết canh, trà sao thì cháy xém! Bằng này tuổi đầu mà làm gì cũng không xong, cút đi cho rảnh mắt!”. Tôi đứng ngẩn người nhìn vệt nước trà lan trên sàn, tưởng mình nghe nhầm. Mẹ xét nét đủ điều, còn bóng gió với bà hàng xóm sang chơi: “Nuôi nó tốn cơm tốn gạo, giờ chỉ biết chui rúc ở cái xó núi này làm gánh nặng cho người già. Thà không có con còn

hơn!”. Chỉ một lần, tưởng tôi đã ngủ say, tôi thấy bà đứng lặng ngoài hiên rất lâu, tay áp lên ngực, dáng run run không phải vì giận.

Tôi mất ngủ triền miên, trần trọc trên phản gỗ nhiều đêm liền, cố hiểu điều gì đang xảy ra với mẹ mà không lý giải nổi. Đây là người mẹ từng thức trắng đêm chèn lưng cho tôi mỗi khi sốt, từng ôm tôi khóc nức nở ngày tang anh trai. Vậy mà bỗng dưng, căn nhà này trở thành nơi tôi thấy mình là kẻ thừa thãi, một gánh nặng vô hình.

Tôi quyết định rời đi vào một ngày cuối tháng Mười. Trời mưa rào từ sáng sớm, sương mù giăng kín lối đi, lạnh cắt da cắt thịt. Tôi xếp vài bộ quần áo cùng vài cây cọ vẽ cũ vào ba lô, tay run vì lạnh và vì cảm xúc ngổn ngang. Khi khoác ba lô bước ra hiên, mẹ đã ngồi sẵn trên chiếc ghế gỗ ở bậu cửa, nhìn tôi thật lâu, ánh mắt lạnh băng không một giọt nước mắt, rồi bảo tôi

chờ chút. Bà khập khểnh vào gian phòng trong, tay vịn chắc bờ tường mục. Một lúc sau, bà quay ra, đưa tôi một bọc vải buộc cẩn thận bằng dây chuối khô, bảo khi nào xuống thành phố, ổn định chỗ ở hãy mở ra xem.

Bước khỏi cổng bờ rào đá, nước mắt tôi trào ra, hòa lẫn mưa núi. Có lẽ đây là thời điểm phù hợp nhất để rời đi. Một chút nặng lòng cay đắng thoáng qua, rồi tâm trí tôi rơi vào trạng thái nhẹ bẫng đến kỳ lạ.

Ngồi ở trạm xe khách phố huyện đợi Linh, tôi định sẽ không mở bọc vải ngay. Nhưng sự tò mò và niềm xót xa xui khiến, tôi khẽ gỡ lớp dây chuối. Bên trong là xấp tiền polymer cũ xếp gọn gàng, cùng chiếc nhẫn vàng cưới của cha tôi - món mà mẹ từng nói đã đem cầm lấy tiền thuốc thang cho anh trai những ngày cuối. Hóa ra bà chưa từng cầm nó đi, chỉ giấu kỹ đáy rương, cùng khoản tiền dành



dặm riêng nhiều năm từ những mẻ trà bán lẻ ở chợ phiên, không cho tôi hay. Dưới cùng là cuốn sổ ký họa tôi vẽ thời trung học, tưởng đã thất lạc từ lâu. Trật ra từ đó một mảnh giấy xé vụn, nét chữ nguệch ngoạc, xiêu vẹo do bàn tay tai biến của mẹ viết: “Đừng ngoái đầu lại. Trà có đắng mấy thì nước cuối cùng cũng phải ngọt. Con phải sống đời của con, vẽ tiếp những bức tranh con muốn, thì mẹ dưới này mới yên lòng được. Mẹ già rồi, không thể làm gánh nặng giữ chân con ở cái hốc núi này mãi”.

Tôi gấp tờ giấy lại, ôm bọc vải sát ngực. Nước mắt lại rơi, nhưng lần này không còn là tủi thân hay cay đắng. Tôi đã hiểu ra tất cả. Những lời cay nghiệt, những lần hắt đổ chén trà không phải là thật. Chúng là thứ duy nhất một người mẹ quê kệch, thương con đến thất lòng có thể nghĩ ra để xua đuổi đứa con hiếu thảo của mình đi, vì biết nếu cứ dụi dàng, tôi sẽ chẳng bao giờ chịu cất bước tìm tương lai riêng. Mẹ đã tự tay đẩy tôi ra khỏi cánh cửa nhà, chấp nhận đóng vai một người mẹ khắc nghiệt, chỉ vì muốn tôi sống một cuộc đời trọn vẹn.

Tôi nhìn ra cửa trạm xe. Bên ngoài mưa đã tạnh. Linh đứng dưới hàng hiên đối diện, ô che nghiêng, ánh mắt tràn đầy chờ đợi. Thấy tôi ngẩng lên, cô đi về phía tôi, không nói gì, chỉ dụi dàng đưa tay cầm lấy chiếc ba lô nặng trĩu trên vai tôi. Tôi thả tay, để cô cầm lấy.

Nhiều năm sau, tôi trở về thăm mẹ vào một chiều tháng Mười. Đồi trà

vẫn xanh ngắt dưới nắng thu nhạt. Hàng trà cổ thụ đang ra hoa rộ, mùi hương thanh khiết vẫn như ngày tôi còn là đứa trẻ chạy nhảy quanh sân. Cổng bờ rào đá vẫn đó, chỉ lớp rêu xanh bám dày hơn.

Mẹ ngồi trên chiếc ghế gỗ dưới gốc trà cổ thụ, tay cầm chiếc quạt nan phe phẩy. Mẹ già đi nhiều, tóc bạc trắng như sương núi, lưng còng gập, nhưng ánh mắt đã trở lại vẻ tỉnh lặng, dịu hiền ngày xưa. Nghe tiếng bước chân trên lớp lá khô, mẹ quay ra, nheo mắt nhìn. Nhận ra tôi, tay mẹ run run đặt chiếc quạt xuống, giọng bình thản như thể tôi vừa mới đi chợ huyện về: “Con về đấy à? Vào nhà đi, trà vừa pha xong còn nóng”.

Bà nắm bàn tay tôi, mân mê những vết chai do cầm cọ vẽ lâu ngày. Tôi đặt lên lòng bàn tay mẹ chiếc nhẫn vàng ngày ấy, không nói gì. Mẹ nhìn nó một thoáng, rồi khẽ nắm những ngón tay run rẩy quanh chiếc nhẫn, quanh cả bàn tay tôi, không giải thích, không hỏi han, chỉ ngồi vậy thật lâu bên hiên nhà lộng gió.

Buổi chiều hôm đó, hai mẹ con ngồi dưới bóng hàng trà cổ thụ, uống chén trà sao tay đắng nhẹ nhưng đọng vị ngọt hậu rất sâu. Xa xa ngoài đường dốc, có tiếng xe máy và tiếng trẻ con đi học về cười đùa rộn rã. Những cánh hoa trà trắng muốt rơi xuống, nằm im trên mặt đất ẩm, lặng lẽ như những điều không cần nói ra giữa hai mẹ con, chỉ có gốc trà già vẫn đứng đó, rễ cắm sâu vào lòng đất, chứng kiến hết mọi chuyện.

M.T.T

TRANG PHỤC, ĐẠO CỤ TRONG NGHỆ THUẬT MÚA DÂN GIAN
CỦA NGƯỜI BAHNAR VÀ JRAI:

Bảo tồn nguyên gốc ở mức nào?

ThS. HOÀNG THANH HƯƠNG

1. Tỉnh Gia Lai có dân số khoảng 3,5 triệu người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số là 831.497 người, chiếm khoảng 23,20% với 47 thành phần dân tộc, trong đó: Jrai 15,54%, Bahnar 5,69%, Mường 0,42%, H'rê 0,30%, Chăm và các dân tộc thiểu số khác là 1,25%. Dân tộc Bahnar có số dân đông nhất trong những dân tộc thiểu số nói tiếng Môn - Khmer ở khu vực Nam Trung bộ, địa bàn cư trú chủ yếu ở Nam tỉnh Quảng Ngãi, Tây tỉnh Gia Lai và một số xã vùng núi phía Đông tỉnh Đắk Lắk. Dân tộc Jrai có quá trình phát triển lịch sử lâu dài, ý thức cộng đồng hình thành khá sớm và là một trong số 5 tộc người Mã Lai - Đa Đảo sinh sống trên vùng đất Nam Trường Sơn - Tây Nguyên và đồng bằng ven biển Trung bộ. Địa bàn cư trú của người Jrai trải dài từ tỉnh Quảng Ngãi đến Đắk Lắk mà Gia Lai là khu vực sinh sống tập trung.

2. Trải qua quá trình lịch sử, hai dân tộc Bahnar và Jrai đã hình thành một kho tàng văn hóa dân gian phong phú với âm nhạc, kiến trúc, điêu khắc, lễ hội... đặc biệt là nghệ thuật múa. Múa dân gian không chỉ là hình thức giải trí mà còn là phương tiện biểu đạt thế giới quan, nhân sinh quan, tín ngưỡng và đời sống tinh thần của cộng đồng. Trong cấu trúc của nghệ thuật múa dân gian, trang phục và đạo cụ giữ vai trò rất quan trọng. Đây không chỉ là yếu tố hỗ trợ biểu diễn mà còn là phương tiện truyền tải thông điệp văn hóa, phản ánh môi trường sống, trình độ kỹ thuật, thẩm mỹ và tín ngưỡng đa thần. Bối cảnh hội nhập và phát triển du lịch, trang phục và đạo cụ trong múa dân gian của tộc người Bahnar, Jrai đang có những biến đổi rõ nét. Những biến đổi này vừa

mang tính tích cực, vừa đặt ra nhiều thách thức đối với việc bảo tồn bản sắc văn hóa. Trong nghệ thuật múa, trang phục không chỉ tạo hình ảnh thẩm mỹ mà còn giúp phân biệt giới tính, vai trò và làm tăng tính biểu cảm của động tác. Bên cạnh đó, đạo cụ như công chiêng, khiên, giáo, gùi, nông cụ và nhiều đồ dùng sinh hoạt quen thuộc trong đời sống hàng ngày góp phần hỗ trợ tạo hình, tăng tính sinh động cho tiết mục, tạo không gian nghệ thuật và chuyển tải nội dung văn hóa, tín ngưỡng, làm cho múa dân gian trở thành một chỉnh thể nghệ thuật sinh động và giàu ý nghĩa. Những biến đổi về trang phục thể hiện trước hết ở chất liệu, khi từ sợi bông tự dệt, nhuộm bằng nguyên liệu tự nhiên chuyển sang sử dụng sợi chỉ công nghiệp, vải may sẵn, giúp giảm công sức nhưng làm suy giảm giá trị thủ công truyền thống. Về màu sắc, trang phục truyền thống vốn trầm, mang tính biểu tượng với 3 màu cơ bản đen, đỏ, trắng nay được thay bằng màu sắc phong phú (xanh non, vàng, tím, cam), có thêm yếu tố trang trí sợi kim tuyến, nút bọc vải, móc cài bằng nhựa, kim loại tuy làm tăng tính thẩm mỹ sân khấu nhưng lại giảm tính nguyên bản. Kiểu dáng trang phục cũng có sự thay đổi khi nam giới trẻ tuổi ít sử dụng khố, thay thế bằng trang phục hiện đại, đồng thời các chi tiết như cổ áo, tà áo, thân áo, khóa kéo được cách tân đa dạng cho tiện dụng và đẹp hơn.

Đáng chú ý, chức năng sử dụng trang phục đã chuyển từ đời sống thường ngày sang chủ yếu phục vụ biểu diễn, lễ hội, tín ngưỡng tôn giáo. Trang phục từ trẻ em đến tuổi trưởng thành đều có sự thay đổi về thẩm mỹ theo hướng phong phú, hợp model, thể hiện cá tính, phong cách... Ở người già, sự thay đổi thẩm mỹ ít hơn. Phụ nữ vẫn yêu thích trang phục truyền thống nhưng không sử dụng thường xuyên trong đời sống hàng ngày. Hiện nay, người thường xuyên mặc trang phục truyền thống chỉ còn ở các làng xa trung tâm và cũng chỉ còn trong bộ phận người dân tuổi từ 50 trở lên. Cùng với đó, đạo cụ và không gian diễn xướng trong múa dân gian Bahnar và Jrai đang cũng có sự thay đổi tương ứng, phản ánh rõ quá trình chuyển dịch từ môi trường văn hóa truyền thống sang môi trường sân khấu và du lịch hiện nay của xã hội. Đạo cụ có những biến đổi rõ nét cả về số lượng, hình thức và cách sử dụng. Nhiều đạo cụ truyền thống bị suy giảm do không còn được sử dụng thường xuyên, đồng thời không gian diễn xướng truyền thống ngày càng thu hẹp. Bên cạnh đó, quá trình sân khấu hóa đã làm cho đạo cụ được cải tiến về kiểu dáng, chất liệu nhằm phù hợp với biểu diễn, tuy nhiên cũng làm giảm tính nguyên gốc và ý nghĩa biểu tượng vốn có. Ngoài ra, xu hướng đơn giản hóa đạo cụ diễn ra phổ biến, khi các yếu tố phức tạp bị lược bỏ để tập trung vào hiệu quả trình diễn, dẫn đến sự thay đổi trong giá trị văn hóa và nghệ thuật của múa dân gian.

Không gian và cách sử dụng múa dân gian cũng có sự thay đổi đáng kể. Nếu trước đây múa chủ yếu diễn ra trong các lễ hội, nghi lễ truyền thống gắn với đời sống cộng đồng, thì hiện nay chuyển dần sang biểu diễn trên sân khấu và phục vụ du lịch. Sự thay đổi này kéo theo những biến đổi về trang phục, đạo cụ

và cách thức thể hiện, làm cho múa dân gian thích ứng với bối cảnh mới nhưng đồng thời cũng đặt ra thách thức trong việc giữ gìn tính nguyên bản.

Sự biến đổi về trang phục và đạo cụ trong múa dân gian của người Bahnar và Jrai đã góp phần giúp loại hình nghệ thuật này thích ứng với điều kiện đời sống và bối cảnh xã hội hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quảng bá văn hóa truyền thống, đặc biệt trong các hoạt động giao lưu, biểu diễn và truyền thông. Dù vậy việc thay đổi chất liệu, kiểu dáng và cách sử dụng có thể dẫn đến sự mai một các giá trị truyền thống vốn có, làm mất đi bản sắc văn hóa. Quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa nếu thiếu chọn lọc dễ dẫn đến xu hướng đồng nhất hóa, làm mờ đi những nét đặc trưng riêng của từng tộc người. Nghiêm trọng hơn, nếu không có định hướng bảo tồn phù hợp, sự biến đổi có thể làm suy giảm và dần đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.

3. Để bảo tồn và phát huy giá trị trang phục, đạo cụ trong nghệ thuật múa dân gian của người Bahnar và Jrai, trước hết cần đẩy mạnh công tác sưu tầm và số hóa dữ liệu các mẫu trang phục, đạo cụ tiêu biểu; chú trọng phục dựng nguyên bản các giá trị truyền thống thông qua việc khôi phục kỹ thuật dệt thủ công và sử dụng nguyên liệu tự nhiên gắn với việc duy trì các lễ hội truyền thống. Cần tổ chức các lớp truyền dạy múa dân gian tại cộng đồng, đặc biệt hướng tới thế hệ trẻ, nhằm duy trì tính kế thừa liên tục của di sản. Có thể đưa nội dung múa dân gian và kiến thức về trang phục, đạo cụ truyền thống vào chương trình giáo dục trong nhà trường bằng các hình thức phù hợp, góp phần nâng cao nhận thức và niềm tự hào văn hóa dân tộc. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của đội ngũ nghệ nhân, phát triển các câu lạc bộ múa dân gian tại cơ sở. Cần có cơ chế tôn vinh, đãi ngộ xứng đáng đối với các nghệ nhân cùng với việc xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa cơ sở như nhà rồng, nhà sinh hoạt cộng đồng, không gian trình diễn... Cần gắn bảo tồn nghệ thuật múa dân gian với phát triển du lịch văn hóa thông qua việc xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng mang bản sắc Bahnar và Jrai; thành lập các đội múa phục vụ du lịch kết hợp với các yếu tố văn hóa khác như cồng chiêng, lễ hội, ẩm thực, nghề thủ công...

Trang phục và đạo cụ trong múa dân gian Bahnar và Jrai là những yếu tố cốt lõi góp phần tạo nên bản sắc văn hóa của cộng đồng. Trong bối cảnh hiện đại, sự biến đổi là tất yếu, thể hiện khả năng thích ứng với đời sống mới. Tuy nhiên, nếu thiếu định hướng, quá trình này có thể dẫn đến nguy cơ mai một giá trị truyền thống. Vì vậy, cần thực hiện đồng bộ giữa bảo tồn các yếu tố nguyên gốc, phát huy giá trị trong đời sống đương đại và linh hoạt thích ứng với xu thế hiện đại. Chỉ trên cơ sở đó, nghệ thuật múa dân gian Bahnar và Jrai mới có thể vừa giữ được “hồn cốt dân tộc”, vừa trở thành nguồn lực phát triển bền vững trong tương lai.

H.T.H

Cung kỷ Song Trung sự tích - Một trang ký ức ở Thành Hoàng Đế

TS. VÕ MINH HẢI

Giữa không gian Thành Hoàng Đế, miếu Song Trung và lầu Bát Giác lưu giữ một văn bản Hán văn đáng chú ý mang tên Cung kỷ Song Trung sự tích. Tấm bia không chỉ kể lại sự tích Võ Tánh và Ngô Tùng Châu trong biến cố thành Bình Định đầu thế kỷ XIX mà còn là một lớp ký ức đặc biệt của vùng đất này. Nội dung văn bia từng được giới thiệu, dịch sang tiếng Pháp trên tạp chí của Hội đồ thành hiệu cổ (B.A.V.H.) từ năm 1939, tạo thêm nguồn tư liệu quý để nhận diện giá trị của di tích hôm nay.

Tấm bia kể chuyện thành Bình Định

Trong quần thể Thành Hoàng Đế, khu vực Miếu Song Trung và lầu Bát Giác mang dấu ấn riêng của một giai đoạn lịch sử. Tại đây hiện còn tấm bia đề sáu chữ lớn *Cung kỷ Song Trung sự tích* (Kính ghi sự tích Song Trung). Văn bia gồm hai phần chính, lần lượt ghi sự tích Hoài Quốc công Võ Tánh và Ninh Hòa Quận công Ngô Tùng Châu. Nếu nhiều văn bia cổ thường thiên về ghi công đức hoặc quá trình kiến tạo di tích, thì *Cung kỷ Song Trung sự tích* lại mang dáng dấp một thiên truyện lịch sử, ghi khá chi tiết xuất thân, hành trạng và đặc biệt là những ngày cuối cùng của hai nhân vật tại thành Bình Định. Năm Kỷ Mùi 1799, thành Quy Nhơn được đổi tên thành Bình Định. Võ Tánh được giao trấn giữ, Lễ bộ Tham tri Ngô Tùng Châu cùng hiệp thủ. Sau đó, quân Tây Sơn do Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng chỉ huy tổ chức bao vây. Chiến lũy được dựng nhiều lớp, cửa biển Thị Nại bị phong tỏa, khiến thành ngày càng rơi vào thế cô lập. Văn bia không dành quá nhiều lời cho diễn biến từng trận đánh mà tập trung khắc họa lựa chọn của con người trong tình thế không còn đường lui. Võ Tánh được thể hiện như một võ tướng quyết ở lại giữ thành, chấp nhận hy sinh để hạn chế tổn thất cho quân sĩ và tạo thế kiểm chế lực lượng đối phương.

Đáng chú ý, trước lúc quyết định tự thiêu, ông còn gửi thư cho Trần Quang Diệu, nói rõ mình đã quyết chết nhưng xin không làm hại quân sĩ trong thành. Sau khi vào thành, theo văn bia, Trần Quang Diệu nhìn thấy cảnh ấy thì rơi lệ, cho thu táng Võ Tánh theo lễ, quân sĩ cũng được tha. Chi tiết này khiến câu chuyện vượt ra ngoài

ranh giới thắng - bại thông thường của một cuộc chiến. Trong hoàn cảnh đối đầu quyết liệt, người ở hai phía vẫn có thể nhìn nhận khí tiết của nhau.

Một văn, một võ và chữ “trung”

Nếu Võ Tánh được khắc họa bằng hình ảnh một võ tướng thì Ngô Tùng Châu tạo nên một đối ứng khác. Ngô Tùng Châu là người Phù Cát, Bình Định, từng vào Gia Định theo học Võ Trường Toản. Ông làm quan đến Lễ bộ Tham tri, từng giữ việc Đông cung Phụ đạo. Văn bia nhận xét ông là người “đoan trọng hữu khí tiết, học hạnh thuần chính” - đoan trọng, có khí tiết, học văn và phẩm hạnh thuần chính.

Khi thành đã cạn lương, tình thế không thể tiếp tục chống giữ, Ngô Tùng Châu đến hỏi kế. Võ Tánh chỉ vào lầu Bát Giác và nói: đó là kế của ta. Biết Võ Tánh đã quyết chết, nhưng khi được khuyên nên tìm đường bảo toàn tính mạng vì là văn thần, Ngô Tùng Châu đáp: lòng trung ái vốn là một, há lại phân biệt văn hay võ? Sau đó, ông mặc triều phục, hướng về cung khuyết làm lễ rồi uống thuốc độc. Khi nghe tin, Võ Tánh bùi ngùi nói: “Ngô quân tiên ngã nhất trước hĩ!” - Ngô quân đã đi trước ta một bước rồi. Hai ngày sau, ngày 27 tháng 5 năm Tân Dậu 1801, Võ Tánh cũng lựa chọn kết thúc cuộc đời tại lầu Bát Giác. Ông cho chất củi khô, đặt thuốc súng ở giữa, tẩm gôi, mặc triều phục rồi từ biệt tướng sĩ trước khi tự châm lửa. Thống binh Nguyễn Tiến Huyền sau đó cũng lao vào lửa chết theo.

Phần cuối văn bia cô đọng hình tượng hai nhân vật bằng câu: hai vị, một võ một văn, cùng lòng giữ tiết; một vào lửa dữ, một uống thuốc mà mất. Ở đây, “Song Trung” không chỉ là cách gọi hai người cùng được thờ tại một ngôi miếu. Qua cấu trúc văn bia, một văn - một võ được đặt song song để làm nổi bật một quan niệm đạo đức đặc trưng của thời đại: lòng trung, khí tiết và sự lựa chọn trách nhiệm trước biến cố lịch sử.



Bia Cung kỷ Song Trung sự tích tại Lầu Bát Giác, miếu Song Trung. Ảnh: V.M.H

Từ văn bia đến một lớp ký ức Thành Hoàng Đế

Giá trị của Cung kỷ Song Trung sự tích không dừng lại ở câu chuyện hai nhân vật. Đây còn là một “văn bản ký ức” được hình thành trong hệ giá trị Nho giáo và quan điểm lịch sử của triều Nguyễn. Những khái niệm trung, liệt, tiết, nghĩa xuất hiện xuyên suốt văn bia phản ánh cách một thời đại nhìn nhận và tôn vinh những người đã hy sinh cho triều đại mà họ phụng sự. Nhưng nếu đặt trong không gian rộng hơn của Thành Hoàng Đế, tấm bia còn mang thêm một ý nghĩa khác. Trên cùng một vùng đất từng hiện diện kinh đô Vijaya của Champa, Hoàng Đế thành của nhà Tây Sơn rồi thành Bình Định dưới triều Nguyễn. Mỗi lớp thành quách, kiến trúc, miếu thờ hay văn bia đều lưu giữ một lớp ký ức khác nhau. Cung kỷ Song Trung sự tích chính là một phần của sự chồng xếp lịch sử ấy.

Năm 1939, nội dung tấm bia đã được giới thiệu khá sớm trên Bulletin des Amis du Vieux Hué. Trong B.A.V.H., năm thứ XXVI, số 3-4 (tháng 7-12), Bưu Trung công bố bài L'Inauguration du Temple Hiên-Trung - “Lễ khánh thành đền Hiên Trung”. Bài viết giới thiệu khu đền, lầu Bát Giác và cuộc trùng tu, khánh thành công trình năm 1938. Đặc biệt, từ trang 167, tạp chí dành riêng một phần giới thiệu bằng tiếng Pháp những ghi chép tiểu sử khắc trên tấm bia tưởng niệm Võ Tánh và Ngô Tùng Châu. Việc nội dung văn bia được chuyển dịch và công bố trên B.A.V.H. từ năm 1939 cho thấy Miếu Song Trung và lầu Bát Giác từ sớm đã được nhìn nhận như một địa điểm lịch sử đáng chú ý. Đồng thời, bản dịch này ngày nay trở thành một nguồn tư liệu quan trọng để đối chiếu với nguyên văn Hán tự còn lưu tại di tích.

Từ góc độ di sản, đây cũng là trường hợp đáng quan tâm, cùng một câu chuyện được bảo lưu trên hai loại hình tư liệu - chữ khắc trên đá tại Thành Hoàng Đế và văn bản in trên B.A.V.H. gần một thế kỷ trước.

Để văn bia tiếp tục kể chuyện

Hơn hai thế kỷ sau biến cố thành Bình Định, Cung kỷ Song Trung sự tích vẫn còn hiện diện giữa Thành Hoàng Đế như một chứng tích bằng chữ. Giá trị của tấm bia hôm nay không nhất thiết nằm ở việc tiếp tục ca ngợi hay phán xét các nhân vật của một thời đại đã qua.

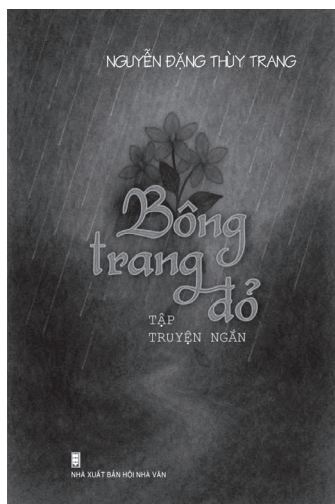
Điều quan trọng hơn là đọc đúng văn bản, đặt nó vào hoàn cảnh lịch sử và nhìn nhận đây như một thành tố trong tổng thể ký ức nhiều lớp của Thành Hoàng Đế. Vì vậy, bên cạnh gìn giữ hiện vật, cần tiếp tục chụp ảnh chất lượng cao, số hóa, phiên âm, dịch nghĩa, chú giải và đối chiếu nguyên văn Hán tự với bản dịch đã công bố trên B.A.V.H. năm 1939. Những kết quả ấy có thể được tích hợp vào hoạt động thuyết minh, trưng bày và giới thiệu di tích. Bởi Thành Hoàng Đế không chỉ được kể bằng thành quách. Những câu chuyện còn nằm trong từng tấm bia, câu đối, hoành phi và lớp chữ cổ đang hiện diện tại di tích. Sáu chữ “Cung kỷ Song Trung sự tích” là một dấu chỉ đáng chú ý, góp thêm một trang tư liệu để người hôm nay đọc lại lịch sử và nhận diện chiều sâu ký ức của vùng đất.

V.M.H

Từ miên man tâm tưởng, đã có...

(Đọc *Bông trang đỏ*, tập truyện ngắn của Nguyễn Đặng Thùy Trang,
Nxb. Hội Nhà văn, 2025)

LÊ HOÀI LƯƠNG



Tôi đọc những trang viết buổi đầu của Nguyễn Đặng Thùy Trang từ Trại Sáng tác trẻ của Hội VHNT Bình Định các năm 2014, 2015. Những truyện sau đó được tạp chí văn nghệ tinh trang trọng in, như sự chào đón thế hệ cầm bút mới - các bạn hồi này đang còn là sinh viên, học sinh. Sau đó, các sáng tác của chị tiếp tục xuất hiện trên những diễn đàn văn học, được tập hợp thành các tập truyện *Bay* (2019), *Bông trang đỏ* (2025) và gặt hái một số thành tựu đáng khích lệ. Cây bút nữ này

trước sau vẫn trung thành với lựa chọn ban đầu của mình: tạng truyện ngắn không có cốt truyện.

Tất nhiên, cũng có các nhân vật, kiểu: K, nàng, nó, người đàn ông, người đàn bà, người vợ, người chồng, hoặc ngôi thứ nhất “tôi”; có khi là “luồng khí”, là “cơn gió”, là “nắng”... Những nhân vật như “mọc ra” từ tâm tưởng, không có lai lịch, thân phận, không thuộc hẳn một tầng lớp nào, thường xuất hiện với những trạng huống tâm hồn nhất định, đôi khi phi thực, nhập nhòa mơ hoang. Đời sống xã hội chỉ là những hình ảnh thoáng hiện, những bắt chorp từ các trải nghiệm sâu lắng, những hoài niệm, ký ức. Truyện thường ngưng tụ trong cuộc dẫn dắt miên mải đầy cảm giác, khó đoán định, bởi, hành trạng nhân vật được sinh ra từ những đối ứng của tâm tưởng trước các hiện tượng tự nhiên: nắng, gió, mưa, sông, hồ, sóng biển, cây, lá, đồi gò... - một tự nhiên đồng điệu, thường ở phía kỳ ảo, khác biệt. Đó là cách khai triển quen thuộc của truyện ngắn Nguyễn Đặng Thùy Trang.

Một dòng sông thao thiết chảy, con thuyền trôi theo dòng cùng tiếng hát nàng ca nữ, trên bờ là chàng trai nhiều năm tháng chạy theo con thuyền, mãi miết. Một ngày, con thuyền không thể trôi được nữa, nó đã rách nát, cô gái lên bờ, người đàn ông mừng rỡ đón nhận sau bao năm chùng chình chờ đợi. Cô theo người đàn ông làm nghề hát. Danh tiếng, sự nghiệp đến, là lúc cô không thấy người đàn ông nữa: anh ta đi đâu mất. Dòng sông, tiếng hát, con đò xưa và người đàn ông mãi chạy theo trên bờ, đã không còn nữa (*Con thuyền xuôi dòng*). Có người (nó) mọc cái cây non bên lưng. Nó mang cây thân thiết trên mình đến khi gặp một cây lớn vùng đôi, cành lá cây non rung lên mãnh liệt mong muốn rời bỏ cơ thể nó để mang năng lượng ấy hòa vào cây lớn. Trong cây lớn phát ra tiếng người, “huyền hoặc, quyến rũ và thông minh”. Nó chỉ có thể “mơ hồ làm theo những gì cây lớn bảo”, “thả lỏng cơ thể mình để chuẩn bị cho một cuộc tiến đưa cây nhỏ”. Mỗi lần vào thành phố nó sợ gặp cây to, “vì chưa chuẩn bị cho tái ngộ này”. Đôi lúc nó tìm về sườn đồi xưa với cái cây lớn phát ra tiếng người... Người ta thấy những vùng đồi thường có một bóng người. Bóng người hay bóng mình - những cái cây ám ảnh và ao ước mơ hồ sẽ hóa thành cây?... Truyện khép lại bằng khơi gợi về “cái gì đó lung lay sau lưng người” và “những cái cây nhỏ đằng sau lưng người không hề hiếm” (*Cứu rỗi*). Có người thích chạy về phía biển, nghe trong hơi gió mặn của biển “luồng khí” gần gũi, thiết thân như người bạn; cuộc trò chuyện trong ảo giác của họ đưa cô gái đến với một bà già giữ những tấm bùa từ sóng, từ lá cây bên bờ sóng những đêm trăng huyền hoặc. Bà già là Ly. Đôi trai gái Hoang, Ly ngày xưa của Huyền Thoại giải mã tấm bùa chú: đó là tình yêu thành phố biển của mình (*Luồng khí*). Cũng chạy, mãi miết chạy như một đam mê, một quyến dụ đầy phấn khích, để khẳng định mình, để cắt đứt với thực tại, để lướt qua, hòa nhập với những thực tại khác vừa quen thuộc vừa quái gở, chạy, mệt nhoài, bải hoải trong lẫn lộn hư, thực, khoái cảm và hoang loạn. Cơ lốc tâm tưởng này lướt qua những ảnh hiện trên đường phố, qua bữa bộn bề giới những vật dụng gần gũi mà kỳ dị, như lấy ra từ đâu đó “những giấc mơ của tuổi ấu thơ” (*Đồ vật*). Đó là cuộc hóa thân, nhòa nhập làm cơn gió, rong ruổi, xuôi ngược vào “những dẫn dắt vô hình” của quá khứ, vị lai, giữa mệnh mông đất trời để tìm cố hương. Sẽ không thể tìm thấy. Cố hương - một khát thiếu mãi mãi. Con người chỉ có thể “trở thành một đỉnh gió đứng yên, để luôn xao xác trong lòng mình”! (*Người đi nghe gió*).v.v...

Mười ba truyện ngắn trong *Bông trang đỏ* hoặc khởi đi, hoặc biến hóa dị biệt, khác thường như thế!

Truyện không cốt truyện từ thời Tự Lực Văn Đoàn đã có thành tựu đặc sắc của Thạch Lam. Nguyễn Đăng Thùy Trang đương nhiên rất khác bậc thầy xưa. Ở nhà văn này, ngoài xúc cảm về những biến chuyển khó lường tâm trạng nhân vật, còn là chất huyền ảo, hư thực và các thủ pháp nhân hóa, ẩn dụ, nhập vai, đổi vai, đan cài dẫn dắt. Truyện phi tuyến tính đã đành, các yếu

tổ không gian, thời gian cũng tung tẩy trong cấu trúc mở, linh hoạt. Do vậy, muốn tiếp nhận, người đọc phải tập trung để dõi theo, kết nối.

Sẽ không có sự hấp dẫn từ những tình tiết, diễn biến nhiều kịch tính, hoặc vỡ òa thỏa mãn trước những “hoàn cảnh điển hình, nhân vật điển hình”. Như đã khái quát trên, tạng nhân vật trong truyện Nguyễn Đăng Thùy Trang không phải nhân vật kiểu văn học truyền thống. Theo đó, cũng có lý nếu bảo truyện không có nhân vật. Nhân vật như được cài đặt, gọi tên bất kỳ, cốt chuyển tải tâm lý, tâm trạng, tâm tưởng - những chuyển động, chuyển hóa phức hợp của nội tâm con người. Sự và việc trong xu hướng này không theo logic đời sống thường nhật: những khác thường không phải cố ý sắp đặt gì của tác giả, mà là lựa chọn khai thác các quá ngưỡng của tâm thức, tâm cảm, thiên về phần bệnh lý. Rất nhiều ca “bệnh” kiểu này. Như người đàn bà ngày nào cũng mang vải đến cho anh thợ may bảo anh may những bộ đồ, may rồi đốt nó đi cho những người bơ vơ, bất hạnh, để thấy yên tâm rằng mình vẫn còn là chủ cửa hiệu, sai phải, ra lệnh người khác, mà không hóa điên lên (*Bông trang đỏ*). Một người đàn bà khác, suốt ngày đợi thư, mắc bệnh buồn ngủ, mỗi lần thấy thư hoặc gặp chuyện xúc động là mắt đã díp lại. Rồi trong cơn buồn ngủ, bà thả người từ tầng cao chung cư ra ngoài, như chim (*Người đàn bà bên bờ biển*)... Ranh giới giữa “bệnh” theo nghĩa thông thường và những trạng thái “lên đồng” của cảm xúc nhiều khi khó phân định: ai trong đời không có những thăng hoa quá ngưỡng, những “cơn điên” bất thần? Các nhân vật của Nguyễn Đăng Thùy Trang đều mang sẵn một “bệnh lý” nào đó trong mình.

Cốt truyện, nhân vật, cách khai triển, kết cấu gần như phá tung những lệ luật văn xuôi truyền thống: ngòi bút này chuyên chú cho những miền man tâm tưởng có phần ngẫu hứng trong xử lý và nhiều, thật nhiều hình ảnh, chi tiết ẩn dụ, biểu tượng. Truyện, hiển nhiên khó đọc, theo thói quen thụ cảm, tiếp nhận cũ.

Vậy điều gì khiến người đọc vẫn kiên trì dõi theo, kết nối, thưởng thức? Thế mạnh đáng kể của cây bút nữ này là chữ nghĩa. Nó tinh tế. Không phải ở bề mặt ngôn ngữ, mà là cách diễn đạt! Thử đọc một số:

“Không cần những cơn mưa, tôi cũng đã thấy rất buồn. Cái buồn trong sự xáo động, mơ hồ. Chúng tôi ngồi cạnh nhau, mưa chưa rơi nhưng dường như đang đến rất gần. Trong một dãy dài bàn ghế, chúng tôi ngồi như thuộc về phía bên kia câu chuyện” (Tr.54). Truyện ngắn *Đồ vật* mở đầu rất gợi như thế. Rồi: *“Tôi còn nhớ đến những hồi sinh và những gì còn quý giá trong cuộc đời này sau khi chúng tôi lạc nhau trong một lần cổng kênh và ào ạt”* (Tr.56). Và: *“Họ đánh lừa chút suy nghĩ nhỏ bé của tôi về cảm giác đường về đã rất gần để lại nắm giữ một điều gì đó hư vô, những con bù nhìn có tay và có cả mũi, chúng lắc lư động đậy vô hồn, ngu ngốc một cách có ích”* (Tr.58). (Các phần đánh dấu là nhấn mạnh của người viết).

Đọc thêm vài đoạn khác: “Có một chiếc áo khoác trên cây. Họ tưởng rằng của ai đó trong đoàn. Cái cây ấy thật cô đơn cạnh hồ. Giữa rừng núi lại có một cái hồ im lặng. Hồ cũng biết ẩn mình, chỉ có ai leo lên đây mới biết đến nó. Sự tồn tại của nó cũng có vẻ mông lung, mơ hồ” (Tr.124, Đêm trên đỉnh núi). Và: “- Tại sao dòng sông cứ trôi thế hả bà?/- Vì nó không thể dừng lại. Chúng ta cũng không thể dừng lại” (Tr.17, Con thuyền xuôi dòng). “Cố hương. Chúng ta chẳng thể nào tìm được đâu. Nó chẳng bao giờ rõ hình hài như chính chúng ta. Làm sao mà nắm bắt” (Tr.102, Người đi nghe gió). “Những giây phút mình rời thành phố ấy, mình biết cuộc đời dừng lại ở một điểm, thuộc về một điểm, vĩnh viễn. Ô cửa ở VT nó yêu thương quá. Rồi tháng năm này sẽ không lặp lại được nữa. Có cái gì thật đến đau lòng. Những tháng ngày như hơi thở sẽ ở lại” (Tr.153, Thời gian không ở phía trước)... Thật dịu dàng âm vang những cô đơn bất lực, những buồn đau, hoài vọng.

Đậm đặc chất thơ trong truyện ngắn Nguyễn Đăng Thùy Trang. Nó cũng không từ bề nổi chữ nghĩa. Mà là tổng hòa tất cả các yếu tố vừa khảo sát. Người ta nói nhiều về những xu hướng văn học hiện đại hiện nay, trong đó có sự nhập nhòa của văn xuôi và thơ. Trang văn tác giả nữ này là ví dụ khá rõ nét về giao thoa đó. Trong những tọa đàm, hội thảo văn học lâu nay, người ta ít chú trọng yếu tố kỹ thuật trong sáng tác, kỳ thực, văn học hiện đại đã từ lâu chỉ rõ hình thức và nội dung không còn phân định tách bạch: muốn viết mới không thể không quan tâm đến kỹ thuật. Ở khía cạnh này, những tìm tòi có dấu ấn riêng của chị rất đáng ghi nhận.

Trở lại với cách đặt vấn đề phần đầu: từ những trang viết đầu tay đến *Bay, Bông trang đỏ*, Nguyễn Đăng Thùy Trang trước sau trung thành với lựa chọn của mình. Nói thêm, đây là lựa chọn đầy thách thức, bởi đường mòn cảm nhận, thụ hưởng, nhìn chung còn khá cũ.

Chị là người cầm bút dám dẫn thân. Trong vô vàn những nhai nhái, rập khuôn từ đề tài, hình tượng đến cảm xúc, nhằm và nhằm, chị đã lựa chọn lối đi khác, nhẹ nhàng mà quyết liệt. Mọi thứ còn phía trước. Hành trình văn chương đúng nghĩa nào cũng lắm cam go, thử thách. Nhưng tôi muốn nói rằng, với thế giới miên man tâm tưởng của riêng mình, miền đất truyền thống văn chương Gia Lai đã có một Nguyễn Đăng Thùy Trang.

L.H.L

NHẠC SĨ LÊ KHẮC HÙNG

Neo tình quê vào giai điệu

DUY KHANG

Với nhạc sĩ Lê Khắc Hùng, âm nhạc đã trở thành một phần tự nhiên của cuộc sống. Niềm say mê ấy nảy nở từ thuở nhỏ, theo anh qua những năm tháng học đàn, miệt mài trên giảng đường đến ngày trở về quê nhà. Qua mỗi ca khúc, anh gửi gắm những rung động, suy tư về con người và tình yêu sâu nặng với miền đất đã nuôi dưỡng tâm hồn mình.

1. Sinh năm 1970, quê Tuy Phước (Bình Định cũ), Lê Khắc Hùng sớm bộc lộ niềm đam mê âm nhạc và từng bước tìm đến con đường học hành bài bản. Những ngày đầu học đàn với các thầy Vũ Phan Long, Hứa Gia Phương... đã đặt những viên gạch đầu tiên cho hành trình ấy. Năm 1988, anh theo học Trung cấp tại Trường Âm nhạc Huế. Bốn năm sau, anh bước vào giảng đường Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh, từng bước tiếp cận môi trường đào tạo chuyên nghiệp.

Từ những năm học Trung cấp, Lê Khắc Hùng đã được các thầy Hà Sâm, Vĩnh Phúc hướng dẫn sáng tác, khơi mở niềm say mê viết nhạc. Trong 5 năm theo học chuyên ngành Sáng tác tại Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh, được nhạc sĩ Phạm Minh Tuấn dìu dắt đã góp phần định hình tư duy và bồi đắp cho anh nhiều kinh nghiệm viết nhạc. Vừa học ở Nhạc viện, anh vừa sáng tác, vừa làm nhạc công, tham gia biểu diễn trong các hoạt động âm nhạc. Những trải nghiệm ấy giúp anh tích lũy vốn sống nghề nghiệp, đồng thời hiểu thêm mối quan hệ giữa ý tưởng sáng tác, khả năng biểu đạt của người trình diễn và cảm nhận của người nghe. “Sáng tác, với tôi, không tách rời việc nghe, học, thực hành và quan sát đời sống...”, anh tâm sự.

Năm 1997, ở tuổi 27, Lê Khắc Hùng tốt nghiệp Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh và sau đó được kết nạp vào Hội Nhạc sĩ Việt Nam. Trở về quê hương, anh tham gia tổ chức dàn nhạc, biên tập âm nhạc, sáng tác và góp mặt trong nhiều chương trình nghệ thuật. Từng là Phó phòng rồi Trưởng phòng Văn nghệ - Giải trí của Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Định, các chương trình nghệ thuật biểu diễn vào những dịp lễ, ngày kỷ niệm ở địa phương, những cuộc vận động sáng tác trở thành môi trường để anh tiếp tục lao động, thử nghiệm và tích lũy kinh nghiệm. Anh thường xuyên viết nhạc cho các chương trình nhân các ngày lễ, ngày kỷ niệm của tỉnh. Với mỗi chương trình, anh luôn trăn trở phải làm sao để tác phẩm vừa đáp ứng yêu cầu nội dung, vừa tránh lối diễn đạt khuôn sáo, làm sao để những dấu mốc lịch sử, những biểu tượng văn hóa thực sự trở thành cảm xúc trong giai điệu. “Qua mỗi lần làm chương trình, tôi tích lũy thêm một chút kinh nghiệm cho sáng tác”, anh chia sẻ.

Chính sự gắn bó với thực tiễn đã góp phần hình thành ở Lê Khắc Hùng cách làm nghề nghiêm túc, cẩn trọng nhưng gần gũi với đời sống. Với anh, sáng tác ngoài những khoảnh khắc cảm hứng xuất thần còn là quá trình tìm tòi, chắt lọc và chuyển hóa chất liệu thành những thanh âm để bộc bạch những tâm tư tình cảm đã nung nén của mình.

2. Nhạc sĩ Lê Khắc Hùng thường viết từ những gì gần gũi với cuộc sống. Đó là những rung động trước tình yêu, những phận người đến cảnh sắc đời thường, cảm xúc có thể mở ra nhiều hướng, song khi trở về với miền đất thân thuộc, anh dường như tìm thấy một mạch nguồn để tiếp tục viết và gắn bó.

Sinh ra và trưởng thành từ vùng đất Bình Định giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, Lê Khắc Hùng có điều kiện tiếp xúc với những chất liệu nghệ thuật dân gian đã thấm sâu vào đời sống cộng đồng. Trong quá trình viết ca khúc, anh tìm đến âm hưởng Tuồng, Bài chòi, dân ca xứ Nẫu, đồng thời kết hợp với cách xử lý tiết tấu mang hơi thở hiện đại. “Tôi muốn đưa những chất liệu ấy tham gia vào cấu trúc âm nhạc, góp phần làm nên bản sắc và sức biểu cảm của tác phẩm”, anh trải lòng. Đây cũng là một hướng đi cần sự tinh táo. Chất liệu truyền thống vốn có sức sống riêng, gắn với không gian diễn xướng, ngôn ngữ và tâm thức cộng đồng. Khi đưa vào ca khúc mới, nếu chỉ sử dụng như một lớp trang trí, âm hưởng dân gian dễ trở nên rời rạc, thiếu sức thuyết phục. Ngược lại, nếu biết chắt lọc và tổ chức hợp lý, chất liệu cũ có thể mở ra những khả năng biểu đạt mới, giúp tác phẩm vừa mang dấu ấn quê hương, vừa gần gũi với người nghe hôm nay. Nhạc sĩ Lê Khắc Hùng có những tìm tòi theo hướng ấy. Anh chú trọng mối quan hệ giữa giai điệu và ca từ, xem lời ca là một thành tố tạo nên cảm xúc âm nhạc. Theo anh, ca từ cần có



Nhạc sĩ Lê Khắc Hùng nhận giải Nhất cuộc thi Sáng tác ca khúc về Bình Định với ca khúc Âm vang miền Đất Võ. Ảnh: NVCC

hình ảnh, nhịp điệu, độ ngân và khả năng gợi mở, và giai điệu phải nâng đỡ được lời, để khi cất lên, người nghe có thể cảm nhận được những rung động gửi gắm từ câu chữ.

Trên hành trình sáng tác, Lê Khắc Hùng đã có những ca khúc được ghi nhận qua các giải thưởng: *Vẫn nồng nàn tình quê*, Giải thưởng Hội Nhạc sĩ Việt Nam năm 2006; *Giữ mãi câu hò biển khơi*, giải Ba cuộc thi Việt Nam quê hương tôi năm 2010; *Tình ca quê mình*, giải B tại Liên hoan Âm nhạc toàn quốc năm 2013... Với anh, mỗi giải thưởng hẳn là một niềm vui, một dấu mốc đáng nhớ trên con đường đã chọn. Nhưng nhắc đến *Âm vang miền đất Võ*, ca khúc giành giải Nhất cuộc thi Ca khúc Bình Định năm 2022, anh vẫn cười hồn hậu: “Tôi cũng không ngờ mình được quán quân”.

Nghe *Âm vang miền đất Võ*, dễ nhận ra tình cảm của người nhạc sĩ dành cho quê hương. Anh đưa vào ca khúc những nét văn hóa đã ăn sâu trong tâm thức người “đất Võ”. Ấy là tiếng trống Tuồng, điệu Bài chòi, câu dân ca ngọt ngào xứ Nẫu: “*Tiếng trống Tuồng vang vọng. Điệu Bài chòi thiết tha. Khúc dân ca bao đời. Còn đọng lại hôm nay...*”. Từ những âm vang xưa cũ, ca khúc mở ra một Bình Định tươi trẻ, đang chuyển mình cùng những cây cầu, những công trình mới và nhịp sống sôi động. Quá khứ và hiện tại nối tiếp nhau trong một dòng chảy liền mạch, nơi truyền thống trở thành điểm tựa cho những bước đi phía trước. Điểm đáng chú ý nằm ở cách xử lý phần điệp khúc. Tiết tấu được đẩy nhanh, cao trào mở ra, tạo nên âm hưởng hào hùng mà vẫn gần gũi. Trong đó có nét khỏe khoắn của nhịp điệu dân gian, gợi âm hưởng nhạc Tuồng, nhưng được làm mới bằng cách triển khai hiện đại. Khi dàn đồng ca cất lên những câu hát “*Về vùng đất võ*

trời văn, hòa cùng nhịp trống Tây Sơn. Quân reo năm nào, áo vải cờ đào mùa xuân đại thắng. Chiến công lẫy lừng sáng soi sử vàng Quang Trung Nguyễn Huệ”, khí thế của một vùng đất giàu truyền thống lịch sử như được khơi dậy, lan tỏa. Và, xen giữa những giai điệu sôi nổi vẫn là nét dịu dàng, thơ mộng của miền đất từng làm say lòng bao tao nhân mặc khách: “Sống ru Ghềnh Ráng đôi Thi Nhân. Ánh trăng soi bóng hồn thơ. Để cho người đến gần ngơ. Đắm say cùng những lời ca...”. Những câu hát mềm mại ấy khiến bức tranh quê hương có thêm chiều sâu, vừa mạnh mẽ hào sảng, vừa nên thơ đắm thắm. Viết về một vùng đất đã có bề dày lịch sử và văn hóa, làm sao để người nghe nhận ra bản sắc riêng mà vẫn rung động trước giai điệu, ca từ, quả không dễ. Với *Âm vang miền đất Võ*, Lê Khắc Hùng đã tìm được cách kết nối những chất liệu thân thuộc của quê hương với hơi thở âm nhạc hôm nay.

Thời gian gần đây, Lê Khắc Hùng viết nhiều hơn. Trong không khí cả nước đang thực hiện công tác quy tập hài cốt liệt sĩ, anh giới thiệu đến người nghe ca khúc *Đón các anh về với đất mẹ* (phổ thơ đại tá, nhà thơ Trần Thế Tuyền), lắng đọng lại bao dư vang. Giai điệu ca khúc chậm rãi, tha thiết như một lời thủ thỉ, nâng đỡ từng câu thơ giàu hình ảnh: “*Thân ngã xuống nơi chiến trường gần, xa/ Thành đất đai Tổ quốc...*”. Nghe ca khúc của anh, ta càng cảm nhận rõ hơn giá trị của những nỗ lực tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ trên khắp mọi miền đất nước với bao lặng lẽ, gian nan. Có lẽ vì thế mà câu hát “*Để mẹ không còn ngối bầu của ngóng trông...*” bỗng trở nên day dứt hơn bao giờ hết, ngân vọng bao nỗi niềm.

Dẫu viết về lịch sử, văn hóa hay thân phận con người, nhạc sĩ Lê Khắc Hùng vẫn tìm cách khơi nguồn từ những điều gần gũi, chân thực, để âm nhạc có thể chạm đến người nghe bằng sự đồng cảm. Không ngừng viết mới, tìm hiểu chất liệu âm nhạc và thử nghiệm cách thể hiện, anh vẫn giữ niềm say mê với con đường đã chọn. Anh hiện là hội viên Chi hội Âm nhạc thuộc Hội Văn học Nghệ thuật Gia Lai, hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam và Chi hội phó Chi hội Âm nhạc Việt Nam tỉnh Gia Lai. Qua từng giai điệu, anh vẫn luôn neo xúc cảm vào âm nhạc, giữ mãi tấm lòng tha thiết với quê hương để những giá trị thân thuộc tiếp tục ngân vang...

D.K

Khát vọng mang hình ngọn lửa

NGUYỄN THỊ MỸ TIỀN

(Giáo viên Ngữ Văn - Trung tâm GDTX- GDNN tỉnh Gia Lai)

Eleanor Roosevelt viết: “Tương lai thuộc về những người tin vào vẻ đẹp của những giấc mơ”. Giữa địa ngục của đạn bom và chết chóc, ước mơ của những người trẻ thế kỷ XX là khát vọng hòa bình. Hàng vạn ước mơ thay đổi vận mệnh đất nước đã dệt nên khát vọng hòa bình, độc lập tự do, lập nên kỳ tích vẻ vang trong cuộc chiến vệ quốc vĩ đại của dân tộc Việt Nam. *Nhật ký Đặng Thùy Trâm* khai sinh trong lịch sử đầy máu và tổn tại như một ngọn lửa không thể bị dập tắt, trở thành bảo chứng cho sự bất diệt của tình thương và lẽ sống cao đẹp hiển hiện trong dáng hình nhỏ nhắn của cô gái trẻ - bác sĩ Đặng Thùy Trâm.

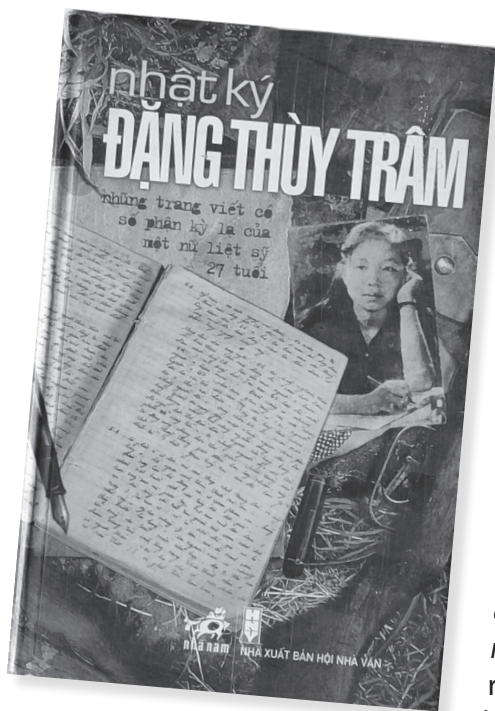
Một hiện thực vừa trong trẻo yêu thương vừa bi hùng khốc liệt hiện lên trong hai năm chiến đấu và cứu người từ 8.4.1968 đến 20.6.1970. Sau trận càn quét vào bệnh viện dã chiến, căn cứ Việt Cộng đã hoàn toàn bị thiêu rụi nhưng có một cuốn sổ nhỏ nằm bên mép lửa đã được bảo vệ với một sĩ quan quân báo Mỹ. Cuốn sổ sống sót diệu kỳ trong bàn tay của “chiến tuyến bên kia” suốt 35 năm và quay về quê hương trong ngày giải phóng. Sự tổn tại phi thường ấy đã làm mờ đi ranh giới của đồng đội hay kẻ thù, kết nối con người bằng nỗi đau chiến tranh.

Đoạn trích *Nhật ký Đặng Thùy Trâm* được đưa vào giảng dạy trong chương trình Ngữ văn 12, SGK Cánh Diều tập 1 được chọn từ ba thời điểm khác nhau theo quá trình làm việc và tâm tư của nữ bác sĩ. Phần đầu được viết ngày 20.5.1968 là giai đoạn cô vừa nhập ngũ và tiếp nhận nhiệm vụ tại bệnh viện dã chiến. Phần hai được viết ngày 01.01.1970 là những suy ngẫm về chiến tranh, về hành trình dẫn thân của chính mình đồng thời

tỏ bày bao nỗi nhớ nhà, nhớ quê da diết trong lòng cô. Phần cuối viết vào ngày 19.5.1970 đã thể hiện niềm tin sắt đá và một ý chí chiến đấu kiên cường không gì quật ngã được. Cả ba phần cho thấy diễn tiến quá trình tâm lý và sức mạnh đã tạo nên tinh thần chiến đấu của người chiến sĩ.

Sinh ra trong thời buổi đất nước bị *“một nhát dao chém vào lưng không đứt/nhưng đau”* (Trần Dần), không ít thanh niên miền Bắc đã lên đường, *“xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”*. Đặng Thùy Trâm, một sinh viên y khoa vừa tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội, tình nguyện dẫn thân vào chiến trường Đức Phổ, Quảng Ngãi - một trong những nơi đang diễn ra giao tranh ác liệt nhất bấy giờ với tư cách là bác sĩ quân y. Tại đây, bác sĩ Thùy đã xem việc cứu chữa bệnh nhân là sứ mệnh cao cả, tài năng và công sức bao nhiêu năm học hành đã tìm thấy nơi phụng sự. Hằng ngày, cô đối diện *“khối lượng việc quá lớn mà người thì không có nên một mình vừa phải phụ trách bệnh xá vừa lo điều trị, vừa giảng dạy”*, phải đứng trước những ca bệnh phức tạp, đủ mọi chấn thương cùng vô vàn hiểm nguy rình rập tưởng như không thể nào chống đỡ nổi. Nhưng với tay nghề vững vàng, cô đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cứu người, giảm đau cho đồng đội: *“những đôi mắt đau nhức tưởng như bỏ đã dần sáng lại một phần. Cánh tay anh bộ đội sưng phù đe dọa chảy máu bây giờ cũng đã lành lặn. Những cánh tay xương gãy cũng đã liền lại”*. Dù điều kiện y tế thiếu thốn, đội ngũ y tá bác sĩ rất mỏng, một mình cô hầu như phải đối diện với vô số ca bệnh ngặt nghèo nhưng cô luôn bình tĩnh xử lý. Qua từng ca bệnh, từng ngày gian khổ quần quật trong máu và tiếng thét đau đớn của đồng đội, cô hạnh phúc vì thấy mình đã cứng tay nghề hơn, đã cứu được nhiều người hơn, đã trưởng thành hơn chính cô của hôm qua. Có thể thấy, bác sĩ Thùy rất giỏi nghiệp vụ chuyên môn, rất đam mê với công việc và vô cùng kiên nhẫn, tự hào với giấc mơ cô theo đuổi. Niềm tin vào chính mình khiến cô tìm thấy niềm vui giữa cảnh sống cùng cực, luôn hồi sinh vào mỗi sớm mai để tiếp tục hành trình chiến đấu giành lại sinh mệnh từ bàn tay tử thần.

Bên cạnh công việc của y bác sĩ, cô còn *“giảng dạy lý luận y học cho các em nhỏ, đến lớp không phải chỉ vì trách nhiệm mà còn vì tình thương của một người chị dành cho những đứa em đã chịu bao đau khổ thiệt thòi vì bọn bán nước mà không tìm đến với khoa học được”*. Cô sẵn sàng chia sẻ tri thức, trang bị kiến thức y khoa để các em có thể tự cứu mình và tạo ra đội ngũ kế thừa. Cô mang ánh sáng của tài năng và lòng bác ái dẫn dắt đoàn người đi qua bóng tối chiến tranh, là hiện thân của một *“Trái tim Đankó”*. Sâu trong trái tim là tình thương và sự trân trọng chân thành dành cho họ - những con người vừa là nạn nhân vừa là anh hùng. Mỗi người là một ngọn đuốc sáng vô tư soi sáng cho mình, sưởi ấm cho nhau. Trên hành trình đó, cô không cô độc: *“kể làm sao hết những anh hùng vô danh mà mảnh đất miền Nam đau thương khói lửa này đã tạo nên họ”*. Bác sĩ Thùy đã sống thực sự rực rỡ đến từng phút giây



trong vòng tay của tình thương và nguồn năng lượng tiếp sức không ngừng từ những con người chung nỗi đau, chung mơ ước.

Điều gì đã tạo nên sức mạnh ấy khiến họ luôn kiên cường, luôn mạnh mẽ như cỏ dại trên khắp nẻo đường, mọc lên từ đổ nát và mướt xanh hy vọng? Trang nhật ký ngày 01.01.1970 có đoạn: *"Tuổi xuân của mình đã qua đi trong khói lửa, chiến tranh đã cướp mất hạnh phúc trong tình yêu và tuổi trẻ. Ai lại không tha thiết với mùa xuân, ai lại không muốn cái sáng ngời trên đôi mắt và đôi môi căng mọng khi cuộc đời đang ở tuổi hai mươi"*. Một thiếu nữ tuổi đôi mươi hiểu rõ nhất mình đang đánh đổi những gì khi đứng giữa hai làn bom đạn. Tình yêu tan vỡ vì phải chia ly, khói đen tồ

lên màu má phấn, tiếng súng đi đoàn đèm ngày thay cho tiếng mưa êm đềm và những tình khúc bên Hồ Tây, nỗi buồn như thấu suốt tâm can, ướt đẫm từng trang nhật ký lem mờ. Và đau đớn nhất có lẽ là *"tuổi trẻ của mình thấm đượm mồ hôi, nước mắt và máu xương của những người đang sống và những người đã chết"*. Khi đất nước lâm nguy, chọn sống bình yên là *"ký sinh trên sự hy sinh của kẻ khác"* (Một người Hà Nội - Nguyễn Khải). Với tinh thần mạnh mẽ được lan tỏa từ những cuốn sách vĩ đại như *Những người khốn khổ*, *Thép đã tôi thế đấy*, *Ruồi Trâu*... đã nuôi dưỡng một giấc mơ trong cô: Một thế giới mới, bình đẳng và tự do. Và sống là phải luôn ngẩng cao đầu, không nô lệ. Không thể có hạnh phúc riêng khi đang sống trong nỗi đau chung. Ngọn lửa đỏ rực của lòng căm thù ngày đêm thiêu đốt, bao nhiêu đồng đội đã chết dưới họng súng phi nghĩa và ngọn lửa niềm tin từ những ánh mắt trong trẻo của những người mẹ, cô gái trẻ, những em gái nhỏ hướng về cô. Tất cả cùng dệt nên một ước mơ mang tên: *"Đánh thắng giặc Mỹ, mang lại Độc Lập, Tự Do cho đất nước"*. Khi con người tìm thấy lẽ sống, mọi gian khổ, nỗi sợ và cả cái chết đều chẳng còn nghĩa lý. Sức mạnh của cô và những người chiến sĩ sinh ra trong bom đạn ấy đến từ lý tưởng cách mạng. Nhà thơ Thanh Thảo viết: *"Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình/ Những tuổi hai mươi làm sao không tiếc/ Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc"* (Khúc bay). Mùa xuân của đất nước đã tạo nên từ những con người không tiếc tuổi xuân của mình, đặt Tổ quốc lên trên sự sống của riêng mình. Từ đó, lịch sử

Việt Nam là những trang thơ dữ dội, bi hùng của những anh hùng tuổi hai mươi.

Những dòng nhật ký cô viết ngày 19.5.1970 khi nhận được thư mẹ mới xót xa làm sao: *"Được thư mẹ... mẹ của con ơi, mỗi dòng chữ, mỗi lời nói của mẹ thấm nặng yêu thương, như những dòng máu chảy về trái tim khao khát nhớ thương của con. Ôi! Có ai hiểu lòng con ao ước được về sống giữa gia đình, dù chỉ là giây lát đến mức nào không?...".* Sống trọn cho quê hương nhưng khuyết phần chữ hiếu, bao nhiêu nghẹn ngào, nhớ thương, dằn vặt và cả tủi hờn cứ thế trào dâng không thể kiềm nén được. Khao khát giản đơn nhất là được về bên gia đình cũng thật khó khăn và không có cơ hội trở thành sự thật. Chiến tranh khiến những gia đình ly tán, mẹ nhìn con đi vào cõi chết, con nhớ cha mẹ nhưng không thể trở về, chỉ còn biết nuốt ngược đắng cay vào lòng. Trang viết cất giữ giùm cô nỗi nhớ đã dâng đầy mà cõi lòng đã không thể nào chứa nổi. Ta chợt thấm thía, chiến tranh đã tổn thương tâm hồn con người đến mức nào. Và nỗi nhớ ly hương khiến hình bóng quê nhà như bức tường thành vững chắc không bom đạn nào xuyên thủng được: *"Ba năm qua, trên từng chặng đường con bước... bao giờ cũng có một âm thanh dịu dàng, tha thiết mà có âm lượng cao hơn mọi bom đạn sấm sét... Đó là tiếng nói của miền Bắc yêu thương, của mẹ, của ba, của em, của tất cả... từ tiếng sóng sông Hồng dào dạt vô đến cả âm thanh hỗn tạp của cuộc sống thủ đô vẫn vang vọng trong con không một phút nào nguôi cả".* Tiếng nói tạo nên bản sắc vùng miền, tiếng của những con đường Hà Nội bình yên không tiếng súng, tiếng của dòng sông huyết mạch chảy trên thịt da Tổ quốc. Tất cả như khúc hát ru dịu dàng chữa lành vết thương, như tiếng chuông báo để cô biết ý nghĩa tồn tại thực sự của cuộc đời cô trong trận chiến này: *"Con vẫn là một chiến sỹ trong cuộc chiến này. Địch càn lên, súng nổ rần rần, con vẫn cười, bình tĩnh ra công sự... nụ cười vẫn nở ngay cả khi tàu rọ và HU-1A quăng rốc-két trên đầu mình".* Cô gái nhỏ nhắn đã hóa thành lửa đỏ, đã nung mình thành sắt thép, sẽ không bao giờ bỏ cuộc dù thực tại kinh hoàng tới đâu, vẫn sẽ đương đầu đến giây phút cuối cùng. Nếu không có tình yêu sâu nặng, làm sao hiểu được đôi khi người ta có thể chết vì một âm thanh "tiếng gà quê mẹ": *"Thôi sáng rồi, lại tiếng gà quê mẹ/ Cuốn vông vào theo tiếng súng mà đi"* (Hoàng Nhuận Cầm). Người lính ra đi, hành trang là nỗi nhớ quê nhà và vũ khí là khát khao trở về. Cứ thế hiên ngang, kiên định tiến về phía trước vì những điều vô cùng giản dị, thân thương.

Bác sĩ Đặng Thùy Trâm đã ngã xuống sau hai năm chiến đấu nhưng vóc dáng kiên cường và nụ cười kiêu hãnh giữa khói bụi mịt mù vẫn sáng mãi. Máu xương của cô và những người chiến sĩ vô danh khác trong cuộc chiến ấy đã tạc nên linh hồn đất nước và bất tử trong lòng dân tộc. Pavel nói: *"Đời người chỉ sống có một lần. Phải sống sao cho khỏi xót xa ân hận vì những năm tháng đã sống hoài sống phí..."*. Câu nói nổi tiếng trong *Thép đã tôi thế đấy*

như có lửa, ngọn lửa hùng hực thiêu rụi mọi sự sợ hãi đờn hèn, soi sáng một ước mơ rực rỡ của tuổi trẻ Xô Viết trong Cách mạng tháng Mười Nga và Đặng Thùy Trâm chính là một “Thép đã tôi thế đấy” trong cách mạng giải phóng miền Nam, một ngọn lửa hùng hực hào khí của tuổi trẻ Việt Nam.

Nhật ký Đặng Thùy Trâm đã hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang, cuốn sổ không chỉ là ký ức của cô mà trở thành tài sản chung của mọi người. Để thế hệ sau trực tiếp bước vào dòng hồi ức sống động và hiểu được họ đã tồn tại ra sao trong những giai đoạn lịch sử ấy. Với tính chất phi hư cấu và được viết bằng xúc cảm, nhật ký trở thành thể loại quý giá và đáng tin nhất được viết từ những người bình dị nhất. Không dụng công xây dựng cấu trúc và hư cấu nhân vật nhưng bản thân nó đã là một tác phẩm cuộc đời và tác giả là một nhân vật sống động nhất. Nhà nghiên cứu Huỳnh Như Phương đã nhận xét về *Nhật ký Đặng Thùy Trâm*: “*Những trang giấy ố vàng, một ngày nọ, không chấp nhận cái thế giới im lặng tưởng như vĩnh cửu, đã mở lòng ra với cuộc đời rộng lớn chung quanh. Và những trang sách của những tâm sự riêng đã vượt ra khỏi câu chuyện của một người để thành câu chuyện của muôn người*”. Giai đoạn kháng chiến chống Mỹ khốc liệt tại chiến trường miền Nam, nhiều cuốn nhật ký đã ra đời và được lưu giữ lại như: *Nhật ký chiến trường* của nhà văn Lưu Thị Xuân Quý, *Nhật ký chiến tranh* của nhà văn, liệt sĩ Chu Cẩm Phong, v.v... đã đưa ta đi qua những câu chuyện riêng đến câu chuyện chung của lịch sử. Thời hiện đại, nhật ký vẫn là thể loại cần được duy trì vì sự san sẻ của ngôn từ khiến ta nuôi dưỡng cảm xúc thường nhật, rèn giũa sự quan sát xung quanh và gìn giữ bản ngã. Viết nhật ký là một hình thức tự thoại, tự soi chiếu và nhận thức chính mình để từ đó luôn biết cách trưởng thành, lạc quan và vươn lên trong cuộc sống.

Ngày nay, khi đất nước đã im tiếng bom rơi nhưng cái chết, nỗi khổ đau vẫn luôn cận kề bên những người thân yêu. Dịch bệnh, thiên tai, những thứ ngoại lai xóa nhòa bản sắc và những căn bệnh gặm nhấm linh hồn giữa kỷ nguyên công nghệ số chưa bao giờ dừng lại. Cuộc chiến của chúng ta vẫn còn tiếp diễn trên trang nhật ký của thời đại. Đoạn trích *Nhật ký Đặng Thùy Trâm* với ngôn ngữ tỏ bày trong sáng, chân thành cất lên từ trái tim sẽ kết nối với trái tim. Qua bao nhiêu năm, ngọn lửa ấy vẫn đủ sức nóng để thắp lên niềm tin và nghĩa khí trong thế hệ hôm nay, để dòng máu anh hùng vẫn tiếp nối truyền thống dân tộc ngàn đời.

M.T

Anne Carson - Người thả lửa cổ thoại giữa ngút ngàn đương đại

Ngày 8.10.2026, Viện Hàn lâm Thụy Điển công bố chủ nhân của giải Nobel Văn chương 2026 là nữ nhà văn Anne Carson. Anne Carson được vinh danh “vì những tác phẩm táo bạo, giàu sức sáng tạo, đối thoại dí dỏm với truyền thống cổ điển, và mở ra những hình thức mới cho văn học đương đại”. Bà là tác giả nữ thứ 19 đoạt Nobel Văn chương trong lịch sử 125 năm của giải và là tác giả người Canada thứ hai đoạt Nobel Văn chương, sau Alice Munro (2013).



Sinh năm 1950 tại Toronto, Canada, Anne Carson - năm nay 76 tuổi, là một bóng hình độc hành kỳ ảo nhưng thông tuệ. Bà nhận bằng tiến sĩ về văn tự Hy-La tại Đại học Toronto, dành trọn đời mình lặng lẽ đứng trên bục giảng của các viện đại học danh tiếng, song hành cùng những trước tác có giá trị văn học được đánh giá cao. Bằng vốn tiếng Anh sắc sảo hòa quyện linh hồn cổ Hy Lạp, bà biến vốn kiến thức về từ nguyên học (etymology) thành một suối nguồn bất tận cho vẻ đẹp văn chương.

Về thái độ tự do của bà và sự khai phóng trước các hệ thống quy ước, Ủy ban Nobel nhận định: “Carson từng mô tả sự buồn chán là kẻ thù không đội trời chung của mình, và đó là trạng thái mà bà đối diện bằng sự hóm hỉnh và trí tuệ quyết liệt... Sự cộng tác của bà cùng các nghệ sĩ thị giác, biên đạo múa, cũng như các đạo diễn opera và sân khấu kịch đã minh chứng cho thái độ tự do tuyệt đối của bà trước những kỳ vọng và hệ thống quy tắc văn học.

Chính điều này là căn nguyên làm nên tầm ảnh hưởng kiệt xuất của các tác phẩm của bà đối với nền nghệ thuật và văn đàn quốc tế kể từ thập niên 1990 mãi đến ngày nay”.

Về sự nghiệp văn học, trong bốn thập kỷ qua, Anne Carson đã xuất bản khoảng 30 đầu sách, gồm sáng tác gốc lẫn các bản dịch kịch Hy Lạp. Đặc trưng của bà là xóa nhòa biên giới thể loại: bà chỉ có 2 tiểu thuyết bằng thơ (verse novel), trong khi phần lớn gia tài còn lại là sự đan cài gần như không thể tách rời giữa thơ ca, tiểu luận triết học và kịch nghệ thể nghiệm.

Hai tiểu thuyết: *Autobiography of Red: A Novel in Verse* (tạm dịch, *Tự truyện Đỏ*: một Tiểu thuyết bằng Thơ, 1998); và *Red Doc* (tạm dịch, *Tài liệu Đỏ*, 2013) là phần tiếp nối của *Tự truyện Đỏ*.

Qua hai tiểu thuyết thơ này, Anne Carson tái sinh hình tượng quái vật da đỏ mang đôi cánh thành một ẩn dụ hiện đại về kẻ dị biệt mang vết thương hiện sinh. Trong *Tự truyện Đỏ*, cậu bé Geryon nhạy cảm, giấu đôi cánh đỏ dưới áo, lớn lên cùng nhiếp ảnh và trải qua mối tình đầu say đắm nhưng vỡ vụn với chàng trai Herakles. Nỗi đau phụ bạc đã thúc đẩy Geryon bước vào hành trình tự vấn, học cách chấp nhận bản thể cô độc và giải phóng đôi cánh nội tâm. Trong cuốn tiếp theo, *Tài liệu Đỏ*, Geryon, bước vào tuổi trung niên, được tác giả gọi đơn giản là “G”, sống lặng lẽ bên đàn bò xạ hương. G tái ngộ Herakles (nay đổi tên thành “Sad”), một cựu binh chấn thương tâm lý vì chiến tranh. Cả hai cùng du hành qua vùng băng giá, nơi G phải đối diện với cái chết của người mẹ già và sự tàn phai về thể xác giữa thế giới hậu hiện đại nguội lạnh.

Dưới đây là một số tác phẩm tiêu biểu khác trong sự nghiệp đồ sộ của bà:

1984 - *Canicula di Anna* (Mùa hè cuồng nhiệt của Anne): Trường ca xuất hiện trên tạp chí Phoenix, mang về cho bà giải thưởng Betty Colladay, đánh dấu bước chân văn chương đầu tiên.

1986 - *Eros the Bittersweet* (Dục ái ngọt ngào cay đắng): Chuyên khảo triết học - văn học phát triển từ luận án tiến sĩ, khảo sát bản chất dục ái; gây tiếng vang học thuật lớn và xác lập danh tiếng của bà.

1992 - *Short Talks* (Những tiểu luận ngắn): Tập thơ văn xuôi độc lập đầu tay chính thức, định hình phong cách suy niệm triết mỹ.

1995 - *Plainwater & Glass, Irony, and God* (Nước lã & Thủy tinh, Nghịch phúng và Thượng đế): Đây là hai ấn phẩm đột phá: Nước lã mở đường cho phong cách lai ghép, thơ kết hợp với tiểu luận lữ hành; còn Thủy tinh, Nghịch phúng và Thượng đế gây chú ý mạnh mẽ với bản trường ca trữ danh *The Glass Essay* (Tiểu luận Thủy tinh).

2000 - *Men in the Off Hours* (Đàn ông giờ nghỉ): Tập thơ kết hợp suy tưởng lịch sử và triết học, đoạt giải thưởng Griffin.

2001 - *The Beauty of the Husband* (Cái đẹp của người chồng): Tác phẩm thơ tự sự hư cấu gồm 29 điệu tango về sự tan vỡ hôn nhân, giúp bà trở thành nữ thi sĩ đầu tiên đoạt giải T. S. Eliot.

2005 - *Decreation* (Giải thể cái tôi): Tác phẩm đa thể loại kết hợp thơ, tiểu luận huyền học và kịch bản opera.

2010 - *Nox*⁽¹⁾: Thi phẩm điêu khắc độc bản, dạng hộp xếp accordion, tưởng niệm người anh trai quá cố của bà; tác phẩm được tôn vinh như một cuộc cách mạng đáng ghi nhận về hình thức xuất bản.

2016 - *Float* (tạm dịch, Trôi nổi). Bộ hợp tuyển gồm 22 tập chapbook rời, đựng trong hộp mica trong suốt, cho phép người đọc tùy ý xáo trộn thứ tự thường thức.

2019 - *Norma Jeane Baker of Troy* (Norma Jeane Baker ở Thành Troy): Tác phẩm thơ kịch thể nghiệm đối chiếu bi kịch nàng Helen thành Troy với minh tinh Marilyn Monroe, gây tiếng vang lớn trên sân khấu trình diễn tại New York.

2024 - *Wrong Norma* (Norma lệch lạc): Tuyển tập mới nhất gồm 25 tác phẩm văn xuôi ngắn, thơ và tranh vẽ tự do của chính tác giả; nội dung soi chiếu một thế giới đầy bất an và những bản thể lệch chuẩn.

*** Thử tiếp cận văn chương của Carson**

Trong đoạn thơ sau đây xuất hiện ở cuối tiểu thuyết *Tự truyện Đỏ*, Carson đặt con người hữu hạn, mong manh của chúng ta vào thế đối sánh với sự kỳ diệu của lửa và bóng đêm vô tận, từ đó xác lập một phẩm giá uy nghiêm, bất tử của kiếp nhân sinh:

Lửa⁽²⁾

Lách qua một con hẻm rồi rẽ ngoặt nơi góc phố, và kìa nó ở đó.
Ngọn núi lửa nằm gọn trong một bức tường.

Cậu có thấy nó không, Ancash⁽³⁾ cất tiếng hỏi.

Đẹp quá, Herakles thở dài thốt lên. Anh đang dõi mắt nhìn những người thợ.

Ý tôi là ngọn lửa kia kìa, Ancash nói lớn.

Herakles mỉm cười trong bóng tối.

Ancash chăm chú ngắm nhìn những ngọn lửa.

Chúng trắng xóa gắt gao, tựa ánh mặt trời rơi qua mí mắt khép,
dập dồn những nhịp đập màu hổ phách thắm sâu.

Người thợ làm bánh mở toang cánh cửa lò để quẳng thêm củi vào.

Một âm thanh tựa như tiếng sư tử gầm rú dội ra.

Bên trong là cả một lò lửa bùng nổ những đóa hồng.

Cả ba đứng lặng ngắm nhìn vào trong.

Geryon có thể thấy những ngọn lửa nhảy múa trên vách gạch lò nung.

Anh cảm nhận hơi nóng phả lên đôi gò má và cuống họng mình.

Anh ngửi thấy mùi men bánh hoang dại và khói củi nồng nàn.
Cảm giác tựa hồ như đang nhìn thẳng vào tâm can một vì sao đỏ.
Chẳng ai cất lời.
Chẳng có lời nào để thốt lên về lửa.
Lửa là kẻ láng giềng của bất kỳ điều gì thuộc về con người.
Chúng ta là những sinh linh kỳ diệu xiết bao, Geryon thăm
nghĩ.
Chúng ta là những kẻ láng giềng của lửa.
Và giờ đây thời gian đang cuộn cuộn lao nhanh về phía họ,
nơi họ đứng kề vai sát cánh,
với sự bất tử rạng ngời trên gương mặt,
và màn đêm thăm thẳm ngả sau lưng.

Phần sau đây, chúng tôi giới thiệu vài thi phẩm ngắn của bà; xin lưu ý rằng một chùm thơ không nói lên công lao to lớn của bà trong việc kiến tạo ngôi đền thơ đầy trí tuệ của mình.

Apostle Town

Bài này nằm trong chùm thơ *The Life of Towns* (Đời sống các thị trấn) trong cuốn *Nước lã & Thủy tinh, Nghịch phúng và Thượng đế*, (1995). Bản dịch: *Thị trấn Tông đồ*.

Sau ngày ngải mất.
Ngày nào trời cũng lộng gió.
Ngày nào cũng vậy.
Chấn ngang trước mắt như một bức tường.
Chúng tôi bước đi.
Gào thét nghiêng ngả vào mặt nhau.
Dọc theo con đường.
Thật là vô ích.
Những khoảng trống giữa chúng tôi.
Dần trở nên đanh cứng.
Đó là những khoảng trống rỗng không.
Vậy mà chúng đặc quánh.
Đen đặc và u sầu.
Tựa như những kẽ răng thưa.
Của một bà lão.
Mà ngải từng biết đấy.
Cái thuở bà còn.
Kiêu diễm với những đường gân huyết mạch cuộn trào tựa hồ ngọn
lửa của một cung điện.

O Small Sad Ecstasy of Love

Bài này phát hành ngày 10 tháng 12 năm 2020 trong dự án thi ca thường nhật nổi tiếng Poem-a-Day do Viện Hàn lâm Thi sĩ Hoa Kỳ thực hiện. Bản dịch: *Ôi, nỗi ngất ngây u buồn bé nhỏ của tình yêu.*

Em vẫn thích được ở bên anh suốt đêm dài với đôi mắt khép.
May mắn làm sao - kìa anh tới
theo các vì sao!
Em trải qua một chuyến viễn du
khắp tâm hồn và trái tim em
và
kìa anh đây
đang quỳ bên vệ đường
với bộ đồ nghề nhỏ nhắn trên tay
hàn gắn một điều gì.
Hãy cho em thế giới
anh đã lấy đi của em ngày xa xưa.

Lines

Bài này nằm trong tác phẩm *Decreation: Poetry, Essays, Opera* (Giải thể Cái Tôi: Thơ ca, Tiểu luận, Opera) do NXB Alfred A. Knopf ấn hành năm 2005. Bản dịch: *Thăng hàng.*

Trong lúc nói chuyện với mẹ, tôi sắp xếp lại đồ đạc cho ngay ngắn.
Các gáy sách đặt cạnh chiếc điện thoại.
Những chiếc kẹp giấy trong đĩa sứ.
Những vụn gom rải rác trên bàn.
Mẹ nói về cái chết với giọng ao ước mong chờ.
Tôi bắt đầu xoay nghiêng tất cả những chiếc kẹp giấy theo chiều ngược lại.
Ngoài cửa sổ, tuyết đang rơi thẳng hàng thành những vệt dài.
Với mẹ, tình yêu lớn nhất đời tôi, tôi kể mẹ nghe bữa trưa nay mình ăn gì.
Những vệt tuyết rơi giờ đây nhanh hơn.
Sô Phận đã gắn những quả cân nhỏ vào đuôi mỗi sợi tuyết (để giục chúng ta đi nhanh hơn) tôi toan nói với mẹ như thế
dấu hiệu về lòng thương xót của Chúa.
Mẹ bảo mẹ không bắt tôi trò chuyện lâu đâu, mẹ sợ làm tổn cước điện thoại của tôi.

Những phép màu cứ thế trôi tuột qua đời tôi và mẹ.
Những chiếc kẹp giấy giờ đã được xếp thẳng hàng bất tử.
Lòng thương xót của Chúa! Vết bỏng rất này còn kéo dài bao lâu nữa, đứa con thầm hỏi, khi đang cố tỏ ra dịu dàng.

*** Đôi dòng tạm kết luận**

Theo nhận định khá thống nhất của các nhà phê bình văn học đương đại, mà tiêu biểu là Guy Davenport và Harold Bloom, khi khép lại các trang viết của Anne Carson, điều đọng lại sâu xa nhất trong lòng người đọc chúng ta không phải chỉ là khối tri thức cổ điển uyên áo, mà là sự dũng cảm phi thường của một tâm hồn không ngừng tra vấn về thân phận con người. Bằng cách mạnh dạn đập vỡ mọi đường biên thể loại, giải phóng thơ ca khỏi khuôn mẫu vần điệu, biến tiểu luận thành nỗi tự vấn về bản thể và đưa triết học hòa vào nhục cảm, bà đã kiến tạo nên một vùng mỹ cảm hoàn toàn độc đạo của văn học đương đại.

Theo tôi, trong thế giới văn chương của Carson, các mảnh vỡ bi kịch Hy Lạp không còn là lớp tro tàn khảo cổ đã khô cứng hay đóng mạng nhện hằng trăm năm trong giá sách, mà là ngọn lửa hằng sống, soi rọi những vết thương hiện sinh hôm nay: nỗi đau phụ bạc, sự hữu hạn của thể xác, và nhất là khoảng tối chia lìa trước cái chết. Như chính lời tự vấn đầy kiêu hãnh của nhân vật Geryon bên lò bánh mì rực lửa, văn chương Anne Carson nhắc nhở chúng ta rằng: dẫu kiếp người mong manh và trần gian lạnh buốt, chúng ta vẫn là những sinh linh kỳ diệu chừng nào còn can đảm đứng kề bên ngọn lửa của tình yêu và đau khổ.

Giải Nobel Văn chương 2026 hẳn nhiên là sự tôn vinh xứng đáng cho một người phụ nữ kiên cường và bền bỉ, với học vấn uyên bác, thấp lên ngọn lửa kiệt xuất giữa ngút ngàn thời đại...

TRẦN NHƯ LUẬN

(Tổng hợp, dịch thơ từ nguyên bản tiếng Anh và giới thiệu).

(1). Giới học thuật và phê bình quốc tế hầu hết đều giữ nguyên chữ La-tinh Nox, vì đây là danh xưng mang tính biểu tượng vật thể (cuốn sách đựng trong một chiếc hộp màu xám đen như một cỗ quan tài nhỏ) - Chú thích của người dịch.

(2) Nhan đề này do người dịch mạn phép đặt ra.

(3) Đây là chàng trai Peru, tình nhân mới của Herakles, người thấu cảm kể cho Geryon huyền thoại về sinh vật có cánh, giúp anh giải phóng đôi cánh đỏ và hòa giải với vết thương hiện sinh.

Những mùa qua mùa

Truyện ngắn **NGUYỄN ANH NHẬT**

- Em là người tìm ra chỗ đấy đấy.

Kha tiếp tục mở ra một lối sau đám lá rừng. Vạt áo rộng hơn người, dùng dằng chảy sóng sánh theo nhịp bước đi.

- Tại sao em chắc thế?

Tìm ra nhưng chẳng sở hữu, Kha không được ôm giữ nó hay cất giấu ở đâu. Vạt áo lúc thì chảy chậm lúc thì lại nhanh. Không cần nhìn những đám lá cũng biết được rằng sương đang ở đó. Tiếng bước chân, đứng chứ, hoặc là cả tiếng cánh tay đưa ra để vung về phía trước. Đoạn này vừa phải thôi vì có nhiều gai và đá lởm chởm.

Tóc tai của hai người nhìn không thấy rõ, chỉ thấy đường viền sậm đang viền quanh một bên gương mặt óng ánh mồ hôi.

- Mình sẽ làm hôm nay, đừng chờ thêm nữa.

Kha đang nói gì vậy, đầu gối nâng cao đến bụng để bước lên chỗ trũng.

Mấy lần trước hai chị em sẽ hát nhỏ khi đi qua khúc này. Lần này không thấy Kha hát nên chị cũng chỉ hé môi rồi khép lại, hớp một chút không khí đi qua chỗ kể rằng.

Đường vằn vện của đá, bụi khô, con đường đi xuyên qua mảnh tựa sợi chỉ. Sợi chỉ luồn vào một nghĩa địa những tảng đá chết. Chúng nhiều và nhô lên thành những khối nhọn lởm chởm như mụn cóc. Sợi chỉ cam và lũ mụn cóc xám ngắt. Con đường bên trong lẫn khuất, bên ngoài là một mảng lớn bất động và trông đáng sợ. Gió và sự chuyển động trong không khí làm những chỗ lồi lõm như đang thở. Tiếng thở của hai chị em nối nhau, có những lúc gối lên nhau.

- Chị sợ nhỡ không kịp, ở nhà đợi chị em mình.

Một con dốc, Kha bám tay vào bụi và giờ có hai nắm lá nhỏ. Thơm, mùi này trong cháo mẹ hay nấu. Có bát nhỏ và bát lớn hơn. Kha vò nắm lá và tung

lên trời. Kha vẫn chưa đáp, biết rõ rằng từ đây đến chỗ đấy không còn quá xa. Nhưng từ nhà đến đây thì xa đấy, hát khản cả cổ đến cả mười mấy khúc ca lặp đi lặp lại, lúc nào cũng vậy. Lúc này chỉ có những nhịp thở gấp gáp. Mỗi bước tiến về phía trước, con đường phía sau lưng dẫn cả hai về nhà sẽ nối dài thêm gấp đôi. Có lẽ nghĩ đến đó làm chị sợ rằng sẽ không kịp quay lại trước khi trời tối.

Mấy con sâu bò trên một tấm lá nhỏ. Những bụi lá quá thưa thớt làm chúng lộ rõ ra trước tầm mắt. Chúng bất động, có con trèo tòng teng trên một nhánh cây đã trụi. Đã đi qua rồi nhưng Kha vẫn cố ngoái đầu trông mấy con sâu, không để gì mà nhìn thấy chúng mùa này.

- Chị có nhớ bài hát nói tới con sâu không?

- Bài hát à, chị chỉ biết bài con sâu khóc.

- Chắc là bài ấy, cái bài buồn buồn ấy.

- Ủ, bài ấy buồn lắm.

Có những chỗ phải làm thật trầm và rơi bất ngờ như tiếng nấc trong khúc ca ấy. Dù biết con sâu buồn nhưng không ai biết được nó sẽ khóc vào lúc nào, nước mắt sẽ chảy từ đâu. Dù chưa ai dám chắc đã nhìn thấy con sâu khóc, nhưng thật buồn khi nghĩ đến chuyện con sâu khóc. Nó nhỏ bé, mùa rồi lại mùa, con sâu nó khóc, thấm vào bên trong lòng. Nỗi buồn ấy có thật, như thể nước mắt nó đã dấy vào vai hay vương trên không khí lúc mình đi ngang qua những bụi cây. Rồi người ta mang sâu về ăn chúng, trong những buổi tối như hôm nay, lúc ấy người ta biết hát những khúc ca thật buồn.

Dù đã lâu nhưng chị luôn có những cảm tưởng về giọng hát của Kha. Chị nhớ rằng nó rất xinh đẹp. Tiếng hát xinh đẹp. Đó là những quãng âm mệnh mỏng và không liền nhau. Cả hai chưa bao giờ có thể đồng thanh, khoảng nghỉ giữa những chỗ trong câu hát của người này khác người kia. Cứ như dừng lại để nghỉ ngơi và thậm chí là quên mình sẽ cần quay lại khúc ca ở chỗ nào.

- Chị sợ mẹ đang đợi ở nhà đấy.

- Sắp tới rồi, cả nhà sẽ lại vui ấy mà.

Chị theo bước, không nói gì nữa, nhận ra khung cảnh xung quanh chẳng còn quá quen mắt. Bắt đầu từ đây, chị sẽ không biết về những đám lá phía trước sẽ có thể là gì và bụi gai sắp bước qua sẽ chẳng chịt ra sao. Kha đi chậm một chút để chị bám gần hơn, rồi quệt mồ hôi trên trán hất về sau làm dấy vào chị.

Những bụi cây ít dần, thế chỗ chúng là đám đá. Đám đá lúc này như mấy đốm than, từ chối người đi đường bằng hơi nóng. Kha mặc kệ, cứ thế bấu vào và tiến dần lên những đoạn dốc. Một kiểu địa hình khiến người ta không thể biết được là mình đang leo cao hay tiến vào sâu hơn.

Nếu ngoái nhìn từ đây, sẽ phải gập cổ hết sức mới nhìn thấy được khói từ một vài mái nhà. Giống như có hàng trăm hàng ngàn con ngựa nằm thoi thóp, quang cảnh hắt lên màu đà ngút ngàn. Đường vẫn vẹn chính từ khói mà tạo thành. Mùi khói đặc khét bốc ra từ đấy, được gió nặng nề nâng lên.

Mồ hôi Kha thấm vào chỗ đường căng do đầu và vai tạo thành

- Rồi sẽ có lúc chị sẽ đến đây một mình đấy, em sẽ chỉ đường cho chị

Kha bước chậm lại khi đến chỗ này, úp bàn tay vào một bờ đá gần đó. Phải đến độ một phút, cho đến khi bờ đá mát dần rồi báo một tin vui. Chị theo bước Kha đi về hướng sau lưng bờ đá. Kha thoãn thoát trên con đường sỏi chỉ khô cằn.

- Nó đây rồi.

Một lối nhỏ thoả xuống đám cây mọc rậm rạp hơn rõ so với phần còn lại. Kha vén qua loa bằng vạt áo.

- Chị đẩy hòn đá này ra đi.

Chỗ hàng lông mi chị óng ánh mồ hôi. Mồ hôi rỏ xuống hòn đá khi chị kê vai xoay mạnh. Như có cái gì đó đang chờ, hẳn là nó đã được đám lá và hòn đá che lại. Một hốc nước hiện ra, âm thanh của nó hiện ra, cảm giác về nó hiện ra, một nỗi niềm hiện ra. Kha nhìn hốc nước rồi lại quay sang nhìn chị, vừa lúc ấy Kha cũng hạ trên vai xuống đồ lấy nước mang theo. Kha bắt đầu cởi vạt áo to lớn, những lớp vải theo nhau tuột xuống đậu trên đám lá rung rinh.

- Mình không lấy nước sao?

- Một lát nữa đi.

Kha men theo lối nhỏ và chậm chậm nhúng viên bàn chân vào mặt nước đang căng lên. Những ngón chân rúc vào nước. Rồi đến mắt cá và rồi là nửa thân người Kha đã ở dưới hốc nước. Tiếng nước nghịch ngợm bám dính vào vào Kha dù cho Kha vẫn chưa cử động gì. Kha chờ chị. Bàn tay ướt đầy nước của Kha chạm vào chị như thúc giục.

- Ở dưới này có tiếng gì đó vui lắm, chị có nghe thấy không.

Kha lại nói tiếp:

- Nó bé hơn so với chỗ mình vẫn thường lấy nước. Ở chỗ ấy nước cũng reo vui như vậy, nhưng khi đứng trên

vai rồi thì em chẳng còn nghe thấy nữa. Trên đường về chỉ thỉnh thoảng là tiếng nước xô nhau mà thôi.

Chị yên lặng, không biết là để lắng nghe hay để nhìn ngắm hốc nước trước mặt.

Đám lá trĩu xuống vì đỡ vạt áo của chị. Rồi mực nước cao dần lên khi chị bước xuống. Một tiếng reo trộm thoát ra rồi âm vang trong hốc nước khiến mặt chị nóng bừng bừng. Hốc nước vừa vịn cho cả hai chị em, thỉnh thoảng ngộn lên bạo dạn khi một trong hai cổ ấn người sâu xuống.

Đã rất lâu rồi chị mới nhìn thấy nhiều nước đến thế. Nhiều hơn rất nhiều so với những gì vẫn được đựng trên vai. Nhiều hơn rất nhiều so với nồi cháo mà mẹ vẫn hay nấu, có bát lớn bát bé. Nhiều hơn rất nhiều so với cái cốc chị vẫn uống mỗi ngày một vài lần. Thậm chí, chị có thể vục mặt xuống và hớp cho thật đã món nước đang dâng lên tới gần cằm chị lúc này.

Kha hình như đã uống nhiều nước nên bắt đầu xoa tóc và hót nước lên khắp nơi. Tóc Kha dài nhưng khô, phải nhúng đến mấy lần thì nước mới làm đám tóc mềm hơn và làm thành hình như phiến lá.

- Em đã đợi để đưa chị tới đây cùng. Em đã nhiều lần cố tình đứng từ phía sau hòn đá và ghé mắt nhìn. Lúc đấy, ở dưới hốc cũng là nước, trên vai em cũng là nước nhưng sao cảm giác khác lắm.

Trước mặt chị lúc này là ánh mắt của Kha. Kha đứng gần chị hơn chị nghĩ, gần hơn cả những lúc ở nhà và cả khi đi trên con đường đến chỗ lấy nước.

Chị chà lưng cho Kha. Chị đã có

những lúc mạnh tay để gột cho bằng sạch những vết nhựa cây và cả đường lẫn xung quanh chỗ nối cánh tay và thân người. Chị không ngăn nổi tò mò tại sao những vết này lại dầy vào tận đây, và Kha có biết không. Từng luồng sáng lụa thưa thổi vào trong hốc mang theo chút không khí dễ chịu.

Rồi đến tiếng sột soạt khô khốc bên ngoài. Chị lại như tranh thủ, vội vàng như thể có ai đó đang đợi và âm thầm ra hiệu cho hai chị em phải mau mau xong xuôi để còn bước ra khỏi cái hốc. Cũng may chỉ là những loài vật nhỏ, và những vết nhựa cây cứng đầu thì cần nhiều thời gian để làm mềm ra để bôi cho thật sạch.

Mực nước làm thành một lớp vại quần quanh mạn sườn của chị, và cao hơn eo của Kha một chút. Cả hai khum

tay rút nước vào tóc và vai rồi nhìn dòng chảy trượt hòa về hốc nước. Và kể cả đang ở trong cái hốc ngồn ngộn nước như vậy, nhưng chị vẫn nhiều lần dùng những bụm nước nhỏ xíu vì sợ sẽ hết.

Chị gỡ những sợi rối trong mớ tóc Kha bằng mấy ngón tay ướp đầy nước. Năng rọi vào làm một vùng tóc sáng lên và trong vắt như một tấm gương phía trước mặt chị.

Kha bắt đầu hát, âm thanh lúc thì mắc kẹt trong hốc nước, lúc thì đã tìm được cách bay ra ngoài. Không ai biết tiếng hát có vượt những con dốc và tìm đến bản làng. Liệu còn ai nhớ những giai điệu cũ này, ngoài mẹ Kha. Đã lâu rồi Kha và chị cũng không còn nghe mẹ hát những câu này, biết đâu mẹ cũng chẳng còn nhớ.



Minh họa: Nguyễn Văn Cẩn

Chị biết Kha cố tình hát sai một vài chỗ, nó vẫn hay làm như vậy. Chỉ không biết tất cả những lý do của chuyện đó là gì, nhưng nó vẫn sẽ hát sai lời, ngân nga chệch choạc ở một số chỗ, ngắt nhịp tùy ý.

- Mình cứ lấy nước ở đây đi. Nước vẫn rất sạch, em muốn cả nhà mình sẽ dùng nước này để vo gạo, lau người hoặc nấu cháo.

Kha dùng hát, nó nghiêng mắt ngay cạnh mực nước sóng sánh. Không ai biết nước ở nơi nào chảy về hốc, nhưng nước sẽ vơi đi sau mỗi lần lấy đựng mang về. Nước mang về sẽ để nuôi những người trong nhà, nước mang về sẽ để rửa sạch và để vơi hết đi. Kha vẫn luôn nhìn chỗ đựng nước ở sân mỗi buổi sáng, và tự hỏi, chỗ nước ít ỏi này sẽ còn dùng được đến khi nào.

Kha cảm nhận từng dòng nước mát ôm lấy bờ lưng và trượt về dưới lại hòa vào hốc nước. Nước bắn vào đá, thấm vào các kẽ hở rồi theo xuống dưới lại hòa vào hốc nước. Chị tựa lưng vào một chỗ đá hõm, nhìn Kha vục mặt xuống nước. Rồi nó ngước lên, nước đi qua gương mặt nó thành từng đợt. Nhưng nước vẫn không ngừng chảy, gương mặt Kha ướt đầm. Dòng nước này hòa vào dòng nước kia, lâu rồi chị mới thấy Kha khóc.

- Em thường suy nghĩ và có những lần thấy ghét chị. Quần áo em mặc đều là của chị. Quần áo gì mà rộng và nhiều lần em suýt vấp ngã. Cả tiếng ru của mẹ dành cho em cũng chỉ là những ngân nga đứt quãng vì chạy đi lo lắng cho chị. Em nghĩ mẹ đã hát rất hay khi ru chị ngủ lúc còn bé. Bát cháo của chị và em như nhau nhưng lúc nào chị được thêm

một ít nước. Vào những mùa như thế này, mẹ hay tắm cùng em để nhường nước cho chị.

Chỗ nước xung quanh người chị lúc này không có một chút xáo động. Chị nhìn sang Kha, trong hốc đá, vai nó rung lên và rồi chậm dần đến khi dừng hẳn. Mọi thứ diễn ra nhanh đến mức chị không biết đây là những gì Kha vừa nói ra thành lời hay là chị nghe thấy được từ trong lòng nó.

- Hốc nước này, em sẽ nhường nó cho chị và em sẽ tìm một nơi khác. Ngay gần đây thôi, em chắc chắn sẽ tìm ra hốc nước của em mà.

Rồi Kha tiến về chỗ mép nước, nâng cao đùi bước dứt khoát lên bờ đất. Nước từ tóc nó chảy ào xuống và phi phỏp dưới bàn chân. Phút chốc mực nước trong hốc đột ngột hạ xuống dưới eo khiến chị đỏ mặt như một lớp vải vừa trôi khỏi người. Chị cứ đứng yên như thế nhìn Kha mặc lại quần áo, mặc cho tóc thấm ướt lưng. Tắm áo lớn hơn nhiều so với tắm lưng Kha, như chị vẫn luôn biết điều đó. Đó là áo của chị, như Kha vẫn luôn biết điều đó. Kha lại đeo lên vai đồ lấy nước của mình, rồi chỉ còn lại cái bóng chậm chậm lách qua phiến đá phía trước. Khung cảnh trả lại chị sự yên tĩnh, không khí đặc quánh ở phía xa bị nhốt bên ngoài hốc nước.

Chị bị hốc nước giữ lại, những lời từ Kha bị hốc nước giữ lại. Nó va đập vào nhau theo một kiểu trật tự chị không lường trước được. Nó không có điểm xuất phát nhưng rồi nó ở đâu đó ngộn ở dưới chân chị rồi nhào lên. Chị lại thấy nó mắc võng trên nóc hốc đá rồi lại giáng xuống tạo thành một xoáy nước kỳ dị. Cuối cùng nó luồn ra phía sau xô

chị mất thăng bằng rồi úp mặt xuống dòng nước.

Chị nhìn thấy đường viền của hai chân mình, nó mờ dần và tối như làn khói. Hốc nước này giờ đã trở thành của chị. Chị có thể mặc sức làm bất kỳ điều gì ở đây vì nó đã là của chị. Không gian này, thời gian này và cả tâm trí này đều là của chị. Có lẽ chị sẽ thử hát một chút, chị sẽ hát theo cách chị vẫn hát. Giọng hát chị giống mẹ, từng quãng ê a đều hơi với những chỗ xuống giọng cuối câu. Chị luôn ước có thể giống như Kha, được hát theo cách mình muốn hát. Rồi tự chị cũng nhận ra rằng ngoài cách hát ấy, chị không thể hát khác đi được.

Không chỉ chuyện hát, chị nhận ra chị và Kha khác nhau nhiều hơn chị vẫn luôn nghĩ. Cả về chuyện nghĩ, chị còn không biết chị có thể suy nghĩ ra được điều gì khác. Chị không biết cách thể hiện sự khó chịu như Kha khi mẹ sai hai chị em đi lấy nước về cho bố phung phí. Chị không biết đó có phải là điều mà hai chị em nên làm và hai chị em có cần phải làm như vậy hay không.

Thậm chí chị cũng không biết cách ghen tị như Kha. Chị sẽ ghen tị với ai bây giờ, với mẹ hay với Kha, hay với bố hay với mấy con sâu bò quanh viền một cái lá. Và chị sẽ lấy điều gì để mang ra mà ghen tị đây, chị không biết chị có gì và thiếu gì. Chị biết con đường dẫn về bản làng mùa này nhiều đá sỏi và khô khốc. Nó hẳn thiếu cơn mưa. Chị biết bể nước ở nhà đã gần cạn đến mức chị nghe rõ mồn một tiếng gáo va vào thành bể mỗi khuya bố trở về. Nó hẳn thiếu nước sạch. Chị biết Kha gần đây không thường cười và hát nhiều nữa. Nó hẳn thiếu một thứ gì đó.

Chị nghĩ rằng cùng đi lấy nước với Kha sẽ làm cho những chuyện kia không còn bị thiếu nữa. Chị nhìn lên trên bờ đất, quần áo và đồ lấy nước của chị nằm im không có câu trả lời. Một lát nữa thôi chị sẽ lên mặc quần áo và quay về nhà, mang theo nước để đổ vào bể. Rồi mùa khô sẽ qua, mặt đất sẽ dần đậm màu và gió bắt đầu thổi trên nóc nhà từ sáng sớm. Sâu non sẽ nở ra, đục vào bên trong những cành cây để ăn bột rồi lớn lên.

Và đó là khi mùa mưa đến, mưa xối xả khắp con đường sỏi chỉ, khắp các bụi lá, tưới vào đám đá lờm chờm và cả bản làng. Hốc nước này hay tất cả những hốc nước im lìm khác ở quanh đây sẽ bị lãng quên. Chúng sẽ ngồn ngộn nước và thậm chí tràn ra khỏi hốc và làm sũng một cách đầy phung phí cho vùng đất nhỏ ấy và mớ cây lá xung quanh.

Chị thấy hụt hẫng, không chỉ vì nghĩ đến chuyện hốc nước, nhớ lại những câu Kha nói trước khi rời hốc nước này:

- Chị có tìm đến hốc nước này ngay cả khi không để lấy nước? Khi ngoài trời thì đang mưa xối xả và bể nước ở nhà đã đầy tràn. Những món đồ đạc dùng để đi vào núi lấy nước đã nằm im lìm trong một góc nhà, khô và đóng đầy bụi. Khi mẹ cũng chẳng buồn để ý là mình tắm gội lâu và phung phí nước như thế nào. Và đó cũng là khi chị bắt đầu nghĩ về điều gì đó kỳ diệu hơn gấp vạn lần bất kỳ chỗ nào xung quanh những đám đá chán ngắt này.

Đâu đó trong giấc mơ nửa đêm về sáng, đã có khi nào chị được một lần được tắm mình dưới hốc nước như thế này, hay chưa.

N.A.N

Bài thơ mùa thu

DỰ NGUYỄN

Em nhớ nhung bầu trời
Tối độ hóa thành ánh nắng
Vì mùa thu hoe vàng như mái tóc của nàng công chúa trong
truyện cổ tích
Trong khi chiếc gương mình đầy cạn

Em sẽ thay lời chào buổi sáng
Bằng ý nghĩ: “Mình có thể ôm cả một đám mây”
Những dấu câu em viết cũng được thay
Bằng cái lỗ chú sâu chui qua trong hành trình về bên kia
phiên lá

Cùng trái xoài chơi bập bênh trên những cơn gió
Chán? Bao vây ai đó bằng những hạt bụi từ hư không
(Khi họ quên kéo rèm cửa, dĩ nhiên chẳng muốn nhìn lên và
thấy rằng hôm nay là một ngày trời đẹp)

Không thể hôn lên cánh đồng da thoa kem chống nắng của
họ, em đã thay thế
Bằng chuyến thăm một hành tinh hoa cúc trong tưởng tượng.
Và sau đó? Có lẽ muốn nhân mình thành một định cư vĩnh cửu
Em đã hôn lên chúng những giọt sương.

Những ngày vắng em

TRƯƠNG THỊ DIỄM PHÚC

Những ngày vắng em
bụi bám đầy giá sách
tiếng chuông gõ vào vách chiều
giọt rượu đi hoang rụng trên khóe mắt

Chớp chớp hừng đỏ cuối hiên
anh ngút mắt cánh đồng
con cò giặt áo trắng
phơi vạt gió lên không
cây gạo mờ côi nghe mùa trở giấc
ngiên nghiêng vài cánh chim trời
đồi núi nhấp nhô
đâu dáng em triu triu?

Những ngày vắng em
cánh đồng mồm dày nhung nhớ
anh sợ mình như trang sách trống
bị bỏ quên trong em.

TRẦN LAN

Ông trồng cây cho chim về hót

Vườn nhà sau cơn bão
Cây gãy đổ ngổn ngang
Đất trụi tro nham nhở
Dưới mưa đổ, nắng chang

Chim bay không chỗ đậu
Gió chẳng nơi dừng chân
Tiếng đàn của lũ đế
Đêm cũng thưa vắng dần

Ông đào vun đất cũ
Ươm cây non nảy chồi
Ngày ngày em chăm tưới
Lá cành thêm tốt tươi

Khu vườn xanh tốt lại
Bóng rợp che nắng trời
Đàn chim về vui hát
Gọi gió cùng đến chơi

Mồ hôi ông đổ xuống
Vườn xanh lại màu xanh
Cây rộ ràng chim hót
Cuộc sống thêm an lành.

Những điều bí ẩn quanh ta

Đám mây không có cánh
Bay đi khắp gần xa
Chở bao nhiêu là nước
Tuổi ruộng đồng cỏ hoa

Ơ kìa! Chú gà trống
Không có cái đồng hồ
Quanh năm báo trời sáng
Chẳng có sai bao giờ

Đôi cánh chuồn mỏng dính
Bay khi thấp khi cao
Dự báo đúng thời tiết
Thật tuyệt vời làm sao

Bao nhiêu điều bí mật
Hàng ngày ở quanh ta
Em học hành chăm chỉ
Sẽ hiểu hết thôi mà.

T.L

Hạt mưa “nhảy dây”

TRẦN NHẬT HẠ

Hạt mưa “nhảy dây”
Tròn xoe lộn ngược
Từ mái nhà trước
Tọt xuống nhà sau.

Thoáng chốc ào ào
Lăn tròn xuống đất
Tự dưng biến mất
Ẩn mình nơi đâu?

Chỉ vài hôm sau
Hạt mầm vội nhú
“Phép màu” thật sự
Đất cần bống xanh.

Phạm Hồ - có bao giờ tôi xa Quy Nhơn

LÊ NHẬT KÝ

Năm 1955, Phạm Hồ rời Quy Nhơn tập kết ra Bắc. Từ đó cho tới khi mất (2007), ông sinh sống và làm việc tại Hà Nội. Trong hơn nửa thế kỷ xa quê đó, nhà thơ Phạm Hồ luôn có “những con sóng nhớ thương”, làm thành cảm hứng đưa đến sự ra đời những tác phẩm về đề tài quê hương: *Gió biển Quy Nhơn*, *Dáng đi Bình Định*, *Cây bánh tét của người cô...*

Trước hết, tình cảm quê hương đã hình thành ở Phạm Hồ một khả năng liên tưởng đặc biệt. Từ những gì hiện diện trước mắt, ông có thể nhận ra bóng dáng của quê hương. Bài thơ *Dáng đi Bình Định* là một trường hợp tiêu biểu. Nhà thơ bắt đầu từ một phát hiện tưởng như rất khó nắm bắt:

Tôi bỗng nhận ra cái dáng đi Bình Định

Trên một người đang rảo bước trước tôi

Từ dáng đi của một người xa lạ, ký ức nơi ông lập tức mở ra hàng loạt liên tưởng: dáng bà, dáng má, những người trong xóm, những anh dân quân, những người thầy dạy tuồng... Rồi từ đời sống thường ngày, nhà thơ liên tưởng đến dáng đi vững chãi của người nghĩa quân Tây Sơn nơi rừng núi An Khê, hay những người dân chài bên sông bên biển. Đáng chú ý, quá trình liên tưởng đó cuối cùng lại quay về với chính chủ thể trữ tình. Người đi trước “bỗng rẽ một đường quanh rồi biến hẳn”, nhưng “cái dáng đi Bình Định yêu thương” vẫn còn đó, “trên cái bóng của chính tôi/ đang di động trên đường”. Quê hương từ chỗ là hình ảnh bắt gặp bên ngoài đã nhanh chóng trở thành một phần trong chính con người nhà thơ. Có thể nói, Phạm Hồ không chỉ nhìn thấy quê hương trong thế giới mà còn nhìn thế giới qua ký ức quê hương.

Nếu *Dáng đi Bình Định* cho thấy sự trở về bằng liên tưởng thì ở nhiều sáng tác khác lại cho thấy một hình thức trở về sâu kín hơn: tâm tưởng. Trong bài thơ

Nhớ má, từ một buổi “Chủ nhật trời mưa bay lất phất”, nhà thơ nhớ lại cuộc gặp người mẹ sau hai mươi năm xa cách. Những gì được nhớ không phải những sự kiện lớn lao mà là những chi tiết rất nhỏ: dáng mẹ, giọng nói, bàn tay mẹ sờ đầu, nắm tay xem con béo hay gầy, bữa cơm mẹ gấp đầy bát... Chính những chi tiết đời thường ấy đã khiến cho nỗi nhớ trở nên bình dị và sâu sắc hơn. Hai mươi năm xa cách được dồn lại trong một cuộc gặp, rồi cuộc gặp ấy trở thành ký ức để nhà thơ mang theo suốt đời.

Trong bài thơ *Nhớ chị*, cuộc trở về với người thân lại mang sắc thái đau đớn hơn nhiều:

*Ba mươi năm, gặp gỡ
Bỗng vĩnh biệt ngàn đời!*

Sau ba mươi năm xa cách, nhà thơ vừa kịp trở về gặp chị thì đã phải chứng kiến giây phút chị ra đi, rồi bỏ cõi thế. Những điều rất nhỏ như “kịp nhìn chị nhếch cười”, “kịp được cầm tay chị”, “kịp chén nước bưng đưa”... trở thành những may mắn cuối cùng của cuộc đoàn tụ.

Mạch tâm tưởng ấy còn hiện diện trong những sáng tác văn xuôi viết về tuổi thơ và quê nhà. Trong truyện *Ổ trứng gà so*, Phạm Hồ gây bất ngờ cho người đọc về vẻ đẹp của nhân vật cô Trọ nghèo khó qua việc đem cả “ổ trứng gà so” tặng cho gia đình người chị sắp đi xa. Cô Trọ nghèo khó, nhưng không nghèo tình nghĩa, lúc nào cũng nghĩ tốt cho người khác: “Trứng gà so ăn bổ lắm”, “Cô biết là má con, từ hồi còn nhỏ ưa ăn trứng vịt lộn lắm”...

Ở *Gió biển Quy Nhơn*, quê hương lại trở về từ một cảm giác rất nhỏ của tuổi thơ, đó là ngọn gió biển từ Giã thổi lên Phủ Mới, vị mặn của muối biển, tiếng sóng và niềm háo hức của một đứa trẻ được theo mẹ xuống Quy Nhơn. Sau này, mỗi khi nhắc đến “gió biển Quy Nhơn”, Phạm Hồ vẫn nhớ như in “cảm giác lâng lâng ở trong người khi gặp được ngọn gió từ dưới Giã chạy lên...”. Ký ức tuổi thơ, vì thế, không chỉ lưu giữ sự vật mà còn có cả cảm giác về sự vật đó.

Những sáng tác như *Nhớ má*, *Nhớ chị*, *Gió biển Quy Nhơn*, *Ổ trứng gà so* và nhiều tác phẩm khác cho thấy quê hương trong tâm tưởng Phạm Hồ được hợp thành từ những gì gần gũi nhất từ hình ảnh người mẹ, người chị, người cô, mái nhà, ngọn gió, bữa cơm, ổ trứng... Đó là một quê hương được nhìn từ bên trong, bằng tình cảm của một người con xa quê lâu ngày. Khoảng cách địa lí không làm quê hương mờ nhòe đi mà trái lại khiến những hình ảnh thân thuộc trở nên ám ảnh hơn. Như chính nhà văn từng chia sẻ, những hình ảnh tuổi thơ như “con gà đất, cái trống rung và cây pháo thăng thiên” đã góp phần vào những sáng tác của ông sau này.

Nếu ở những sáng tác trên, quê hương chủ yếu trở về qua ký ức và liên tưởng thì cuộc trở về Quy Nhơn ngay sau ngày đất nước thống nhất (1975) lại mở ra một cấp độ khác khi Phạm Hồ không chỉ gặp lại quê hương mà còn nhìn lại, nhận thức lại quê hương sau hai mươi năm xa cách. Chính cuộc hội ngộ này đã khiến cái quen thuộc trở nên mới mẻ, đông đầy hạnh phúc.

Bài thơ *Qui Nhơn* thể hiện tập trung nhất cảm xúc của Phạm Hồ ở cuộc trở về ấy. Ngay từ những câu mở đầu, nhà thơ đã tạo nên một nghịch lý giàu ý nghĩa:

Qui Nhơn ơi! Có bao giờ tôi xa Qui Nhơn

Nhưng hôm nay mới thật là trở về, là gặp lại⁽¹⁾...

Về mặt địa lí, ông đã xa Quy Nhơn suốt hai mươi năm, từ khi lên tàu ra Bắc tập kết cho đến ngày đất nước thống nhất (1955 - 1975). Song về mặt tình cảm, ông chưa bao giờ rời xa nơi ấy. Bởi vậy, “trở về” là trở lại thành phố biển đã gắn bó từ thuở học trò, là “gặp lại” với toàn bộ thế giới đã làm nên ký ức và căn tính của người con Bình Định (nay là Gia Lai). Trong cuộc gặp lại ấy có biển xanh, sóng nước, bãi cát, những con còng, sân đá bóng, những gốc me, gốc phượng, gốc bàng, những con đường đưa người thanh niên Phạm Hồ ra Bắc và những gương mặt “dầu mới lớn lên hay già đi, đều vô hạn thân quen”. Quy Nhơn năm 1975 còn mang dấu ấn chiến tranh với những biển xăng bốc cháy, kho bom Mỹ ở đèo Sơn và cái chết của người em tên Minh. Vì thế, cuộc trở về của ông còn là quá trình tái nhận thức quê hương trong chiều dài lịch sử của nó.

Ý thức về cội nguồn ấy còn được nhà thơ biểu hiện trong *Thanh gươm của nghĩa quân Tây Sơn*. Bằng hình ảnh thanh gươm “ngắn chỉ non thước” nhưng “nhìn dài cả một thời”, Phạm Hồ đưa người đọc trở về với tầm vóc lịch sử của phong trào Tây Sơn và người anh hùng áo vải Quang Trung. Thanh gươm tuy đã “mòn rỉ hết” nhưng nó vẫn “sáng ngời”, bởi giá trị của di sản nằm ở tinh thần lịch sử mà nó chuyển tải.

Đặc biệt, khi trở về với tuổi thơ bằng văn xuôi, Phạm Hồ không chủ trương chỉ phục dựng những kỷ niệm cá nhân. Trong “Mấy lời nói đầu” cho tập sách *Cây bánh tét của người cô*, ông cho biết tuổi thơ mình gắn với cả “làng quê” và “thành phố (Quy Nhơn)”, với những kỷ niệm “vui, buồn lẫn lộn, nhưng phần lớn là buồn”. Tuy nhiên, giữa cuộc sống đầy khốn khó ấy, ông vẫn thấy “ánh lên những phẩm chất đạo đức Việt Nam” tốt đẹp. Vì thế, hồi ức về quê hương ở Phạm Hồ có sự chuyển hóa từ cái riêng của cá nhân sang cái chung của cộng đồng. Những người mẹ, người chị, người cô, người thầy, những gia đình nghèo khó... qua miêu tả của ngòi bút Phạm Hồ đã trở thành những hình tượng cao đẹp của quá khứ, có tác dụng giúp bạn đọc “hiểu thêm, yêu thêm cái hôm nay”.

Trong hệ thống truyện của Phạm Hồ, *Cô bé và ông Táo* là một trường hợp đặc biệt khi nội dung nói về sự tích loài hoa mai vàng vốn rất phổ biến ở vùng quê An Nhơn. Hiện thực quê hương ở đây được bao bọc bởi sắc màu cổ tích: cô gái dũng cảm sau khi cùng cha diệt quái thú bảo vệ dân làng đã hóa thành cây mai vàng, tiếp tục làm đẹp cho mọi người vào mỗi dịp Tết đến, xuân về. Ở đây, ký ức quê hương đã được chuyển hóa thành sáng tạo nghệ thuật, cái có thật của đời sống được nhào nặn thành một câu chuyện mang màu sắc huyền thoại. Thiết nghĩ, đó cũng là một cách trở về đặc biệt của Phạm Hồ khi ông sáng tạo lại quê hương bằng trí tưởng tượng và tình yêu.

Vào những năm cuối đời, Phạm Hồ có xu hướng viết những bài thơ giàu tính

triết lí và chiêm nghiệm. Một trong số đó là bài *Đi và đến, gần và xa*⁽²⁾, có những câu thơ đáng chú ý sau đây:

Đang đi, đã có đến

Đang gần đã có xa...

Từ ý thơ trên, có thể thấy, cuộc đời của Phạm Hồ được cấu thành từ nhiều hành trình “đi và đến” khác nhau: đi học, đi làm cách mạng, đi thực tế sáng tác, đi về phía tuổi thơ..., và đi về với quê hương Bình Định - Gia Lai. Ở hoàn cảnh của ông, hành trình đi về với quê hương được thực hiện thông qua nhiều phương án khác nhau. Điểm chung là, hình ảnh quê hương luôn được nhà thơ tái hiện dựa trên những phát hiện tinh tế và bao bọc bằng mạch cảm xúc đôn hậu, tích cực. Với đặc điểm đó, quê hương không chỉ là nơi để nhớ mà thực sự là mạch nguồn quan trọng trong sáng tạo của đời văn Phạm Hồ.

Ngày 28 tháng 11 năm 2026 sắp tới sẽ đánh dấu tròn 100 năm ngày sinh nhà văn Phạm Hồ. Thiết nghĩ, đó là dịp để chúng ta bày tỏ sự tôn vinh đối với một nhà văn quê hương đã có nhiều đóng góp quan trọng cho nền văn học Việt Nam hiện đại, nhất là ở lĩnh vực viết cho thiếu nhi. Đối với bạn đọc trẻ, đọc Phạm Hồ không chỉ để gặp lại một Quy Nhơn, Gia Lai trong quá khứ mà còn để nhận ra cách con người có thể mang theo quê hương trong hành trang tinh thần của mình như thế nào. Thực tế cho thấy, tình yêu quê hương ở Phạm Hồ được bắt đầu từ những điều gần gũi nhất, rồi dần mở rộng đến tình yêu cộng đồng, đất nước và những giá trị nhân văn rộng lớn. Như vậy, hành trình “đi và đến” của Phạm Hồ thật sự có ý nghĩa vì nó gợi nhắc mọi người cần phải biết mình từ đâu mà đến để có thể đi xa hơn và đến gần hơn với thế giới...

L.N.K

Chú thích:

(1). Ở bài thơ này, Phạm Hồ viết “Qui Nhơn” (i ngắn) chứ không phải “Quy Nhơn” (y dài) như ở những tác phẩm khác.

(2). Các trích dẫn thơ văn Phạm Hồ được lấy từ các nguồn sau: *Tuyển tập Phạm Hồ* (Nxb Văn học, 1999), *Thơ Bình Định 1975 - 1995* (Hội VHNT Bình Định, 1996), *Cây bánh tét của người cô* (Nxb Kim Đồng, 2003), *Đi và đến gần và xa* (Nxb Hội Nhà văn, 2006).

Gia Lai

mùa dã quỳ gọi nắng

CỎ THI

Sáng cao nguyên, gió đã đổi mùa. Núi lửa Chư Đăng Ya chìm trong màn sương mỏng, hơi lạnh theo gió len qua vòm cây, trườn xuống triền đất đỏ, chạm vào mái nhà, hàng rào, bậc cửa. Nắng lên muộn hơn thường ngày, nhạt và trong, rơi từng chút một xuống vạt cỏ. Xa xa, tiếng chim gọi nhau riu rít. Con đường dẫn về phía rẫy vắng người, chỉ còn dấu bánh xe in trên nền đất ẩm. Rồi một đốm vàng hiện ra bên triền dốc. Thêm một đốm nữa... Và phía sau khúc quanh, những bụi dã quỳ đã bắt đầu thấp lên sắc vàng trên sườn đồi.

Âm thầm qua những tháng mưa, ngày nắng, dã quỳ lặng lẽ lớn lên bên bờ rẫy, ven đường, dưới chân núi. Đến khi hơi lạnh đầu mùa chạm xuống cao nguyên, hoa đồng loạt mở cánh. Màu vàng vốn nằm đâu đó trong đất, trong nắng, trong những tháng ngày mưa nắng, nay bỗng bật lên giữa trời xanh, làm con đường quen bỗng trở nên lạ mắt.

Gia Lai vào mùa hoa dã quỳ không còn vẻ trầm mặc thường ngày. Sắc hoa chạy theo những con đường, nghiêng xuống triền dốc, rồi lại vươn lên theo sườn núi. Hoa đứng bên những rẫy cà phê đang vào mùa, nép dưới tán cây, len qua bờ đất, chạm cả vào hàng rào cũ kỹ...

Dã quỳ không tìm chỗ bằng phẳng để đứng. Hoa chọn những bờ đất nghiêng, những triền dốc gió lộng, những khoảng đất bỏ quên bên đường. Đất cần cho rễ cây bám sâu. Mưa nhiều cho thân lá vươn mình. Nắng dữ dội ấp ủ những sắc hoa vàng. Đến mùa, tất cả những tháng ngày âm thầm ấy cùng lúc hiện lên trong một bông hoa nhỏ. Bởi thế, trong sắc vàng dã quỳ, người ta còn nhận ra một phần vẻ đẹp của cao nguyên. Đó là vẻ đẹp được làm nên từ nắng và gió, từ nhọc nhằn và bền bỉ, từ những con đường bụi đỏ chạy xuyên qua rẫy, từ buổi sớm người nông dân khoác áo bước ra khi sương còn phủ kín lối đi.

Đầu mùa, dã quỳ chưa vàng kín những triền đồi. Hoa chỉ mới lác đác bên những bờ đất, ven con đường nhỏ dẫn vào rẫy. Có bông vừa hé, cánh còn khum lại như giữ lấy chút nắng cuối mùa mưa. Có bụi đã bung vàng rực, nổi bật giữa nền cỏ còn xanh. Sau những ngày mưa dài, cao nguyên bắt đầu khô dần. Đất đỏ se mặt. Những vũng nước bên đường cạn đi. Bầu trời cao hơn, trong hơn. Gió cũng đổi khác, mang theo hơi lạnh ngày đầu đông.

Đi trên những con đường quanh Chư Đăng Ya vào buổi sớm, người ta dễ bắt gặp những dấu hiệu đầu tiên của mùa hoa. Một bụi dã quỳ mọc bên hàng rào. Một vạt hoa thấp thoáng sau rẫy cà phê. Một triền dốc xa xa vừa được phủ lên màu vàng mỏng. Có khi chỉ vì một sắc vàng bất chợt hiện ra giữa màu xanh mà người ta ngoái nhìn, rồi tự hỏi từ bao giờ cao nguyên đã bắt đầu chuyển mùa. Hoa cứ thế, từng bụi một, từng triền một, lan dần theo những con đường đất đỏ. Sáng nay còn thưa, vài hôm sau đã thấy vàng thêm một khoảng. Những cánh hoa mỏng đón nắng, rung lên trong gió. Sau lưng hoa là núi, trước mặt là đường, bên cạnh là những rẫy cà phê đang xanh rì. Cảnh vật vẫn quen, chỉ có màu vàng khiến tất cả bỗng trở nên rực sáng.

Giữa mùa, dã quỳ không còn đứng thành từng đám nữa. Hoa nổi hoa, bụi nổi bụi, triền này sang triền khác. Những con đường đất đỏ, trước kia chỉ có cỏ dại ven đường, nay ngập trong sắc hoa vàng rực hai bên. Có đoạn hoa phủ sát mép đường, có đoạn cả sườn đồi như được trải một tấm thảm vàng. Phía trên là trời xanh, phía dưới là màu đỏ bazan. Cao nguyên vào những ngày ấy vừa dữ dội bởi nắng gió, lại vừa dịu dàng bởi sắc hoa dã quỳ.

Buổi sáng, dã quỳ trong và tươi. Sương còn đọng trên lá, ánh nắng đầu ngày xuyên qua từng cánh hoa, làm màu vàng trở nên dịu dàng. Đến trưa, hoa cháy lên dưới mặt trời. Vàng trên nền xanh. Vàng bên màu đất đỏ. Vàng chạy dài theo những khúc cua rồi mất hút sau chân núi. Nắng đã thôi gay gắt, nắng nghiêng dài trên những sườn đồi. Dã quỳ ngả theo chiều gió, những cánh hoa bắt ánh sáng cuối ngày, vàng như mật. Xa xa, khói bếp bắt đầu bay lên từ những mái nhà nằm khuất sau rẫy. Tiếng xe thưa dần trên đường. Chỉ còn gió đi qua triền hoa, lay động từng bụi dã quỳ đang ở độ rực rỡ nhất.

Cuối mùa, gió trở nên hanh khô. Những cánh hoa bắt đầu phai màu và thưa hơn. Màu vàng rơi xuống bên đường, nằm lẫn trong cỏ khô. Triền dốc thôi rực rỡ, trở về với màu đất đỏ và màu xanh quen thuộc. Gia Lai lại khoác lên mình vẻ trầm tĩnh của những ngày chờ mùa mới. Mùa dã quỳ đã qua. Mưa sẽ trở lại. Rẫy cà phê sẽ xanh lên. Nắng sẽ hong khô những con đường. Gió núi tự tìm về. Và một sớm nào đó, giữa màu xanh miên miết của cao nguyên, một đám vàng sẽ bất chợt bật lên. Rồi thêm một đám nữa. Gia Lai lại gọi mùa. Mùa dã quỳ gọi nắng.

C.T

Ca vang kỷ nguyên mới

Tempo 80. Vừa phải- Trong sáng

Nhạc: Lê Khắc Hùng
Thơ: Trần Thế Tuyên

The musical score is written on ten staves in treble clef with a key signature of three sharps (F#, C#, G#) and a common time signature (C). The melody is accompanied by a simple harmonic line. The lyrics are written below the staves, with some lines having dotted lines indicating a continuation of the melody. The score includes a Coda section and a Rall section.

Đất nước bốn ngàn năm bao thăng trầm, chìm nổi. Niềm
tin như mặt trời chói ngời và dẫu đời. Đất nước bốn ngàn năm
làm thơ và đánh giặc. Cha ông mình bao lần khai mở kỷ nguyên
mới. Hơ.....
..... Kỳ nguyên mới. Kỳ nguyên như cổ tích. Niềm khát khao muôn đời. Dân giàu,
nước mạnh, Tổ quốc hùng cường. Tiên tổ nguyên vẹn lời thề. Kỳ nguyên mới. Kỳ nguyên vươn mình ra biển
lớn. Dưới cờ hồng đỏ thắm máu bao triệu người. Bao khát vọng bóng cháy. Bao niềm tin son sắt
về ngày mai tươi sáng một Việt Nam rạng ngời. *Coda* *Mãi là câu dân*
Rall
ca. Như trăng rằm vơi vơi. *Mãi là tiếng sóng biển. Diệu vợi và bao dung.*

Nông nân Pleiku

Nhạc và lời: ĐÀO MINH TÂM

$\text{♩} = 110$

Plei - ku ơi, Plei - ku! Chiều nghiêng nghiêng nắng
Plei - ku ơi, Plei - ku! Chiều nghiêng nghiêng nắng

Trời xanh mây trắng Chút gió đại ngàn, sương giăng mờ màng
Trời xanh mây trắng Chút gió đại ngàn sương giăng mờ màng

Chờ ai? Đợi ai? Plei - ku ơi, Plei - ku!
Chờ ai? Đợi ai? Plei - ku ơi, Plei -

Đổi thông vi vu Tìm em nơi đâu?
ku! Đổi thông vi vu Tìm em nơi đâu?

Phố xá thành thang Lối cũ dẫu dài Thoảng hương cà phê.
Phố xá thành thang Lối cũ dẫu dài Thoảng hương cà phê.

Nồng nàn Plei - ku ...nồng nàn nổi nhớ! Đất đỏ ba - zan
Thúc cả quê hương

thơm buổi hẹn hò. Tiếng công chiêng nồng nàn men say.
thục cả cội nguồn. Men tình yêu nồng nàn môi...

Lung linh Biển Hồ mệnh mang kỷ niệm. Nồng nàn Plei - ku
Lung linh Biển Hồ mệnh mang kỷ niệm. Nồng nàn Plei - ku...

...hôn Cho mãi đời anh vẫn vương Plei - ku! Cho mãi đời
...hôn Cho mãi đời anh vẫn vương Plei - ku Cho mãi đời

anh vẫn vương tình em!
anh vẫn vương tình em!

Quy Nhơn trong tôi

Slowrock

Nhạc & lời: Hùng Phan

Quy Nhơn trong tôi là những sớm mùa xuân Bình minh lên, mặt
trời còn ngái ngủ Dòng người qua, hối hả xuống phố Như cánh chim
én lượn giữa trời xanh trong Quy Nhơn trong tôi là những chiều nắng
hạ Trẻ em tung tăng thả diều trên bãi cát Tiếng sóng biển rì
rào như đang kể Bao chuyện buồn vui, cay đắng của cuộc đời
Quy Nhơn ơi! Yêu lắm Quy Nhơn Yêu những đêm thu ánh trăng dịu
dịu Đôi ta sánh bước trên đồi Thi Nhân Tiếng thơ Hàn Mặc Tử còn vương
vấn Hòa cùng gió biển, đắm say lòng người Quy Nhơn ơi! Nhớ lắm Quy Nhơn
Nhớ những ngày đông mây giăng kín lối Nhìn bóng Tháp Đôi lòng xao xuyến bởi
hồi Phố xưa còn đó, người xưa đâu rồi Em còn nhớ? Hay em đã quên!!!